

NEUROTONIC



NEUROTONIC

- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

PHỔ THÔNG

Giám đốc: Ubu-bút Nguyễn Bội



245

BỘ SÁCH

TUẤN,

chàng trai

Nước Việt

(Chứng-tích Thời-đại từ 1900 đến 1970)

đã phát-hành Toàn-Quốc

và đã được Triển-lãm ở Quartier Latin, Paris
từ ngày 15-5-70.

Gồm 2 quyển đầu :

Quyển I, 600 trang,

Quyển II, 500 trang,

Giá tổng cộng 2 quyển : 730đ

giá bán ở Việt-Nam

TUẤN, chàng trai Nước Việt

(Chứng tích Thời-đại từ 1900 đến 1970)

đã có bày bán tại các tiệm sách lớn ở Thủ Đức :

XUÂN THU đường Tự-Do,

KHAI-TRÍ đường Lê-Lợi

SỐNG MỚI đường Phạm ngũ Lão,

Nhà phát hành NAM-CƯỜNG, đường Nguyễn Thái Học

Tòa soạn tuần báo THẮNG BỜM.

và khắp các tiệm sách lớn ở Đô-thành và Toàn Quốc.

Bạn đọc ở Quốc ngoại có thể đến xem sách và ghi tên mua tại Đại-lộ Saint Jacques, số 269, Paris VII hoặc tại Trụ sở Hội Sinh-viên và Lao-động Phật-tử Hải ngoại (Association de Etudiants et Ouvriers Bouddhistes Vietnamiens d'Outre-Mer) đường Maxime Gorki, Chủ tịch Thượng Tọa Thích Thiện Châu,

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VAH-HOÀ VIỆT NAM
PHO BIÊN VAH HOÀ ĐÔNG TÂY KIM-CỒ

Giám-độc, Chủ-bút ; Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 245 — 15-5 1970

1 — Khóc Phật	Nguyễn-Vỹ	7 — 10
2 — Phật Thích-Ca Mâu Ni	Thích-huyền-Vi	11 — 20
3 — Thư Hòa-Lan	Tâm-Khiết	21 — 24
4 — Vua Nam Chiếu (t.t.)	Nguyễn-tiến-Trợ	25 — 33
5 — Tình con vượn trên Tuyệt lĩnh Sơn	Thùy-dương-Tử	34 — 37
6 — Chiếc nốt ruồi (t.t.)	Ng-hữu-Trọng	38 — 47
7 — Một chuyến đi thăm lăng tằm (t.t.)	Trần-Lê Nguyễn-Vũ	48 — 54
8 — Hàn-Tín có phải là (t.t.)	Đông-Tùng	55 — 64
9 — Nguyễn-hữu-Cảnh	Ng-tâm-Thanh	65 — 72
10 — Lời của tình yêu (thơ)	Trần-Chuân	73 —
11 — Hát bội Bình-Định (Trung)	Ng-tấn-Lộc	74 — 77
12 — Bất hạnh (Tùy bút)	Thùy-An	78 — 83
13 — Qua vùng tâm tư	Thanh-Xuân	84 — 90

14 — Khóc Kính-Chỉ tiên sinh (thơ)	<i>Đỗ-văn-Nhị</i>	91 —	
15 — Bức thư Nhật.Bản	<i>Trần-văn-Quang</i>	92* —	94
16 — Em chỉ là thi sĩ (thơ)	<i>Hoài-Thi</i>	95 —	
17 — Bình đội binh chế VN	<i>Tin-Khanh</i>	96 —	100
18 — Gửi từ Đại học xá (thơ)	<i>Ng-tường-Vân</i>	101 —	
19 — Sách của một người	<i>Lan-Đình</i>	102 —	104
20 — Hẹn (thơ)	<i>Ng-công-Danh</i>	105 —	106
21 — Nhớ tiếc Kính Chỉ (thơ)	<i>Tương-Phổ</i>	107 —	
22 — Võ-Thuật	<i>Trần-tuấn-Kiệt</i>	108 —	112
23 — Chuyện cổ tích Cao-miền	<i>Dap-Xiên</i>	113 —	120
24 — Người xưa đã thực thi	<i>Ái-Lan</i>	121 —	124
25 — Sách báo mới		125	
26 — Bạn đọc viết		126 —	127

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-đ).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỒ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỒ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

ĐẶC-BIỆT PHẬT-ĐẢN



Nam-Mô Bồn-Sư
Thích-Ca Mâu-Ni
Phật !

KHÓC PHẬT

THẦY Hòa.Thượng Đôn-Hậu của con ơi ! Mùa Phật-Đản đau-đớn năm nay Thầy ở đâu ? Thầy đang sống dở chết dở nơi hốc núi ven rừng nào ? Hay Thầy đã ốm bệnh xuyên triền-miền về mưa ra máu nơi cõi Phật, như lúc Thầy còn nằm thọ bệnh trong Chùa Linh-Mụ, trong Chùa Linh Quang, bên cạnh Thầy Tri-Quang và con ?

Thầy ơi ! Mùa Phật-Đản thê-thảm năm nay Thầy có biết gì không ? Ở chốn Saigon đầy ma-yêu quỷ quái, hai nhóm Tỳ-kheo phản Phật, mệnh danh là «Thượng-Tọa», «Đại Đức» mặc áo Thầy Tu, đang chửi rủa nhau tàn tệ trước mặt Phật, kẻ này đòi «chặt đầu» kẻ kia, kẻ kia đòi bắn giết kẻ nọ. Họ đang dùng, Thầy ơi ! tất cả những thủ-đoạn bất chính, bạo-tàn, phi-nghĩa, để gây thù trút oán lẫn nhau, dùng chuông mõ để kêu gọi tàn-sát lẫn nhau, dùng «Đạo Pháp», «Dân Tộc», để lừa bịp chúng sanh, để xâu-xé nhau, hãm-dọa

giết nhau vì tham,sân, si,như từ xưa đến nay trong Lịch sử Phật-giáo Việt-Nam chưa từng có ! !

Từ khi con quy-y với Thầy trước ngôi Tam-Bảo, Thầy chỉ cho con đọc biết bao nhiêu Kinh Sách Phật, chưa bao giờ con nghe Thầy giảng-day một lời nào của Phật giống như những lời găm hét độc-địa, ghê rợn, của mấy kẻ mặc áo Cà-Sa, tay cầm chuỗi hạt Bồ-Đề, miệng thốt những câu khát máu !

Con chưa bao giờ nghe Thầy giảng-giải cho con một cử.chỉ nào của Phật, giống như những hành-động phi Phật, phi Pháp, phi Tăng, của những kẻ tự-hào là «Con Phật» kia !

Thầy Đôn-Hậu từ-bi hỷ-xả, đức-dộ cao dày, của con ơi ! Hôm nay nhớ Thầy,con quỳ trước tượng Phật,ròng-rả khóc Phật,khóc Thầy ! Con biết giữa thời mạt Pháp,quỷ sứ ma vương hiện lên Ta bà thế-giới để hại Phật, để bêu-xấu Phật, để dập-dỗ Phật, nhưng con đau khổ không được gặp Thầy để khóc bên Thầy.

Con thương Thầy Tri-Quang vô-cùng nếu thật Thầy có ý,định bỏ Saigon về Huế,bỏ Ấn-Quang về Từ-Đàm. Con hiểu Thầy Tri Quang trong khung-khổ suy

tưởng cô-đơn của Thầy ấy từ mấy lúc sau đây, con tin rằng Thầy Tri-Quang cũng đã thấy Phật khóc, và Thầy đã khóc Phật. Phải chăng Thầy đã muốn xa-lánh trách-nhiệm phản-bội Phật, phản-bội Pháp, phản-bội Tăng, trước Lịch-sử và Đồng-bào Phật-tử ?

Với một chút an-ủi đó, đêm nay, thắp hương cầu nguyện Phật, con chép mấy dòng này để ghi lại mối hận cho những thế-hệ mai sau, và để cầu mong toàn thể Phật-tử thuần-thành, chân chính, đang khóc như con, tìm được trong ngần lệ nguồn an-ủi và tin-tưởng bất diệt nơi Đức Phật Từ Bi của muôn ngàn đời.

Nam Mô Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát !

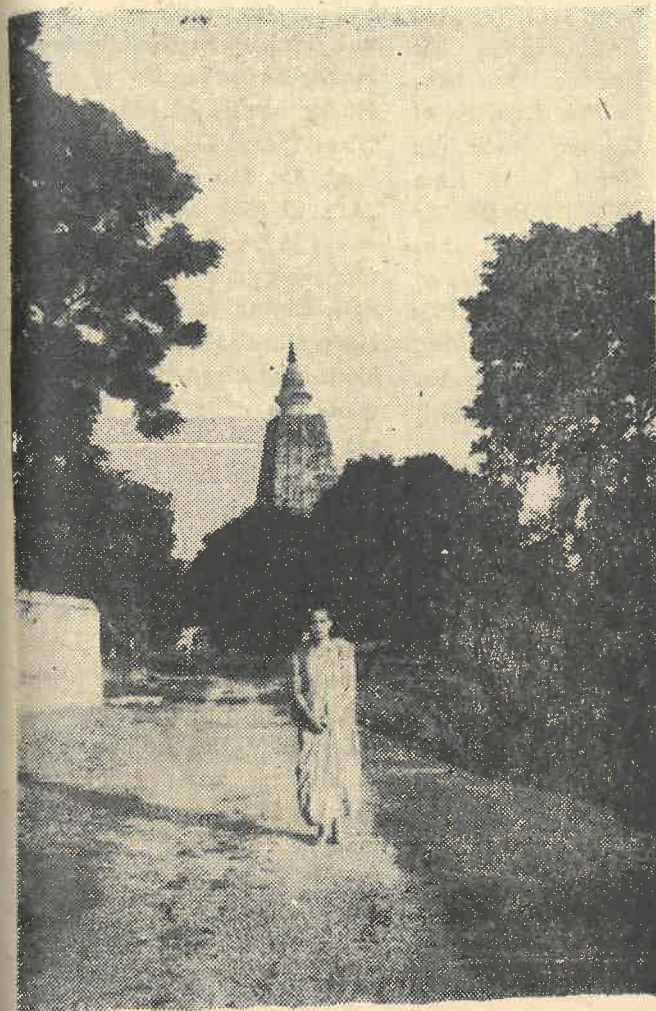
THÍCH-TẠM-TRÍ



PHẬT THÍCH CA MÂU NI

(Sàkyamuni Buddha)

● THÍCH HUYỀN-VI



Tác giả
đứng trước
Thánh địa
Buddhagaya
(Bồ Đề
đạo tràng)
nơi Phật
đắc đạo

1) Giảng sanh

HÀNG năm, trăm nghìn du khách, không luận Phật giáo đồ hay không phải Phật giáo đồ, từ các nước trên thế giới đến Ấn độ (India) chiêm bái hay thăm viếng các Phật tích, đều có đến vườn Lam tỳ ni (Lumbini) bây giờ thuộc địa phận nước Nepal. Vườn Lam tỳ ni chính là nơi đức Bồn sư Thích ca Mâu ni giảng sanh. Hiện nay còn một trụ đá, có khắc một hàng chữ Brahmin như vậy: «Đây là chỗ đức Sàkyamuni (Phật) đản-sanh». (Hida Budhe-jàte Sàkyamuniti)

Trụ đá này dựng lên trước kỷ nguyên 249 năm do Thánh quân A-Dục (Asoka Ràja) của Ấn độ, tính đến nay hơn 2.200 năm. Lúc bấy giờ nước Nepal trực thuộc Ấn độ, phía nam là thành Ca kỳ la Vệ (Kapilavastunagara), gần lưu vực sông Hằng (Ganga Kohana), phía đông của thành là vườn Lam tỳ ni (Lumbini). Thái tử Siddhàrtha giảng sanh chốn

này. Lúc ấy trước kỷ nguyên 565 năm, cũng chính là đời Châu linh Vương ở Trung Quốc, nhằm ngày 8^o tháng 4 năm thứ bảy.

Thái tử Siddhàrtha là con vua Tịnh Phạn (Suddhodana), Hoàng đế nước Ca tỳ la Vệ, Hoàng hậu là bà Ma gia phu Nhơn (Maya Devi) sau khi tu hành đắc đạo hiệu là Thích ca Mâu ni (Sàkyamuni Buddha). Sàkyamuni là họ của ngài, Muni là tên riêng của ngài về Phạn ngữ. Chúng ta có thể dịch là Năng Nhơn nghĩa là ngài thật hành lòng Nhơn từ, rộng giúp trong ba cõi: (cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc). Chữ Siddhàrtha có nghĩa là Kiết trưởng lại cũng có nghĩa là Thành tựu. Chữ Phật đà (Buddha) cũng là tiếng Phạn có nghĩa là bậc Đại giác ngộ. Chúng ta thường gọi tắt là Phật. Thế tôn (Loka-jyestha) nghĩa là bậc được tôn kính bởi mọi người trong thế gian. Vì thế cho nên chúng ta thường xưng «Thích ca Mâu ni Phật» hay là «Thích ca mâu ni Thế tôn».

Thái tử Tất đạt Đa (Siddhàrtha) giảng sanh 7 ngày, bà Hoàng hậu Mayadevi nhờ phước báo ấy sanh lên cung trời Đao lợi (Trayastrimsas), bà di mẫu Ma ha ba xà ba Đề (Mahàprajapati) thay Hoàng hậu dưỡng nuôi Thái tử đến lúc trưởng thành. Từ nhỏ Siddhàrtha thiên tài thông huệ, văn võ toàn tài: năm 15 tuổi được tôn làm Đông Cung Thái tử; 17 tuổi vua Tịnh Phạn cưới Công chúa Gia du đà La (Yàsodharà) cho Thái tử. Sau đó Công chúa sanh được một Hoàng nam tên là La hầu La (Ràhula).

2) Xuất gia

Thái tử Siddhàrtha là bậc tôn quý, là một Đông cung sắp kế vị trên ngai vàng, vật chất cùng quyền lực quá đầy đủ, 5 thứ dục lạc (tài, sắc, danh, thực, thù), không thiếu món nào, thế mà Thái tử xá trừ tất cả để xuất gia tìm đạo. Trong trường hợp này, chúng ta nhận xét có rất nhiều nguyên nhân; nhưng nếu chỉ đứng

trên sự tướng theo pháp thị hiện thế gian mà thuyết minh, chúng ta tìm thấy có hai nguyên nhân chánh:

(a) Thái tử nhìn thấy cảnh khổ «về đời sống của con người» một hôm nọ, Thái tử ra dạo chơi ngoài đồng ruộng, thấy các nông phu đang cấy cấy, dưới ánh nắng thiêu đốt của trần gian, chân bùn tay lấm, thân hình mệt mỏi, khổ sở phi thường. Những đàn trâu kéo cày, trên cổ bị rách da chảy máu, đi trong bùn lầy khổ cực, thế mà còn bị đánh đập liên miên. Tiết trời nóng cháy da, người, trâu đều mệt lả. Thái tử không dám ngo thẳng vào cảnh tượng ấy.

Trong những luống đất cày xới lên, vô số côn trùng bị tồn thương chết chóc, có những đàn chim lữ quạ đua nhau ăn tươi nuốt sống, tạo thành một cảnh đau khổ hỗn loạn. Lúc ấy trong lòng Thái tử đau nhói khó chịu, vì đã nhận thật một cảnh khổ đáng thương của chúng sanh đang tranh nhau

vì sự sống.

(b) Thái tử xem thấy các cảnh khổ «già, bệnh, chết» của chúng sanh. Khi còn làm Đông cung, Thái tử thỉnh linh thường ra dạo chơi bốn cửa thành, thấy một cụ già, ở trong đám đông, đầu bạc da nhăn, mắt lơ tai điếc, vừa đi vừa chống gậy, hành động rất là khổ sở. Thấy thế, Thái tử cảm nghĩ mọi người không ai tránh khỏi cảnh tượng già nua cơ hàn.

Rồi một hôm khác, Thái tử lại thấy một người đau ốm, thân hình tiều tụy, chỉ còn da bọc lấy xương, nằm bên lề đường, rên la thảm thiết. Thái tử liên tưởng đến mọi người không ai khỏi đau ốm mà đau ốm là một sự khổ não lạ thường.

Một bữa nọ, Thái tử thấy một thầy chết, bốn người khiêng đi, bà con họ hàng theo sau khóc lóc, trông rất não lòng. Do đó, Thái tử nghĩ rằng có người chết, người sợ hãi sự chết, nhưng không ai tránh khỏi cái chết.

Do hai nguyên nhân này, Thái tử cảm nghĩ khổ sanh già bệnh chết là nguồn gốc luân hồi của nhơn thế, quyết tâm tìm đường giải thoát cho mình và chúng sanh. Một hôm Thái tử du ngoạn ngoại thành bỗng thấy một vị Sa-Môn (Sramana). Thân tướng trang nghiêm, trông người vô tư tự tại. Thái tử đứng nghe giảng về ý nghĩa chữ Sramana: hay phá được cảnh sanh, già, bệnh, chết và tất cả phiền não, không thọ thân đời sau, thế nên gọi là Sramana, Thái tử nghe vị Sa-Môn giải thích sơ lược rồi, quyết định xuất gia tìm đạo. Năm 19 tuổi, đêm mùng 7 tháng hai (theo giáo hệ Đại thừa), Thái tử gọi Xa-Nặc (Chandaka), tên hầu Thái tử, thắt ngựa Kiền Trắc (Gandhara) rời khỏi Hoàng cung xuất gia tìm đạo. Thái tử đi vào rừng, tự mình cạo tóc đổi áo, bảo Xa nặc dắt ngựa Kiền Trắc trở về tâu lại Tịnh Phạn Vương.

Vua Tịnh Phạn sai các vị Đại thần đi tìm Thái tử khuyên

nhủ, bảo trở về, nhưng không thể lay chuyển ý chí quyết liệt của Thái tử. Lúc bấy giờ, Vua Tịnh Phạn bảo các vị Kiêu trần Như (Ajnata — Kaundinya), A xá bà Thệ (Asvajit), Ma ha bạt Đề (Bhadrika), Maha câu Lợi (Mahànàma Kulika) và Thập lực ca Diếp (Dásabala-Kasyapa) năm vị theo dõi phụng trì làm bạn đạo tu hành với Thái tử.



3) Tu hành

Lúc đầu, Thái tử tự-tu khổ hạnh trong rừng, tìm đến các vị Đạo sĩ, như Ngài A la Lạ (Arada), Ngài Uất đầu lam Phát (Udra Ràmaputra) v.v... hỏi đạo tu hành, nhưng phương pháp hành đạo của các vị ấy không làm cho Thái tử mãn nguyện. Kế đó, Thái tử đến

thành Vương xá (Ràjagrha) và bên mé sông Ni liên Thiên (Nairanjanà) tìm sư hỏi đạo, trải qua 5 năm trường như vậy, cuối cùng Thái tử đến gần núi Già-gia (Gayagiri), thuộc nước Ma kiệt Đà (Magadha), chuyên tâm tu trì, hằng ngày Ngài chỉ ăn một ít mè, một ít bắp còn da bọc lấy xương. Trải qua 6 năm trường tu khổ hạnh như vậy, mắt sâu má cốp, thân hình như cây khô, chỉ có bộ xương phơi bày. Phương pháp tu hành ấy, tuy nhiên tạm thời áp phục được vọng tưởng phiền não, nhưng, không thể đạt đến con đường giải thoát hoàn toàn.

Lúc bấy giờ, Thái tử đứng dậy chỗ ngồi đi đến mé sông Ni liên Thiên, tắm gội các trần cấu trên thân, nhận lãnh bát sữa bột của nàng Suyata dâng cúng, khiến cho thân thể phục hồi phần nào. Sau đó, Thái tử lội qua bên kia sông, đến dưới cội cây Bồ-đề, trải cỏ kiết tường, tréo mấy chân ngồi, phát đại thệ rằng: «nếu không thành đạo, ta không đứng

dậy chỗ ngồi này.

«Let my skin, sinews and bones alone remain, and let my blood and flesh dry up, yet never will I more from this seat without attaining fall enlightenment».

Như vậy trải qua 49 ngày, Thái tử thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

4) Thành đạo.

Đức Phật ngồi trên tòa Kim cang (Vajrasana), dưới cội cây Bồ-đề (Bodhi taru) suy nghĩ làm thế nào để giải quyết các vấn đề sanh tử cho chúng sanh. Do nơi lòng tin niệm kiên cường, dũng mãnh tinh tấn, các ma chướng sắc thính ở ngoại cảnh và các ma tử phiền não ở nội tâm, thứ lớp sanh khởi, thứ lớp hàng phục. Đức Thế tôn đặt thành câu hỏi : tại sao có sanh ? tại sao có tử ? tại sao có sanh sanh tử tử ? không thể tự thoát ? Nguyên nhân chính yếu kia là đạo lý sanh tử lưu truyền, cũng tức là pháp 12 nhưn duyên

(Dvādasāṅga pratīyasamutpāda), nguyên lý cơ bản của Phật giáo.

Theo sử Phật giáo Bắc tôn chép : ngày 8 tháng chạp, lúc sao Mai vừa mọc, đức Bồ tát quát nhiên đại ngộ, thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (Anuttara Samyak-Sambodhi), lúc ấy đức Phật đúng 30 tuổi.

5) Độ 5 vị Tỷ kheo và thành lập giáo đoàn

Sau khi đức Phật thành đạo, Ngài vận dụng lòng đại bi, đại nguyện, rộng độ chúng sanh. Nhưng chúng ngộ được chọn lý thậm thâm vi diệu, không phải là việc dễ, bởi chúng sanh mang nhiều tà kiến điên đảo, không dễ gì tin thọ. Đức Phật muốn vào Niết bàn, nhưng lại suy nghĩ : chúng sanh thường bị khốn ách trong nhà vô minh hắc ám, nếu không dùng chọn lý chánh giác khiến họ khai ngộ thì nhiều kiếp họ phải trầm luân. Vì lẽ đó, nên đức Phật vận dụng tâm vô

duyên đại bi, không thể thối thoát. Ngài bèn quyết định trụ thế, giáo hóa cứu độ chúng sanh.

Ong Kiều trần Như (Ajnata-Kaundinya) v.v... năm người, trước kia theo làm bạn với đức Phật tu hành, nhưn thấy đức Phật nhận lãnh bát sữa bột của nàng mục nữ cúng dường. năm vị này cho rằng đức Phật đã thối tâm trên con đường tìm cầu đạo pháp giải thoát. Năm vị này tự ý ly khai đức Phật, cùng đến thành Ba la Nại (Vārānasi), ở tại vườn Lộc giả (Mrgadāva), tu hành làm đạo. Sau khi đức Phật hành Đẳng Chánh giác, Ngài đi vườn Lộc giả vì năm vị kia, nói pháp tứ diệu đế (Catvāri ārya-satyāni), độ năm người ấy trở thành Tỷ theo (Bhikṣu), đây là lần đầu tiên đức Phật chuyển diệu pháp luân, Pháp tứ đế :

Khổ đế (Duhkha ārya-satyāni)

Tập đế (Samudaya ārya-satyāni)

Diệt đế (Nirodha ārya-satyāni) và

Đạo đế (mārga ārya-satyāni) là giáo pháp căn bản tu hành trong Phật giáo. Từ đây, đức Phật là Phật bảo, pháp tứ đế là pháp bảo và năm vị Tỷ theo là Tăng bảo. Ấy là ngôi Tam bảo trong thế gian, kể đó thành lập giáo đoàn hoằng hóa lợi sanh.

6) Hoằng hóa

Đức Thích tôn hoằng hóa trong 49 năm trường, thuyết kinh hơn 300 hội, tiếp nhận hàng vạn đệ tử xuất gia, còn tại gia Phật tử không thể tính lường. Ngài cùng các đại đệ tử đi chu du khắp cõi Ấn độ thời bấy giờ, lại truyền lệnh cho đệ tử đi truyền bá đạo lý bốn phương, nhờ vậy mà quần chúng hiểu rõ Phật pháp, tin kính ngôi Tam bảo (Triratna). Điều kiện hoằng hóa trọng yếu của đức Phật lúc này là độ được ba anh em ông Ca Diếp Ba (Kāśyapa), Ngài Xá lợi Phất (Śāriputra) và Mục liên (Maudgalyāyana), Về phần

ngoại hộ đặc lực thì có Đại thần Cấp cô độc trưởng giả (Anàthapindika) và vua Tần bà sa La (Bimbisàra).

Ba anh em ông Ca diếp Ba đều là người trước kia tu theo ngoại đạo, thờ thần lửa. Ngài Đại Ca Diếp có 500 người đệ tử, hai người em mỗi vị có 250 người đệ tử. Đức Phật lại được các vị Quốc Vương, Đại thần khác và dân chúng hết lòng tin phụng. Vô số người tại gia quy y theo Phật kẻ thọ giới xuất gia làm Tỷ kheo cũng không ít, làm chấn động một góc trời nam tại nước Mạt kiết Đà (Magadha).

Hai Ngài Xá lợi Phất và Mục kiền Liên, nguyên là học giả của phái lực sự ngoại đạo, về học vấn trí thức, đương thời được mọi người tôn trọng kính nể. Như tín phụng giáo nghĩa đức Phật, hai Ngài đem 200 người đệ tử đồng thời quy y Phật, thọ giới xuất gia, do đó cho nên giáo pháp của Phật ảnh hưởng vùng này rất lớn. Về sau hai Ngài phụ tá đức

Phật đề tuyên giáo, công đức của hai Ngài rất là vĩ đại.

Quốc Vương Tần bà sa La (Bimbisàra) của nước Ma kiệt Đà (Magadha), là một ông vua thuần thành, kính tin Phật pháp, không những khuyến khích quốc dân đồng bào quy y thính pháp mà còn xây dựng một tòa tinh xá ở Trúc lâm rộng rãi thênh thang trong nội thành Ka lan Đà (Karanda), thính Phật và chúng tăng thuyết pháp thường xuyên.

Về phương bắc nước Kiêu tất La (Kosala), thành Xá vệ (Sràvasti), có vị Phú trưởng giả Tu đạt Đa (Sudatta), lại cũng có tên là Cấp cô Độc (Anàthapindika) tại trong thành kiến lập một tòa tinh xá hết sức cao rộng trang nghiêm, biệt hiệu là «Kỳ thọ cấp cô độc viên», cung thỉnh đức Phật và đệ tử Ngài an cư kiết hạ, giảng đạo ở địa phương này. Tu đạt Đa là vị hộ pháp trung thành của Phật giáo thời ấy.

Giáo nghĩa của Phật giáo

quan niệm bình đẳng, không có giai cấp, vì thế cho nên trong đồ chúng qui y theo Phật, đủ các tầng lớp người : Quốc vương, Thái tử, Đại thần, Trưởng giả, Học giả, Ngoại đạo, cũng có các hàng hạ tiện, dâm nữ, thợ thuyền, nông dân, v.v... Đức Phật muốn phá tan chế độ bốn giai cấp bất bình đẳng của xã hội Ấn độ thời bấy giờ, «bốn sông chảy về biển, không còn tên riêng biệt, bốn họ đi xuất gia, đồng là giống họ thích, tất cả bình đẳng.

Có 10 vị Thượng túc đại đệ tử của Phật, xuất thân đủ hạng người trong xã hội lúc ấy : Xá lợi Phất (Sàriputra), Mục kiền Liên (Maudgalyàyana), Đại Ca Diếp (Mahākāśyapa), A nan Đà (Ananda), Phú lâm Na (Pūrṇa), A na Luật (Aniruddha), Tu bồ Đà (Subhūti), Ưu pa Li (Upāli), Ca chiên Diên (Kātyāyana) và La hầu La (Rāhula).

7) Niết bàn

Đức Phật thành đạo lúc 30

tuổi, thuyết pháp giáo hóa độ sanh hơn 45 năm trường, đi chu du theo dọc bờ sông Hằng và các xứ lân cận trong nước Ấn độ, chỗ nào có nhơn duyên là Ngài đến hóa độ. Năm ngày 80 tuổi, chuyến du hóa cuối cùng từ thành Vương xá (Aàjagraha) đến thành Câu thi Na (Kusinagara), đức Phật cùng chúng đệ tử lội qua sông Hằng vào thành Tỳ xá Ly (Vaisàli) ở trong rừng Trúc phụ cận, đề an cư ba tháng. Lúc ấy gặp năm bị nạn đói lan tràn, Tăng chúng khó bề đi khát thực, bèn phân chia các đoàn nhỏ đi hành hóa bốn phương. Năm sau, Phật cùng Tôn giả A nan Đà (Ananda) đến thành Pa bà Lợi (Pravari), giữa đường đức Phật thị tịch, gắng đi đến thành Câu thi Na (Kusinagara), dưới song thọ Sala. Đức Phật bảo Ngài A nan Đà (Ananda) sửa soạn chỗ nơi, đức Phật nằm nghiêng bên hữu, mặt hướng về phương tây. Giờ phút chót này có một vị ngoại đạo tên là Tu bạt đà La (Subhadra), hơn 100 tuổi xin quy y Phật làm đệ tử

cuối cùng. Giữa đêm 14 tháng 2, đức Phật nằm dưới song thọ Sala, an tịnh vào Niết bàn, lúc ấy Ngài 80 tuổi, trước kỷ nguyên 487 năm cũng tức là đời Châu kính Vương, năm thứ 33 ở Trung quốc.

Đại đức Ma ha Ca Diếp (Mahākāśyapa) từ núi Kỳ xà quật (Grdhrakūta) đến thành Câu thi Na (Kusinagara) làm lễ trà tỳ (jhāpita) tức là hỏa táng. Sau khi phần hóa xong, Xá lợi của Phật một số người thuộc giòng Mạt La (Malla), tại thành Câu thi Na, quản thủ phụng thờ. Nhưng các vị Quốc Vương xa gần đem binh mã đến yêu cầu quân phân xá lợi, Kết quả, Xá lợi của Phật được chia làm 8 phần: 1) Câu thi Na (Kusinaga), 2) Pa Bà

(pravari), 3) Gia La (Carya), 4) La ma Gia (Rāmaya), 5) Ca tỳ la Vệ (Kapilavastu), 6) Tỳ lưu Đề (Virūpākṣa) 7) Tỳ xá Ly (Vaisālī) và 8) Ma kiệt Đà (Magadha), mỗi nơi thỉnh một phần mang về kiến tạo đại tháp, phụng thờ cúng dường.

Năm 1898 nhà Khảo cổ học, Ông W.C. Peppi, đến viếng thành Ca tỳ la Vệ (Kapilavastu), đào được hộp Xá lợi của Phật trong một cỗ tháp. Như thế chứng minh rằng đó là một trong nhiều nơi đã xây tháp phụng thờ Xá lợi của đức Thế tôn từ nghìn xưa.

Viết tại Nalanda (Ấn độ)

THÍCH HUYỀN - VI

NHỮNG QUẢ BOM KHÔNG LỖ NHẤT :

— Đó là những quả bom tên là «Grand Slam» của không quân Anh thả ngày 14-3-45 trên cây cầu xe lửa Bielefeld (Đức).

Quả bom dài 7m74 đường kính 1m17

— Năm 1949 Không quân Hoa-Kỳ có thí nghiệm một quả bom nặng 19.050 ký tại Hồ Muroc-Dry (California).

THƯ

HÒA-LAN

Tháng tư 1970

Chị Trúc thân mến

DANH trọn một buổi chiều để viết cho chị về chuyến đi Hòa Lan của em trong lễ phục sinh vừa rồi. Chắc chị đang cười : «À, con bé này lại sắp làm luận tả cảnh sương mù trên những cánh đồng hoa tulipe mênh mông của xứ Hòa-Lan cho mình xem đây !»

Nếu chỉ là đi du lịch, có lẽ đại khái em cũng viết được như thế thôi, nhưng hôm nay em sẽ kể cho chị nghe nhiều chuyện khác đặc biệt hơn bởi vì mục đích chính của chuyến đi này là những buổi nói chuyện của Thầy Thiện Châu

và anh Cao buy Thuần về nhiều khía cạnh của Phật giáo Việt Nam. Thầy Thiện Châu sang bên ấy diễn thuyết do lời mời của tổ chức Thiên Chúa giáo «CARITAS INTERNATIONAL». Em với một người bạn nữa được may mắn đi theo tháp tùng Thầy trong mấy ngày làm việc đó, trở về với ít nhiều ấn tượng về phong cảnh Hòa Lan, cảm nghĩ về những người Hòa Lan mà em đã được gặp qua những buổi nói chuyện của Thầy.

Thầy ở Hòa Lan năm ngày và nói chuyện nhiều lần tại «Heerlen» một thành phố ở miền Đông nam, vùng duy nhất có vài ngọn đồi và dân «Heerlen» vẫn hành diện về

«cao độ» của địa phương mình. Thầy đã trình bày lịch sử Phật giáo Việt Nam, Thiên và đã thực hành một buổi tham thiền vì những người tham dự muốn so sánh và tìm hiểu thêm để bổ túc cho lối trầm tư mặc niệm trong Thiên Chúa giáo. Thỉnh giả thuộc nhiều loại, có hôm toàn là lớp trẻ trên dưới hai mươi tuổi, sinh viên trường Thần học tại «Heerlen» mà một số lớn đã tham dự vào việc tổ chức tuần lễ Việt Nam ở đây; có hôm lại là những người đứng tuổi hơn. Một điểm tương đồng: họ là những người lưu tâm đến Việt Nam và văn hóa Việt Nam. Nhưng Việt Nam đối với họ thật quá xa vời, có lẽ ngoài cái tên ra họ không thể hình dung thêm chi khác, hưởng chi là những người Việt Nam Phật tử, sự xa lạ đó lại còn tăng gấp bội. Nếu gần đây vì cuộc chiến tranh vô cùng đau thương, cái tên Việt Nam được nhắc nhở nhiều hơn, có lẽ họ chệch hiểu mơ hồ rằng nơi ấy là một vùng bị bom đạn tàn phá, mỗi ngày có những người ngã chết có những người dân quật cường

đang hy sinh cho sự sống còn của dân tộc, nhưng chưa hề có cơ hội trao đổi ý kiến trực tiếp với những người Việt Nam để biết đầy đủ hơn những bộ mặt của thực tại Việt Nam. Đối với hầu hết các thỉnh giả, đây là lần đầu tiên họ gặp và nghe một tăng sĩ Việt Nam trình bày về Phật giáo Việt Nam. Việt Nam, một vùng đất xa xôi; Phật giáo, Đạo giáo cũng xa vời ở ngoài tầm hiểu biết của họ, họ đã tìm thấy ở Thầy một biểu hiệu của hai đối tượng mới mẻ ấy, một cơ hội giúp họ đạt thêm nhiều hiểu biết về những tình cảm, suy tư của người Việt Nam. Vì thế, khắp mọi nơi Thầy đi đến, những người bạn Hòa Lan đã dành cho Thầy sự tiếp đón hết sức nồng hậu, cởi mở và thân tình. Khách cảm thấy hoàn toàn thoải mái trong bước đầu của mỗi dây liên hệ với những người bạn mới. Các bài nói chuyện của Thầy đã mang lại cho người nghe những khám phá mới về sắc thái tư tưởng Đông phương và Phật giáo nhất là giữa lớp người trẻ, cho nên các buổi thảo luận giữa từng

nhóm nhỏ tiếp theo sau bài nói chuyện bao giờ cũng sôi nổi và phong phú chung quanh những thắc mắc về lý thuyết Phật giáo cũng như nỗi lo lắng băn khoăn của họ cho tình cảnh chiến tranh hiện tại và tương lai của dân tộc Việt Nam.

Gặp một tăng sĩ Việt Nam là cơ hội hiếm có đối với công chúng Hòa-Lan cho nên ngoài những buổi nói chuyện nằm trong chương trình thảo luận của tuần lễ Việt Nam, nhiều người và cơ quan vô tuyến truyền hình và báo chí, trong đó có một báo lớn ở Utrecht, đã đến phỏng vấn Thầy,

Cùng với Thầy, anh Cao Huy Thuần đã trình bày về phong trào Phật giáo từ 1963 đến nay tại Việt Nam và nhấn mạnh vai trò của Phật giáo như một lực lượng hòa bình rất quan trọng đã và đang tranh đấu không ngừng cho hòa bình của đất nước và chủ quyền của dân tộc. Nhắc đến anh Thuần chắc chị sẽ liên tưởng ngay đến loạt bài phóng sự trong trong một tờ báo ở nhà vì những hoạt động của anh Thuần

trong thời gian ở Pháp và không khỏi nức cười cho tình thần làm việc của những nhà báo thiếu lương tâm kia, các bài báo gọi là phóng sự điều tra ấy thực ra không gì khác hơn những thiên tiểu thuyết tình tiết ly kỳ họ đã dựng đứng ra trong mục đích quyến rũ óc tò mò của độc giả bởi vì một thiên phóng sự về những chính khách lưu vong với những nhân vật có thực vẫn có vẻ hấp dẫn hơn một thiên tiểu thuyết thường tình. Những lời bịa đặt thật quá lộ bịch nên mọi sự cải chính trở nên không cần thiết vì anh Thuần nghĩ rằng độc giả đã nhận ra rằng đó không phải là sự thực. Sự thực, anh Thuần từ khi qua Pháp đến nay chỉ tiếp tục hoạt động cho Phật giáo mà thôi, và những hoạt động có thực ấy thì các nhà ký giả của thiên phóng sự lại không hay biết gì cả!

Nếu phải thêm một mục tả cảnh trong lá thư này em muốn viết rằng quang cảnh các thành phố em đi qua khiến em nhớ Huế vô cùng ở đây cũng có con sông nhỏ hiền hòa, những dãy nhà thấp gạch đỏ điều đặn, rất nhiều khoảng

trống dành cho thiên nhiên cây cỏ. Lối kiến trúc nhà cửa rất phù hợp phong cảnh của Hòa Lan, một cánh đồng rộng mênh mông và phẳng lì, nên nhà không được xây quá hai tầng. Phong cảnh có vẻ chi thật thanh bình, hiền dịu. Dù ở ngay trong thành phố mình vẫn không có cảm tưởng bị cắt đứt với thiên nhiên và bị chôn vùi chết ngộp giữa những dãy nhà cao ngất, giữa những sinh hoạt tấp oập xô bồ như ở Pháp, ở Mỹ. Em nghĩ đến Huế, đến những thành phố khác trên giải đất quê hương, ngày sau, khi hòa bình trở lại, Việt Nam sẽ xây dựng những thành phố nhỏ thanh bình, với lối kiến trúc đặc biệt Việt Nam phù hợp với phong cảnh và tâm tình của dân tộc, nhất là đừng để cho thiên

nhiên mất chỗ đứng bởi đó là yếu tố thật cần thiết cho sự quân bình của con người thành thị

Em kết thúc thư cho chị trên những ý nghĩ về kiến trúc mặc dù không phải là địa hạt chuyên môn của em, thật là liêu ! Năm ngày ở Hòa-Lan làm việc không ngừng, nhất là Thầy và anh Thuần. Trong sự mệt nhọc vì công việc, vì phải đi xa, ý nghĩ đã góp phần vào việc làm cho người khác biết thêm về Việt Nam, về Phật giáo và gây thêm tình thân hữu mới đã làm cho mọi người vui vẻ trên đường về.

Thân mến,

TÂM KHIẾT

□□□

* TỤC NGỮ TÀU

Đa ngôn đa quá (càng nói nhiều, càng lỗi nhiều)

VUA NAM-CHIẾU

* THÙY DƯƠNG-TỬ

(Tiếp theo P.T. 244)

Nhìn sao Bắc Đẩu biết
vua ra đời

Phụ tùng nổi tiếng quân quân về thiên-văn, địa lý ở đời nhà Tần, hai người xem tâu với Vua Đường rằng :

BÔNG một hôm những vị Khâm Thiên Giám của Tàu (tức là những người xem thiên-văn địa lý, nay ta gọi là Chiêm-Tinh. Họ nhìn trời thấy chòm sao Bắc-Đẩu chính chiếu về phương Nam ắc Nam phương phát Đ. ắc Nam phương phát Đ.

Thần xem thiên-văn thấy chòm sao Bắc-Đẩu sáng ngời, lại chính chiếu (chiếu ngay) về phía Nam, ắc Nam phương phát Đ. Nếu Hoàng Thượng không lo trấn ếm thì sau này nước Nam sẽ phát nhiều Vương chúa. Tướng tài e chúng ta khó địch nổi. Vua Đường nghe nói vậy hoảng sợ vô cùng và giao toàn quyền trấn

Hai người xem thiên-văn, địa lý lỗi lạc ấy chính là Cao-Biến và một người nữa (nay quên tên) nguyên là giòng dõi của Quách-

ếm những long-mạch ở phương Nam cho Cao-Biên và một người nữa đảm trách.

Thế là hai người lên đường sang đất Giao-Châu, Cao-Biên với chức Tiết-độ-Sứ nhưng sự thật ít khi làm đúng với chức vụ mà giao lại cho người khác, ông chỉ lo nghiên cứu và tìm long-mạch mà thôi.

Từ khi Cao-Biên đảm trách sứ mệnh của nhà Đường sang Giao-Châu, khi đến đất này họ Cao nhìn thấy phong thủy xứ này khác lạ vô cùng, long-mạch phát để rất nhiều nên Cao-Biên động lòng thêm muốn hưởng đất này để làm Vương trên mọi vị Vương nên không muốn ếm sớm.

Thế là Cao-Biên đi cầu-du khắp nơi. Bỗng một hôm ngửa mặt nhìn trời thấy sao Bắc-Đẩu chiếu phương Nam sáng rực như vậy Vua nước Nam đã ra đời và ăn ở miền đó.

Cao-Biên xuyên dãy Trường-Sơn vượt đèo Hải-Vân, Cao-Biên tìm ra mạch mới Hàm-Rồng

ở xứ này phát xuất từ núi Trà-Kiều và dẫn mạch lên núi Chứa-Nơi đây đã phát một vì Vương. Vì cuộc đất này có chín hình long và thế đứng như chim Phụng-Hoàng nên gọi là Cửu-Khúc Hồi-Hoàn. Cao-Biên lại tiến sâu vào phương Nam theo chòm sao Bắc-Đẩu. Một ngày họ Cao-Biên dừng bước và ngạc nhiên về dòng sông Trà-Khúc và núi Thiên-Ấn cũng có Cửu Khúc Hồi Hoàn, và Hàm-Rồng sâu thẳm thẳm ở nơi đây phải xuất hiện Kỳ-Đông.

Cao-Biên lưu lại nhiều ngày để tìm cho được người Kỳ-Đông ấy. Một hôm đi ven bờ sông Cao-Biên tiến đến những lũ trẻ chăn trâu mà hỏi :

— Đây các em, dưới sông này các em thấy có gì không ? Mọi trẻ đi qua sẽ cho tiền mà xài.

Những đứa trẻ nghe Cao-Biên hỏi vậy chúng lắc đầu xua tay mà nói rằng : Ông ơi, chúng tôi không dám nói đâu, ông lại hỏi các ông đằng kia kia chứ bọn tôi trả lời ông ấy nhờ rằng, bé chăn bọn tôi làm sao ?

Cao-Biên mừng thắm trong ruột nhưng chưa muốn vội đến, Cao-Biên lại hỏi bọn trẻ.

— Ông ấy làm cái gì mà các em sợ giữ vậy ? Lũ trẻ đồng nói lớn :

— Ông ấy ở đây ai mà không biết, ông lặn dưới sông suốt ngày mà không biết ngộp, chúng tôi thường tôn ông là Vua và rước kiệu ông đi suốt ngày. Cao-Biên nghe vậy mừng lắm quả nơi đây là mạch long chính rồi và nơi đây sẽ phát Vua sớm hơn những mạch mà ta đã tìm gặp. Thế là Cao-Biên được bọn trẻ dẫn đến gặp bé Chiêu. gương mặt cậu bé loài ngô hình dung khác lạ người đời Cao-Biên dự hỏi bé Chiêu.

— Thường ngày em lặn xuống dòng sông này em ở đâu, và có thấy gì ở dưới đó không ?

Bé Chiêu thành thật trả lời : Khi lặn xuống dưới ấy tôi gặp một con gì kỳ lạ lắm, mình nó dài, nó hai sừng, mũi nó to và hai mắt sáng lớn như vầng trăng, tôi thường nín những sợi râu và hay ngồi trong miệng nó và đôi

lúc tôi lấy hai chân tréo vào sừng nó đưa đưa lại mà chơi.

Cao-Biên mừng quýnh vội hỏi và bảo bé Chiêu nhà cha mẹ ở đâu đưa ông đến thăm và cho tiền để nuôi bé ăn học.

Bé Chiêu nghe theo và dẫn về tận nhà. Cao-Biên nói với Ông bà và mẹ nó rằng :

— Tôi xem đứa trẻ này mai sau sẽ làm Vương, làm Tướng chứ không phải thường đâu, nếu để nó rong chơi hoài thì phí đi tài năng. Nay tôi coi nó như là con. Ông bà nên cho nó học hành tôi sẽ đích thân bảo bọc nó. Nói rồi, Cao-Biên móc ra vàng bạc châu báu mà cho Ông, bà và bà mẹ bé Chiêu. Mọi người trong nhà đều mừng rỡ và đương lúc túng thiếu nghèo khổ nay được Cao-Biên cho vàng bạc châu báu bỗng chốc đã thành người giàu sang nhất phủ, nên Cao-Biên nói gì nghe đó. Sau khi xếp đặt xong mọi việc Cao-Biên định quay về Tàu. Trước khi lên đường ông hẹn ba năm sau sẽ quay lại đón bé Chiêu đi làm Tướng. Cả gia

đình nghe vây mừng rỡ và thực hiện đúng những lời lẽ của Cao-Biền chỉ bảo.

Cao-Biền về gặp Vua Đường và tâu rằng :

— Thần đã ếm rất nhiều long mạch ở phương Nam do đó nước Nam sau này không làm gì được chúng ta.

Sự thật thì Cao-Biền chưa ếm một huyệt nào cả vì ông ta muốn lấy những cuộc đất này để thực hiện mộng Đế Vương cho chính mình và nối đời giòng họ.

★

Mưu đồ chiếm huyệt làm Vương.

Sau ba năm học hành bé Chiêu đã lớn khôn biết hết mọi vấn đề binh pháp. Thiệu-Khôi rất sung sướng nhìn con khôn lớn và nóng lòng mạch đợi Cao-Biền quay lại để Nam-Chiếu cho Cao-Biền dạy bảo để học làm Tướng.

Quả đúng Cao-Biền đã sang với mưu đồ chiếm huyệt làm

Wương và định cho Nam-Chiếu làm Tướng hoặc sau này phương Nam chỉ phát từ Tướng mà thôi chứ không thể nào phát Vương được. Mưu đồ ấy đã đến, nhưng linh địa lại là chuyện khác. Cao-Biền bảo Nam-Chiếu tìm cốt của người cha đem cho Cao-Biền dạy bảo cách làm Tướng. Nam-Chiếu về thuật chuyện ấy với mẹ và hỏi cha con ở đâu hả mẹ ?

Thiệu-Khôi nghe nhắc đến làm nàng thêm buồn bã nhớ lại cảnh bờ sông năm nào rái đã lấy nàng và bị đánh chết một cách thảm thương. Nàng khổ đau nhớ chồng mà nước mắt tuông trào. Nam-Chiếu thấy mẹ khóc liền hỏi vì sao con hỏi đến cha mà mẹ khóc, sao mẹ không trả lời và chỉ cha con ở đâu ? Nàng Thiệu-Khôi quyết chỉ dấu con về chuyện tình bi thảm ấy nên tìm cách nói lảng sang chuyện khác hay là Nam-Chiếu không lo học hành mà hỏi chỉ vậy.

Nam-Chiếu nhìn mẹ mà phân trần ; từ nhỏ đến giờ con chưa được gặp cha lần nào, ngày trước

mẹ nói khi nào con lớn khôn mẹ sẽ chỉ cha con. Nay con đã lớn khôn rồi sao mẹ không chỉ. Mẹ nghĩ xem đứa bé nào cũng có cha riêng con không thấy cha bao giờ.

Nàng Thiệu-Khôi nghe con nói vậy động lòng xót xa mà nước mắt chảy ròng ròng : Cha con kia kia. Nam-Chiếu ngờ ngác nhìn theo tay mẹ chỉ và hỏi nhanh — Cha con ở đâu mẹ ? Nàng Thiệu-Khôi đứng dậy nói rất gấp :

— Cha con ở trên giàn bếp kia kia, gói trong mo cau đó. Nam-Chiếu liền nhảy lên ôm gói trên giàn bếp xuống rồi mở ra, Nam-Chiếu giật mình chỉ thấy toàn những lông xương nằm trong đó, Nam-Chiếu không hiểu liền hỏi mẹ : Mẹ bảo cha con ở trên giàn bếp sao bây giờ chỉ thấy xương không ?

Nàng Thiệu-Khôi ôm con vào lòng khóc mà nói với Nam-Chiếu rằng :

— Cha con chết từ lúc mẹ chưa mang bào thai của con, nói xong

nàng thuật lại đầu đuôi câu chuyện giữa Rái và nàng cho con nghe. Nam-Chiếu nghe kể xong liền ôm mẹ khóc nức nở... Vừa lúc đó Cao-Biền bước vào Nam-Chiếu giật mình nhớ lại lời dặn của Cao-Biền liền xin phép mẹ cho mình được phép gói hài cốt của cha lại rồi đem trao gói ấy cho người nghĩa phụ.

Đúng giờ ngộ hôm sau Cao-Biền dẫn Nam-Chiếu ra sông mà dặn rằng em cầm hai gói này mà lặn xuống dưới sông đến chỗ con vật mà thương giòn chơi đó — Em hãy bỏ gói này vào miệng nó và gói thứ hai này treo lên sừng nó. Xong đâu đấy em lên đây qua bào chuyện khác.

Nam-Chiếu y lời làm theo khi lặn xuống tới Hàm Rồng Nam-Chiếu liền đưa gói thứ nhì vào miệng con vật trước. Con vật ấy ngậm miệng lại ngay gục đầu ba cái, gói thứ nhất Nam-Chiếu treo vào sừng rồi quay vào bờ. Cao-Biền đứng đợi trên vôi vãi đón hỏi Nam-Chiếu :

— Sao ? Em có làm đúng như lời qua dặn không ?

— Dạ, đúng y như lời Ngài dặn, tôi đưa gói thứ nhất của Ngài con vật ấy ngậm ngay rồi gục đầu ba cái còn gói thứ nhì tôi đeo vào sừng nó. Cao-Biền nghe vậy mừng phát run lên vì Rồng đã ngậm hài cốt của cha ta ất một năm sau ta làm Vua mất và thống lãnh bờ cõi để trị vì lâu dài.

Sự thật thì Nam-Chiếu đã tráo ngược lời Cao-Biền. Trong hai gói đó một gói thứ nhất là hài cốt của cha Cao-Biền, gói thứ nhì là hài cốt cha Nam-Chiếu là con Rái.

Vì Cao-Biền thấy long mạch quá mạnh và đã kết tụ ra Nam-Chiếu để làm Vương do đó mà Cao-Biền không dám giết Nam-Chiếu, mà chỉ tráo bằng cách Vương xuống làm hàng Tướng còn mình làm Vua. Lý do hai gói ấy là vậy.

Cao-Biền sung sướng nói với Nam-Chiếu rằng :

— Một năm nữa em sẽ làm Tướng danh uy thiên hạ, nay ta để tiền bạc lại cho gia đình em,

còn em cố gắng học hành thêm để chờ năm sau lãnh ấn giáp công hầu.

Nói xong Cao-Biền từ tạ ra về, lòng mừng như mơ cờ và tin chắc rằng một năm sau ông ta sẽ làm Vương trên Vương. Mười đồ ấy của Cao-Biền Vua nhà Đường không hay biết gì cả.



Nam Chiếu phát vương

Từ ngày bỏ gói hài cốt vào miệng Rồng Nam-Chiếu mỗi ngày mỗi phát trí thông minh và những chuyện kỳ lạ ví dụ như : Nam-Chiếu lấy tre làm gươm chém gì đứt nấy, chém trâu, trâu đứt làm đôi, dốn cây rùng dễ như chém chuối. Hiện tượng lạ lùng này đã làm cho những Phủ, Huyện, Tỉnh đều chấn động. Và từ đó dân mọi nơi quy tụ về gọi Nam-Chiếu là Vua.

Chưa đầy một năm Nam-Chiếu đã thống lĩnh năm mươi ngàn người và chia ra đội ngũ chính tề thành một toàn quân hùng hậu.

Tiếng tăm lừng lẫy khắp đó

đây, đánh đâu là thắng đó làm cho quân Tàu khiếp vía khi nghe đến tên Ngài. Vua Nam-Chiếu liền đánh Giao-Châu đuổi hết quân nhà Đường chạy về Quảng Đông Quảng-Tây.

Đương lúc hăng say nên Nam-Chiếu kéo rốc hùng binh ra đánh Quảng-Đông và Quảng-Tây — Quân nhà Đường sợ quá bỏ chạy hết về Tàu, không còn một bóng dáng nào dám ở lại đất ấy.

Nghe quan quân về báo tin là Nam-Chiếu sắp tiến đánh nước Tàu, Vua nhà Đường hết hoảng vội họp cả triều thần lại và cho đòi Cao-Biền đến để hỏi nguyên do.

— Khanh nói với trẫm rằng : Khanh đã trấn ếm những Hàm Rồng phương Nam; cơ sao ngày nay Nam-Chiếu phát Vương và định nay mai chiếm đánh nước ta ?

Cao-Biền nghe Vua hỏi vậy toàn toàn bán run lên ma tâu rằng

— Quả thật thần có ếm nhưng có lẽ vì long mạch quá mạnh nên

phát ra như vậy. Nay thần xin lãnh sứ mệnh đánh dẹp Vua Nam-Chiếu. Xin bệ hạ cho thần đúc một lưỡi gươm bằng vàng dài hai mươi thước, rộng hai tấc, dài năm phân và cho đúc một cái Ấn hình bát-quái đường kính dài hai mươi thước, dày năm phân. Thần sẽ dùng hai thứ đó để ếm núi ; và chém Rồng.

Vua Đường nghe Cao-Biền nhận đi đánh và trấn ếm nên lấy làm mừng lắm, tuy vậy ông ta vẫn khiếp sợ uy danh Vua Nam-Chiếu là có tài đánh trận dễ như chẻ tre.

Vua Đường ân cần dặn dò Cao-Biền :

— Nay khanh lãnh sứ mệnh đi dẹp giặc Nam-Chiếu, khanh hãy thận trọng và gấp rúc đúc gươm, đúc Ấn. Rồi kéo binh lấy lại cho được Quảng-Đông, Quảng-Tây và Giao-Châu, công ấy của khanh Trẫm không bao giờ quên.

Cao-Biền phụng chiếu, liền đúc một Ấn hình bát-quái trên khắc đạo bùa bằng chữ đỏ : « Tọa Ấn Bình Sơn » ; (đặt Ấn làm cho núi có linh huyết trở thành bình

thường, không thể phát Vương được nữa)

Còn lưôi gươm vàng thì khắc đạo bùa với câu : «Trăm Long Trà-Khúc». (Chém Rồng ở sông Trà-Khúc).

Thế rồi Cao-Biên đi sang phương Nam. Địa điểm đầu tiên Cao-Biên đến đó là Hàm Rồng ở Quảng-Nam (Cửu Khúc hồi hoàn) xuất ở núi Trà-Kiệt đến núi Chúa (1).

Không hiểu Cao-Biên dùng phương tiện gì (?) hay phép thuật gì (?) mà lên được đỉnh ngọn núi Chúa Cao ngắt tận mây xanh mà đóng ấn ?

Theo nhiều người hiểu chuyện này thì nói rằng : Cao-Biên dùng bùa Lỗ-Ban Thiên-Sư diên khiên âm-binh và ông cỡi điều giấy bay lên núi mà ếm câu : Tọa Ấn Bình Sơn xuống chót đỉnh núi Chúa (Ấn này hiện nay vẫn còn). Đồng bào ở Quảng-Nam thường đi bộ hay đi thuyền ngang qua đó đều nhìn thấy Ấn tròn màu đỏ chói, lấp lánh từ trên núi chiếu xuống.

Ếm xong núi này Cao-Biên liền đi vô sông Trà-Khúc tìm mẹ Vua Nam-Chiếu. Nàng Thiệu-Khôi mừng rỡ khi gặp lại Cao-Biên (vì bà cho Cao-Biên như một vị đại ân nhân của gia đình bà, ông ta đã từng cho vàng bạc châu báu để nuôi dạy Nam-Chiếu, hơn nữa ông đã làm cho con mình phát Tướng, nhưng không, bây giờ người ta đã gọi nó là Vương rồi).

Sau những việc thăm hỏi vui mừng. Cao-Biên nói với nàng Thiệu-Khôi rằng : Tôi đã làm cho Nam-Chiếu thành Tướng nay tôi sang qua đây cốt để làm cho Nam-Chiếu thành Vương và bà trở thành mẫu-hậu (mẹ Vua) mặc sức lúc đó bà hưởng phú quý vinh hoa quyền uy trăm họ còn tôi chỉ làm quân-sư (thầy Vua) để chỉ về thêm cho Nam-Chiếu.

Nàng Thiệu-Khôi nghe vậy mừng vô kể nên đem hết ruột gan mình ra mà nói hết cho Cao-Biên nghe — Kể cả giấc mộng :

— Thưa ngày liên tiếp mấy đêm nay tôi nằm ngủ mơ thấy con tôi làm Vua phương Bắc, rồi lại

thấy cha nó thành Thần hiện về mà bảo : «Coi chừng lâm nạn, Bắc Đẩu xuống ngôi. Nam-Chiếu rơi đầu, Mẫu thân sát hại. Đừng có tin ai, phá Long Nam-Đế».

Cao-Biên nghe vậy lạnh cả người mà nhủ thầm : có lẽ Thần Rái biết trước mọi ý định của ta mà báo mộng chăng ? Quả Long mạch này quá linh, nếu ta ếm không khéo sẽ bị toi mạng, chỉ bằng mượn tay mẹ giết con rồi sau đó ta sẽ ếm.

Nghĩ xong Cao-Biên trả lời láo với Thiệu-Khôi rằng :

— Theo điểm này là tốt đó Nam-Chiếu sắp làm Vương. (Sự thật thì Nam-Chiếu đã phát Vương hơn một năm rồi, kể từ khi bỏ xác cha mình là Thần Rái vào miệng Rồng ở dưới sông Trà-Khúc), Cao-Biên nói tiếp, bà đừng lo gì cả, chỉ có vài người cận thần làm phản nhưng Nam-Chiếu lại có người che chở,

Nàng Thiệu-Khôi nghe vậy sợ quá hỏi ngay :

— Bây giờ đường xá xa xôi

cách trở, phải làm sao nói cho nó biết trước được đề đề phòng và loại trừ những cận thần ấy ?

— Không sao, bà đừng lo. Chính tôi biết trước hết mọi việc đó nên mới tới đây để chỉ về cho bà cứu con. Hơn nữa tôi đã nhận làm dưỡng phụ (cha nuôi) thì tôi phải có trách nhiệm về nó trong mọi vấn đề kể cả sinh mạng.

Thiệu-Khôi nghe Cao-Biên nói vậy mừng lắm liền tạ ơn trước, rồi hỏi :

— Chẳng hay dạy tôi những gì để cứu con ?

— Bà hãy mua gấp cho tôi một chiếc thuyền mới, cho người khiêng đèo trên bờ sông ngay chỗ Thần Rái chết. Tuyệt đối ai hỏi gì bà cũng đừng nói. Nhớ nghe.

Đêm rằm tôi quay lại đây để chỉ cho bà cách loại trừ những cận thần để cứu con thoát nạn mà lên làm Vương. Nói xong Cao-Biên ra về, nàng Thiệu-Khôi đưa đến tận bờ sông.

(Còn nữa)

Tình con VƯỜN

trên Tuyết Lĩnh Sơn

★ NGUYỄN-TIẾN-TRỌ

(tiếp theo và hết)

TÔ-VŨ được đón rước tung bưng. Vua tôi gặp gỡ mừng mừng tủi tủi, Yến tiệc được bày ra cả triều say chán, lời lời thăm hỏi, chúc tụng thật là náo nhiệt.

Nhưng rồi Tô-Vũ lại buồn, vì từ đây chàng đành xa cô vợ Vườn thân yêu và xa động ở núi Tuyết Lĩnh Sơn mà nơi đó nó đã trở thành như quê hương quen thuộc của chàng.

Bao năm tình Vườn ăn ở nuôi chàng đủ trăm cay nghìn khổ, ở rừng sâu cùng vợ sống những ngày ngọt bùi, những đêm trăng sáng trữ tình. Giờ

này đây nàng ở lại với sự đau khổ cô quạnh không bóng người lai vãng.

— Còn chàng ? Chàng đang được hưởng vinh hoa phú quý... Tô-Vũ nghĩ vậy nước mắt trào ra. Không ngờ Vua nhìn thấy và hỏi nguyên do. Tô-Vũ thành thật kể lại đầu đuôi trong mười chín năm bị đày ở Tuyết Lĩnh Sơn, chàng sống chết nhờ Vườn và đã lấy Vườn làm vợ nay được hai con. Tô-Vũ diễn tả đến khúc chia ly ai cũng nín thở và nước mắt cũng phải trào ra. Vua Hán Võ Đế và cả triều thần đều cảm động câu chuyện tình Vườn nghĩa Tô.

Tuy là một con vật nhưng tình nghĩa thấm thiết hơn người. Tình mẫu tử cao thâm, tình chồng vợ chung thủy, quả là một chuyện tình phi thường ở cõi nhân gian.

Vua Hán Võ Đế truyền lệnh cho đi rước nàng Vườn và cho Tô-Vũ đích thân điều khiển ba mươi chiếc thuyền lên mạn Cực Bắc miền Tuyết Lĩnh Sơn đón vợ.

Tô-Vũ lạy tạ ơn Vua rồi giã bồng ra đi với một tâm hồn sung sướng xiết bao...

★

Thuyền đã cập bến Tuyết Lĩnh Sơn là đây. Bến nước chia ly giờ đây có lẽ không chia ly nữa. Nhưng không, mọi sự đã khác với lòng Tô-Vũ ước muốn. Động tình năm trở trở ra đó mà vợ chàng đâu ! Tô-Vũ liền kêu gọi và lục kiếm khắp nơi, nhưng tìm hơi nàng Vườn biệt, chỉ có tiếng gọi của chàng vọng lại nghe ảo não và gió núi kêu gào tạo những âm thanh lên ngàn nghe

ớn lạnh buồn thảm và thê lương.

Tô-Vũ ra lệnh cho quan quân men tìm hết trong dãy núi Tuyết Lĩnh Sơn. Nếu ai tìm được bóng dáng nàng Vườn ta sẽ trọng thưởng.

Nhưng rồi một sự việc đã xảy đến... Tô-Vũ gặp vợ. Nhưng nàng đã chết tự bao giờ : Với nét đau thương cùng bộ bên ghềnh đá của triền sông.— Có lẽ nàng chết từ ngày ta đi chẳng ? Hay nàng đã ra đỉnh cuối này mà trông đợi ta về, trông đợi con thơ Thời gian lâu quá nàng không ăn không uống cộng với sự đau khổ ; nhớ thương hay tức tối mà chết khô héo thảm thương thế này !

Tô-Vũ ôm xác vợ khóc rống lên, quan quân mục kích cảm động khóc theo.

Tô-Vũ đem xác nàng về động cũ và lấy lụa điều gói lệm xác thân. Chàng nhìn lại cảnh củ đây kỷ niệm yêu thương của Vườn đối với chàng và chàng

được sống đến ngày nay cũng nhờ nàng cả. Con chàng được sinh ra cũng ở nơi này, và mẹ nó đã lao tâm khổ lực nuôi chúng giờ đã lớn rồi.

★

Tô-Vũ nhìn xác vợ rồi lại quay nhìn động cũ, chàng nhìn hết dãy núi Tuyết Lĩnh Sơn mà nước mắt cứ tuông trào...

Trước khi ôm xác vợ ra thuyền, chàng nhìn lại cảnh vật một lần cuối mà than :

— Tuyết Lĩnh Sơn... từ nay ta cách biệt. Từ nay... và từ nay, ta cách biệt cho đến nghìn đời mà không quên sâu hận này.

Về đến triều, Vua quan nghe muốn khóc. Ai ai cũng ngậm ngùi và thương tiếc cho Vượng. Tất cả đều bàn bác và đồng ý xin mổ bụng Vượng để biết trong lòng nó như thế nào mà tình yêu và tình chung thủy của loài Vượng nó hơn người như thế ?

Tô-Vũ nghe vậy buồn lắm,

Nhưng Vua đã phán, đã muốn tìm sự thật về Vượng nên chàng cả h nuốt đau đớn mà nghe theo.

Khi mổ bụng ra giữa triều đình mọi người đều thấy Vượng ta ruột đứt từng đoạn. Vua quan đàm luận với nhau mới hay vì quá yêu chồng; quá nhớ con, quá đau khổ nên Vượng mới nát ruột như vậy. Và kể từ đó Vua tôi mới hiểu được lòng con Vượng. Để thần phục tình Vượng phải thường ấy nên Vua tôi gọi đó là: KHÚC ĐOẠN TRƯỜNG. (ruột đứt từng đoạn một). Và cũng từ đó mỗi tình này được truyền tụng khắp nơi. Cốt ý đề ca tụng tình yêu và sự đau khổ của Vượng, mà ngày nay người ta vẫn gọi là KHÚC ĐOẠN TRƯỜNG. Hay nói cho rõ hơn về nguồn gốc thì chúng ta nên gọi là:

Tình Con Vượng Trên Tuyết Lĩnh Sơn.

— Mới hay loài người, loài vật ai chung thủy hơn ai (?)

Đưa câu chuyện trên nhiều người viết sách cho rằng đầu đề tác phẩm của NGUYỄN-DU về truyện Kiều là mượn điển tích này đặt tên cho tác phẩm ĐOẠN TRƯỜNG - TÀN-THANH để diễn tả nỗi đau đớn vô vọng của tình yêu

chung thủy. Nhưng không bao giờ được toàn vẹn như ước muốn. Cảnh trái ngang, tình ngộ đã làm lòng Vượng đau đớn, đòi đoạn tâm can. (Đây là một lý do để giải thích về tác phẩm ĐTTT của cụ NGUYỄN-DU vậy).

★★★



● Tôi chín rồi !

Một nhà thương điên nọ ghi vào sổ danh sách nhiều người chết vì «bệnh cây xoài». Ông Thanh tra lấy làm lạ đến xem thì ông Giám đốc dắt ra phía sau vườn chỉ lên cây xoài : nhiều bệnh nhân ngồi im-lìm trên nhánh, thì h-linh vụt la lên :

— Tôi chín rồi !

Và buông tay rớt xuống, như trái xoài chín thiệt vậy !

Yasunari Kawabata

Nobel 1968

Chiếc nốt ruồi

(HOKURO NO NIKKI)

(Tiếp theo và hết)

BỘ điệu đưa tay trái vòng qua sau cổ chắc chắn trông nó kỳ quái lắm và nhất định khi nhìn thấy sẽ buồn bã khổ sở vô cùng. Em ngần ngại không dám dùng đến những tiếng văn chương bóng bẩy như «đơn côi». Điều đúng nhất của một người đàn bà con gái là chỉ biết lo sao bảo vệ được bản ngã, trông qua sao mà nó có vẻ bản tiện và tầm thường quá. Khuông mặt em bấy giờ thật đúng như điều anh đã nói là «có vẻ kỳ quặc, khó nhìn».

Tất cả những điều đó phải chăng là một thái độ bày tỏ sự gian dối không thành thật hiện đang trộn vện giữa em đối với anh. Phải chăng giữa cuộc sống ân tình của chúng mình đã có một khoảng trống trong tâm hồn? Những tình cảm chân thành không giả dối hiện ra trên khung mặt em khi em đưa tay sờ chiếc nốt ruồi mà hôn em để trong cơn mộng ảo khi em còn thơ ấu.

Chắc có lẽ em cho anh buồn nản và không hài lòng nên anh đã phải bận tâm về thói quen

thường ấy. Nếu anh hài lòng thì nhất định anh đã vui mỉm cười với em và anh không bao giờ lưu tâm đến em làm gì.

Có một điều làm cho lòng em lo ngại. Em run lấy bấy khi tự nghĩ rằng biết đâu những người đàn ông khác lại cho rằng đó là một điều duyên dáng khả kính.

Em thừa biết rằng sở dĩ anh lo nghĩ như vậy chỉ vì anh đã quá yêu em. Nếu anh không yêu em thì chắc chắn không bao giờ anh nghĩ đến. Điều này cho đến bây giờ em cũng không dám nghĩ ngợi gì nữa.

Nếu thế thì thật chẳng có gì đáng nói, nhưng vì câu chuyện phiền muộn kia cứ càng ngày càng làm thành to lớn hơn ra và dần dần bị nghiêng lệch hẳn đi, đã bắt rễ ăn sâu vào cuộc sống lứa đôi của hai vợ chồng ta. Đối với một đôi vợ chồng, đúng nghĩa của nó thì

những thói hư tật xấu tầm thường nhỏ mọn của mỗi người chẳng có gì đáng nói. Em nghĩ xa hơn trong cuộc sống hiện hữu giữa xã hội còn biết bao nhiêu cặp vợ chồng, người vợ cũng như người chồng luôn luôn bất hòa với nhau bằng hàng trăm ngàn thứ chuyện khác. Em lại cũng nghĩ không phải những đôi vợ chồng êm ấm, luôn luôn hòa thuận với nhau chưa chắc đã là những cặp vợ chồng hoàn toàn yêu thương nhau thành thật. Cũng như ngược lại những đôi vợ chồng luôn luôn có chuyện bất hòa không hẳn người ta đã thực sự chán nhau. Mặc dù vậy, nhưng em vẫn không thể không nghĩ rằng phải chỉ anh không chú ý đến tật xấu của em là hay rồi rầm nốt ruồi của em, như vậy có hơn không.

Câu chuyện chỉ có thế, vậy mà anh phải dùng đến những hành động nặng nề như đánh, đá em. Em đau khổ vô cùng, cứ khóc suốt ngày và tự hỏi tại sao anh không thể bớt hẳn học với em? Tại sao đời em lại

Phải khổ đau bất hạnh đến thế trong khi tội lỗi thật sự của em chỉ vì tật hay rờ nốt ruồi ? Đó chỉ là bình diện của một vấn đề là làm cách nào để tự chữa được tật xấu ấy ? Anh mỗi khi hỏi đến em, anh lại phải giận run lên trong thái độ cộc cằn, nhưng đối với em trong hoàn cảnh ấy em không bao giờ oán hận gì anh, em luôn luôn thông cảm với anh vì thế em không bao giờ nghĩ ý trách hờn gì hành động của anh đã đối xử với em. Nếu em mang câu chuyện này thuật lại cho bất cứ một người nào khác nghe, nhất định người ta sẽ cho rằng anh là một kẻ vũ phu. Nhưng vì tình cảm vợ chồng giữa đôi ta đã đến độ chỉ cần một chuyện nhỏ nhặt không đâu cũng có thể trở nên có chuyện, thêm vào sự căng thẳng tột cùng sẵn có thì vấn đề anh đánh đập em đã làm cho em đột nhiên cảm thấy nhẹ nhàng.

«Em xin thề, từ đây em sẽ không bao giờ động đến chiếc nốt ruồi kia nữa. Anh hãy cột

cả đôi tay em lại đi. «Em chấp hai tay đặt vào phía trước ngực, anh, em van xin anh, em cầu khẩn anh bằng một thái độ nạt mình của một người có tội đề xin hiến dâng thề xác này cho anh.

Anh đã tỏ ra bối rối vô cùng, cơn giận dữ đã làm anh không còn niềm xúc động nào nữa đối với em, anh mở vội chiếc dây đai áo em để cột đôi tay em lại.

Em nghẹn ngào sung sướng khi nhìn vào mặt anh ngó em khi em gắng dùng đôi tay bị cột để vuốt mái tóc. Lần này thì cổ tật của em từ lâu nay em vướng phải cọ hồ như có thể sửa chữa được rồi. Em tin như thế.

Như thế mà mỗi khi động đến chiếc nốt ruồi thì cũng là một việc làm nguy hiểm thật.

Có phải rằng nếu sau này cổ tật rờ nốt ruồi của em lại tái diễn thì phần thương yêu còn lại trong lòng anh đã dành cho em tự bấy lâu nay sẽ giã

chết không anh ? Anh có bao giờ có ý định tha thứ cho em và anh cho em quyền tự do hành động theo ý em không ? Khi em đưa tay rờ rẫm nốt ruồi thì anh giả vờ như không thấy và im lặng tha thứ cho em không ?

Thế rồi một chuyện khác thường đã xảy ra. Bây giờ thì cái tật xấu mà anh đã từng đòi đánh đập hay rầy la cũng không sao sửa đổi được biến đi chăng ? Tất cả mọi phương pháp thích hợp nhất đều tỏ ra vô hiệu. Nó chỉ biến mất tùy theo ý muốn của nó mà thôi.

(Như anh đã biết, em nào có rờ đến nốt ruồi nữa bao giờ). Em nói câu này tựa như vào ngày lúc ấy em kịp nhận thức được. Anh lăm bẫm trong miệng, có lẽ anh không quan tâm đến nó thì phải. Em cũng muốn hỏi anh là nếu cổ tật kia không làm cho anh bận lòng thì tại sao anh lại rầy la đòi hành hạ đến em như vậy ? Về phần anh em cũng muốn anh

đặt thành câu hỏi tại sao thói quen sửa đổi không lấy gì làm khó khăn như vậy mà em lại không thể từ bỏ sớm hơn. Nhưng bây giờ thì anh không còn muốn nói chuyện với em nữa thì làm sao được ?

Một thói quen không có gì đáng cho là quan trọng, nó không là một liều thuốc bổ nó cũng không phải là một thứ độc dược giết người, chỉ vì tật hay rờ nốt ruồi suốt ngày tùy theo sở thích của em. Trông qua gương mặt anh em thấy ý anh gần như muốn nói lên điều đó. Em thấy chán nản vô cùng. Em có ý đề khiêu khích anh em sẽ rờ nốt ruồi ngay trước mặt anh, nhưng thật là kỳ lạ mỗi khi đứng

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo
công thức Hòa-Lan

trước mặt anh hai tay em lại không dám cử động.

Em thấy mình cô đơn và muốn nôi giận.

Em định rờ nốt ruồi trong những lúc vắng anh. Song ý nghĩ ấy như có điều gì hồ thẹn; dễ ghét và tay em bất động; Em đưa mắt nhìn xuống nền nhà, hai môi mím chặt.

— «Nốt ruồi của em như thế nào?» Em vẫn chờ đợi anh nói, nhưng khô thay sau hai tiếng ấy hai tiếng «nốt ruồi» đã không còn nữa trong những câu chuyện thường ngày giữa vợ chồng đôi ta.

Và có thể còn nhiều câu chuyện khác cũng biến sau hai tiếng ấy.

Tại sao em không thể làm được điều gì trong khi em bị anh quở mắng. Em thật là một người đàn bà vô dụng.

Khi trở về bên ngoài, em đã đi tâm chung với mẹ.

«Sayoko» bây, giờ mẹ trông con không còn xinh như ngày trước nữa. Má nghĩ rằng con không thể chống đỡ nổi cái tuổi già đang ráo riết theo sát bên con». Mẹ đã nhận về em như vậy.

Em giật mình, nhìn má. Má bây giờ vẫn không thay đổi mấy, với dáng người nở nang tươi thắm như tự ngày nào.

«Mày còn chiếc nốt ruồi đó, tao thấy có phần đẹp mắt đấy».

Với câu nói ấy, em đã đau khổ vô cùng, nhưng em không đủ can đảm để nói lên điều đó. Em chỉ nói với má vốn vẹn một câu: «Con người ta ít thường nói bác sĩ phá những nốt ruồi như thế dễ dàng lắm.»

«Sao, bác sĩ à... ? được, nhưng coi chừng có thẹo đấy con.»

Má nói như thế trong thái độ bình thản và dễ dãi vô cùng,

Má và đám em con vẫn

thường hay cưỡi cái nốt ruồi của con. Mọi người ai cũng tin chắc chắn rằng Sayoko mặc dù đã đi lấy chồng rồi mà có thể nó còn giữ tật rờ rẫm nốt ruồi lắm đấy».

«Con vẫn còn giữ tật ấy, đấy má ạ.»

«Một thói hư tật xấu đấy má ơi ! Con có tật ấy từ hồi nào vậy má ?»

«Trẻ con bắt đầu từ lúc nào có nốt ruồi, điều này má không biết chắc được. Bộ con không nhìn thấy những chiếc nốt ruồi mọc trên mình các em con sao ?»

«Đám em ở nhà đâu có ai có ?»

«Vậy à ? Nốt ruồi mọc khi người ta bắt đầu lớn và khi đã có thì nó không bao giờ mất nữa. Nốt ruồi của con chắc hẳn con không dễ tìm được ở ai đâu. Má chắc con đã có từ khi còn nhỏ.»

Em nhớ lại trong những ngày thơ ấu má và các em gái

của em thì h thoải mái hay chọc vào chiếc nốt ruồi của em, lúc đó nó chỉ là một chấm đen thật nhỏ. Em cũng không biết có phải chính thói quen ấy đã làm cho em hay rờ nốt ruồi hay không ?

Em nằm một mình trên giường, hai tay rờ rẫm chiếc nốt ruồi kia và tâm trí em cố hồi tưởng lại để nhớ xem hình dáng nó ra sao từ lúc em còn là một cô bé gái tuổi còn thơ ấu cho đến khi em đã có chồng trở thành một người thiếu phụ kể từ khi lần cuối cùng em sờ nó và từ đó đến nay thời gian đã lâu quá rồi. Bao nhiêu năm em không tài nào nhớ được.

Trở lại mái nhà xưa, nơi em đã cất tiếng khóc đầu tiên trong cuộc sống, giờ đây em đã xa anh, em có thể tự-do rờ rẫm chiếc nốt ruồi một cách tự-do mà không còn lo sợ ai ngăn cản nữa.

Song, điều đó vẫn không mang đến một lợi ích gì cho em.

Khi tay em sờ lên nốt ruồi thì những giọt lệ lạnh lùng cũng âm thầm trào dâng lên khoe mát.

Em đã nghĩ đến quá khứ, đến thời xa xưa khi em hãy còn nhỏ dại, nhưng khi sờ đến nốt ruồi lòng em lại tưởng nhớ đến anh và chỉ một mình anh thôi.

Em đã bị người đời kết tội và cho em là một người vợ không hoàn toàn và có thể em sẽ bị anh ly dị; song khi được nằm yên trên ngôi giường cũ trong mái nhà xưa đâu lẽ nào tâm trí em chỉ lo nghĩ đến anh thôi.

Em đã lật chiếc gối ướt dẫm nước mắt, vậy mà trong cơn mơ em vẫn nhìn thấy nốt ruồi. Em không biết được sau khi tỉnh giấc thì cảnh vật trong phòng sẽ ra sao, nhưng anh ở đó hình như còn có thêm vài người đàn bà khác cũng có mặt. Em uống rượu. Sự thật thì em đã say. Miệng em luôn luôn lầm bầm cầu xin anh một

chuyện gì đó mà em không biết.

Thói quen ấy lại trở lại với em. Em đã dùng cánh tay trái để sờ nốt ruồi cánh tay em đặt ngang trước ngực như thường lệ. Nhưng nốt ruồi kia phải chăng nó đã tróc ra ở giữa những ngón tay em? Nó tróc ra một cách khô sò đau đớn giống như một lẽ tự nhiên nhất trên cõi đời này. Giữa những ngón tay em nó giống như hình dáng một võ điệu chiến.

Như một đứa trẻ mất nết, em đòi anh phải đặt nốt ruồi em vào vết sẹo của chiếc nốt ruồi cạnh mũi của anh.

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G.

Em đây nốt ruồi của em đến phía anh. Em khóc lóc và hét vang lên em níu áo và ghì chặt lấy anh.

Lúc em tỉnh giấc, chiếc gối vẫn còn dẫm ướt nước mắt. Em còn khóc mãi.

Châu thân em cảm thấy như rã rời mệt mỏi, đồng thời lúc ấy tâm hồn em cảm thấy nhẹ nhàng như vừa trút đi một gánh nặng từ lâu.

Em nằm đó và tự mỉm cười lấy em; em cũng nghĩ một mình rằng nốt ruồi của em có thực sự đã tróc ra như trong giấc mơ em đã thấy không? Em thấy ngại ngùng khi định đưa tay sờ đến nó.

Đó là tất cả câu chuyện về nốt ruồi của em.

Em cảm thấy hình như nó vẫn còn nằm giữa những ngón tay em và hình dáng nó giống như những hạt đậu.

Em chưa lần nào nghĩ đến chiếc nốt ruồi ở trên mũi anh và em cũng không bao giờ nói

đến nó, thế mà giờ đây em cứ ngỡ là nó vẫn luôn luôn nằm gọn trong túi của em.

Em cũng nghĩ là nếu chiếc nốt ruồi của anh lại nở to ra vì nốt ruồi của em đặt vào chỗ đó thì thật là một chuyện thần tiên tuyệt hảo vô cùng.

Và em sung sướng tràn trề khi nghĩ đến phiên anh cũng nằm mơ thấy nốt ruồi như em đã thấy.

Nhưng, em còn quên bẵng đi một chuyện khác.

«Đó chính là điều anh oán ghét vô cùng», câu nói ấy có lần anh đã nói với em như thế. Em đã hiểu rõ đến độ những lời trách mắng của anh như là một dấu hiệu chứng minh cho tình yêu của anh đã đối với em. Em nghĩ rằng tất cả những gì dễ tiện nhất trong người em đều thoát ra khi em đưa tay sờ đến chiếc nốt ruồi.

Tuy thế, em thường tự hỏi có phải sự việc này xảy ra mà em vừa nói đó không đến đáp cho

em chẳng ; có lẽ vì cách mà mẹ em và đám em gái thường đùa ròn với em là một nguyên nhân chính khiến cho em mắc phải tật thường hay rờ rẫm nốt ruồi.

«Con tưởng là hồi nhỏ mẹ thường rày con về tật rờ nốt ruồi chứ ?»

«Chuyện đó là điều dĩ nhiên ngày xưa má vẫn thường không bằng lòng về tật này của con, chuyện đó cũng chẳng lâu gì .»

«Nhưng tại sao má lại không bằng lòng ?»

«Con lại hỏi tại sao à ? Tại vì nó là một tật xấu.»

«Nhưng theo má nghĩ thì tật rờ nốt ruồi của con ra sao ?»

Bà nghiêng một bên trầm ngâm nói ; «Theo má thấy đó là một thói xấu.»

«Nhận xét đó của má có lẽ đúng. Nhưng má thấy nốt ruồi con khi ấy thế nào ? Má có cho

đó là một điều đáng buồn không ? Má có nghĩ làm như vậy là một điều bất tiện và đáng ghét không ?»

«Thật tình thì má không suy nghĩ nhiều về chiếc nốt ruồi của con và tật thường hay rờ rẫm đến chiếc nốt ruồi ấy của con. Theo má thấy thì con hình như không muốn chữa bỏ thói xấu ấy với vẻ mặt thờ thần của con thì phải.»

«Như vậy má có thấy con làm cho má buồn không ?»

«Má cũng có buồn thật, nhưng chỉ một phần nào thôi.»

«Má có buồn, nhưng má lại cùng các em con chọc ghẹo con về tật rờ nốt ruồi ?»

«Má nghĩ là có.»

«Nếu chuyện này là đúng thì tại sao em không thể giữ mãi thói quen thích rờ nốt ruồi với vẻ mặt ngần ngại nhớ đến tình thương yêu của má và các em gái của em đã

đối với em trong những ngày thơ ấu ?»

Em không có quyền làm những điều đó khi nghĩ đến những người mà em đã hết lòng thương mến hay sao ?

Đó là điều mà em phải thú thật cùng anh. Như vậy anh có công nhận rằng anh đã xét đoán sai lầm về chiếc nốt ruồi của em không ?

Em có thể nào nghĩ đến một người nào khác khi em ở bên cạnh anh không ?

Em thắc mắc lo nghĩ rất nhiều không hiểu là cái bộ điệu mà anh đã cáu ghét thậm tệ điều ấy phải chăng là một chứng tích thú nhận tình yêu thương mà em không sao nói được nên lời.

Theo em thiết nghĩ, thói quen rờ rẫm nốt ruồi đâu có gì đáng nói, em không ngại biện, em không dùng những lời lẽ để bào chữa cho việc làm không được tốt đẹp ấy làm gì,

nhưng điều đó phải chăng là một nguyên nhân chính biến em thành một người vợ hư đốn ? Phải chăng lúc ban đầu chúng ta bày tỏ tình yêu em đối với anh, sau này biến thành những điểm xấu của một người vợ không xứng đáng chỉ tại vì anh không chịu nhìn nhận thực chất của chúng nó ra thế nào ?

Chính ngay cả em khi em viết những giòng này em cũng không muốn tỏ ra một người vợ hư hèn, chứng tỏ chính mình đã bị đối xử bất công.

Vẫn còn những chuyện này vì vậy em phải nói với anh.

YASUNARY KAWABATA



MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHỨT, CẢM CỨM

Một chuyến đi thăm Lăng-Tâm các vua nhà NGUYỄN sau Tết Mậu-Thân

●●● TRẦN-LÊ NGUYỄN-VŨ

(Tiếp theo và hết)

LÚC trở ra chúng tôi ghé xem lăng Thiệu-Trị. Còn gọi là Xương-Lăng xây từ tháng 10 năm 1847, đến tháng 11 năm 1848 hoàn-tất. Cũng với ngựa đứng châu, cũng hồ sen, trụ hoa-biêu, bi-đình, bảo-thành, tam-diện nhưng tất cả đều mang một vẻ bình-dị, đơn-giản. Lăng nằm sát đường cái thuộc địa-phận thôn Cư-Chánh, quận Hương-Thủy. Từ ngoài vào, đường đất gồ-gề lởm-chổm đá, bên tả là lăng, bên hữu tam. Phía trước ruộng lúa đất khô cằn, phía sau đồi trọc nối đuôi nhau như bát úp. Xa xa, xóm

định-cư, những mái nhà tôn lấp lánh dưới ánh chiều tà. Lăng không có la-thành bao-bọc như lăng Minh-mạng. Ngoài vào là hồ sen, rồi đến Bái-đình, văn quan võ tướng voi ngựa đứng hai hàng. Bước lên mấy bậc cấp đến Bi-đình trong có bia Thánh-Đức Thần-Công do vua Tự-Đức dâng ngày 19-11-1848, năm tháng sau khi vua cha thắng-hà. Sau bi-đình đến lầu Đức-Hình nằm gần hồ Ngưng-Thủy với ba chiếc cầu đá vắt ngang nối liền Bảo-thành. Cầu giữa mang tên Chính-Trung bên tả Đông-hòa, bên hữu Tây-định. Bảo-thành cây cối

rậm-rạp, âm-u nhìn về chiều có cảm-giác rờn-rợn khiến chúng tôi không dám vào. Bên hữu Bảo-thành có gác Hiền-Quang. Băng qua một đoạn đường ngắn lát gạch Bát-tràng đến điện Biều-Đức. Phía trước có Đông Tây Phối-diện, phía sau Tả, hữu từng viện. Tam-diện có cửa Tam-quan mang tên Hồng-Trạch, bên ngoài, sân rộng rộng lớn ba cấp rêu phong trơn-trợt nằm sát một chiếc hồ sen bán-nguyệt nước đen ngầu. Trong biển-cổ Mậu-thân, lăng Thiệu-Trị bị đại-bác bản sập nhiều căn nhà thuộc khu-vực Tam-diện. Vết tang-thương còn nguyên- vẹn, gỗ đá tan-tác, cây cối xơ-xác, khiến du-khách bùi-ngùi thương cảm. Với cuộc chiến này, di-tích Văn-Hóa kia còn tồn tại đến bao giờ? Người giữ lăng tâm-sự với chúng tôi «ban đêm sợ lắm, không tài nào ngủ được. Hễ nghe chó sủa lo rúc xuống hầm đá trốn. Chưa biết ai đi bên ngoài, ta hay địch? Choảng nhau là có châu hững đạn». Theo Sử cũ, vua Thiệu-Trị lên ngôi ngày 20-1-1841 Ngài rất chăm lo việc nước, dựng Quốc-Sử-Quán, nối tiếp sự-

ngiệp vua cha tổ-chức hành-chánh, giáo-đục, chỉnh-đốn binh-bị. Ngoài ra ngài còn là một nhà thơ uyên-bác đã ngự- chế nhiều thi-văn và sách sử. Ngài thường ngao-du đây đó, đến đâu cũng có thơ ngâm-vịnh, đặc-biệt 20 thắng-cảnh đất Thần-Kinh đã nhờ thi tài của ngài mà nổi tiếng :

— Trùng-Minh viễn chiếu (trăng sáng lầu Minh-Viên)

— Vĩnh Thiệu Phương văn thưởng hoa vườn Thiệu-Phượng)

— Tĩnh hồ hạ hứng (chơi hồ Tĩnh-tâm mùa hạ)

— Thư uyên xuân quang (ảnh xuân vườn Thư quang)

— Ngự viên đắc nguyệt (vườn ngự trăng soi)

— Cao Các sinh lương (hóng gió mát ở gác cao)

— Trường-Minh thủy diệu (câu cá ở cung Trường Minh)

— Thường-Mậu quan canh (xem cây vườn Thường Mậu)

— Vân sơn th ng tích (Cảnh

đẹp chùa Túy Vân)

— Thuận hải quy phàm (thuyền về cửa Thuận)

— Hương giang hiểu phiếm (buổi sáng bơi thuyền trên sông Hương)

— Bình lãnh đặng cao (núi Ngự lên cao)

— Linh-Hựu khánh hưởng (tiếng khánh quán Linh-hựu)

— Thiên mục chung thanh (tiếng chung chùa Thiên mục)

— Trạch nguyên tiểu lộc (Nai kêu nguồn Trạch)

— Hải nhi quan ngư) xem, cá dầm Hải nhi)

— Giác hoàng phạn ngữ (tiếng tụng kinh chùa Giác hoàng)

— Huỳnh-Vũ thư tham (tiếng đọc sách ở Quốc-tử-giám)

— Đông lâm dực điều (bản chim ở rừng phía đông)

— Tây lãnh thang hoàng (Vùng nước nóng phía tây) (1)

(1) Theo tài liệu của Thái-oãn-Kiểm.

Rời lăng Thiệu-Trị, chúng tôi vượt đèo Ngoan-mục (Bellevue) đến thăm lăng TỰ-ĐỨC. Từ xa đã thấy rõ rừng thông xanh um bát ngát. Càng đến gần tường la-thành càng dâng cao, vài nơi bị đạn đại-bác bắn đứt, gạch rớt ngổn ngang. Bước qua Vu-khiêm-môn, chúng tôi cảm thấy thoải mái dễ chịu. Tiếng chim ca riu riu, tiếng gió hát vi-vu trên rừng thông già cao vút, hòa với cảnh bài trí tuyệt mỹ trước mắt thật quyến-rũ lạ thường. Càng vào sâu niềm thích-thú càng lắng lắng phôi-phôi. Các lăng kia đều đẹp, nhưng lăng Tự-Đức đẹp hơn tất cả. Cái đẹp nguy-nga tráng-lệ, vừa thanh kỳ tao-nhĩ. Ngăn nắp hòa hợp mà lao lung phóng-khoáng. Chủ nhân của lăng-tâm kia phải là một nghệ-sĩ tài hoa, một nhà thơ có tâm-hồn siêu-đẳng, một thi-thần Apollon nhập thể. Trước khi vào lăng trí óc tôi còn hẳn rõ những câu thơ nguyên-rũa của nhóm «Đông sơn thi tửu hội» :

«Vạn-niên là Vạn niên nào ?

Thành xây xong linh hào đào máu dân.

Hoặc :

«Tôi thăm cơ sở Vạn-niên,
«Lừa quân treo ngược dây miền
núi non.

«Đôi vai gánh đá xuong môn,
«Móng tròn roi đánh chằng còn
mãng da.

«Đưa người cắt đá xong pha,
«Cả đêm với quét chằng tha canh
nào.

«Kẻ thời sức môn hơi hao,
«Người thì mắc lấy ốm đau chằng
lành.

«Người thời quần áo tan lành,
«Miệng thêm khát nước dạ đánh
đói cơm.

«Phá tan một cõi trời Nam,
«Xuong thấy thành kin môn lâm
kào sâu

Tôi hình-dung một bạo chúa Tự-Đức, tay nhuộm máu của bao nhiên châu chát anh em ruột thịt, phê-phởn trên nỗi lầm than của lê dân, quân-sĩ, giữa lúc mà đất nước rơi vào vòng khốn-quẫn, giặc già mang tàu đồng súng lớn chiếm sáu tỉnh miền Nam, nhục mạ quốc thể. Trong cơn lửa hồng dầu sôi, bao nhiêu anh-hùng liệt-sĩ đến bước đường cùng dầu tự-tận, bao nhiêu tang

tóc thê-lương phủ lên đầu trẻ nhỏ, thế mà có một vị Thiên-tử, mắt lấp tai ngọc, dám thu vét công-khố trên trăm vạn quan tiền để xây một cung lăng cho vui thú riêng mình.

Nhưng khi đứng trong Xung-khiêm-tạ nhìn ra hồ sen, những ý nghĩ khắt-khe ở trong tôi tự-nhiên dịu dần. Tôi không tin rằng một kẻ có tâm hồn phóng-khoáng như vua Tự-Đức lại có thể tàn-ác đến thế. Và khi đi lần vào bi-đình, miệng lầm-nhảm đọc mấy giò «Khiêm-Cung-Kỷ» nổi nghi-hoặc ban đầu vụt tan biến. Chưa một vị vua nào chân-tành như thế. Khác hẳn lũ hôn quân bạo-chúa, cao-ngạo yên hưởng trên ngai vàng truyền tử mục-nát. Hãy lắng nghe lời tâm sự của Vua Tự Đức :

ANACINE

TRỊ PHONG NGŨA

MỀ ĐAY, HO, SUYỀN

«Riêng ta chỉ ngậm-ngùi vì việc học chưa thành, chí chưa đạt, như danh không xứng với thực tội, chất yếu không đáng đáng «nổi việc nhiều, đất đai bị chiếm «chưa lấy lại được, biên-cương «giặc cướp chưa yên, việc nổi «đổi chậm-chạp gay-gò, khó kiếm «được người, biết lấy ai để đảm-«đương việc nước. Chỉ may trời «sinh chân thánh, lương tri không «bị mờ ám, tuy bệnh tật quá nhiều «uất hận quá sâu, không khỏi có «lúc giận-dữ, nhưng tất nhiên là «có nguyên do, việc gì cũng theo «điều kiện-hậu, không dám tự «tiện làm xằng. Cho nên tuy lâu «ngày cầm quyền sanh-sát, chưa «bao giờ không do án thành mà «tự-tiện giết một người nào.»

Việc xây lăng cũng là điều bất-đắc-dĩ ngoài ý muốn :

«Ta sở dĩ làm cung ấy vốn nghĩ «rằng theo lệ (vua) thì có miếu «riêng, lại có lăng, nếu không «trước lo việc xây cất, về sau tôi «con tuân theo điển-lệ cũ, chẳng «khỏi lựa chọn chốn xa-xôi, cách «trở, phiền nhọc khó-khẩn, nên ta «tiết-giảm và cũng thành-thật «muốn được tiện-lợi hơn. Huống

«chỗ này núi và nguồn rất thấp, «đối với những lăng trước lại rất «gần, đất nước hiền-lành, không «rừng rậm núi cao, để thi-hành «công-tác»

Lăng Tự-Đức, từ lâu đài đình-tạ đến gò đồng cầu hồ đều lấy chữ KHIÊM làm tên chính. Gò đồng thì có: Đản-khiêm, Lao-khiêm, Đạo-khiêm, Long-khiêm, Cừ-khiêm, Lý-khiêm; nhà cửa thì có Công-khiêm, Cung-khiêm. Lễ-khiêm, Pháp-khiêm (nơi các quan túc trực) Khiêm-cung môn, Vụ-khiêm-môn, Tự-khiêm-môn, Thượng-khiêm môn (bên ngoài) Tất, Nhu, Huy, Năng, Mục, Liêm khiêm môn, sáu cửa bên trong; lâu-đài viện các cung điện thì có: Hòa-khiêm điện, Lương-khiêm điện (gồm một chánh tích một tiền tích) Minh-khiêm đường

(nơi nghe tấu nhạc) Ôn-khiêm đường (để ngự phục) Ích-khiêm các (xem phong cảnh) Tùng-khiêm viện, Dung-khiêm viện, Y-khiêm viện, Tri-khiêm viện (nơi các phi-tàn theo hầu hạ vua ở) Chi-khiêm (thờ các phi-tàn quá cố) Khiêm-trai (nhà đọc sách) Di-khiêm lâu (xây trên

chóp đồi) Đình tạ thì có Nhã-khiêm đình, Tiêu-khiêm đình, Lạc-khiêm đình (xây trên hòn đảo lớn giữa hồ) Thế-khiêm đình (dựng bia tập bắn) Dũ-Khiêm tạ, Xung-khiêm tạ (nơi vua câu cá những đêm hè). Lại có ba cầu nhỏ: Tuần-khiêm kiều, Tiên-khiêm kiều, Do-khiêm kiều, nổi đất liền với nước. Hồ nhỏ gọi là Tiêu-khiêm xây theo hình trăng non hoành-chính nước. Hồ lớn Luru-khiêm nở toàn hoa sen, nơi vua Tự-Đức «gặp những buổi trăng thanh gió mát, chơi phiêu trên mặt hồ, hái hoa quân-tử, ca khúc Ái-liên» Thuyền ngự trên hồ thì có hai chiếc Thuận-khiêm, Ôn-khiêm; núi thì gọi Khiêm-Sơn do Khiêm-sơn thần cai-quản...

Tất cả những cái KHIÊM ấy đều mang một ý-nghĩa riêng, được nhà vua diễn-tả: «Khiêm là kính là nhường. Có địa vị mà không ở, tự-uốn nấn để hạ mình. Ta mang lấy sỉ-nhục, gánh lấy tội-lỗi như thế còn khiêm nhường gì hơn, Còn có cách hạ mình gì hơn nữa? Tài năng công-đức gì mà bảo không khiêm? Và lại ta vốn thích thanh-dạm, địa vị tuy

ở chốn nhà vàng nhưng tâm thường như kẻ mặc áo vải. Trừ y-phục rực-rỡ buổi đại-triền, ta không may gì hoa lệ. Phải chăng đó mới nghĩa là có địa vị mà không ở? Huống hồ từ ngày xây-dựng khiêm-cung, sét đánh Hỏa-khiêm điện, loạn dân làm mê-hoặc quân-chúng, xâm-phạm đế-khuyl, trời trách người oán bồng dưng đưa đến, lòng ta lẽ nào lại chẳng dấm chẳng khiêm? Chỉ biết trước sau kính sợ, hết lòng lo-lắng, ngộ nầu duy-tri, bỏ cửu được vạn nhất thì chữ Khiêm ấy há dám không chân thành? Cho nên nhân đó tất cả đều lấy chữ Khiêm để đặt tên, cũng là tùy theo cảm-xúc, tự cảnh-tình và răn trách mình»

Chữ Khiêm còn là lời khấn-nguyện thiết-tha của một vị vương-tử tin ở đạo Trời, dốc tâm-thành giữ đức khiêm-cung để cầu xin hạnh-phúc cho trăm họ: «Điều mà ta tin, chẳng phải ta dám đặt hết lòng tin vào vạn số của trời, nhưng chỉ tin vào đạo-lý của trời, mà đã tin vào đạo-lý của trời thì ta phải hết lòng vậy, Nếu ta phải hết lòng thì khiêm có thể giữ-gìn an-thái

cho nước nhà. Ta đâu dám chẳng khiêm để thi-hành cho trọn đạo làm người, Nước nhà binh-yên cũng do chữ khiêm mà ra. Ta dám chẳng cố gắng để được thái-bình khiến đạo trời sáng tỏ.

Sau khi vào xem điện thờ với những chiếu sập gụ bóng láng, những chiếc độc bình bằng gỗ huyền nhẹ và cứng, những bức tranh Tàu già trên thế-kỹ mà nét vẽ vẫn còn sắc-sảo... chúng tôi đi quanh một vòng xem phong-cảnh và chụp ảnh kỷ-niệm. Trong vòng thành khiêm-lăng còn có Bối-lăng của Giản-Tông Nghi Hoàng-Đế Kiến-Phúc, con nuôi vua Tự-Đức, bị Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết ám-hại vào năm 1884, và Khiêm-thọ Lăng của bà Lê-Thiên-Anh Hoàng-hậu, vợ vua.

Mặt trời nghiêng hẳn sau rặng núi xa. Phong-cảnh chìm dần giữa ánh hoàng-hôn tím thẫm. Nhìn đồng-hồ gần 7 giờ chiều, chúng tôi lên xe trở về. Con đường từ Dương-Xuân-Thượng đến cầu Giã-Viên đẹp như tranh vẽ. Mặt nước sông Hương phẳng-lặng như tờ, lác-đác những mái

chéo xuôi về Phú-Văn-Lâu. Tiếng gió reo đều trong trập máy, bánh xe lách nhẹ trên mặt đường trơn láng. Văng văng trong không-gian mơ hồ như có tiếng hát :

— «Trên làng Dương-Xuân hề ! có ngôi nhà ta ở.»

— «Núi thấp và đất hoang vắng hề ! hình dung được ý chí khiêm nhường của ta để tự trách»

— «Ai đồng một lòng với ta để hoàn-thành ý-chí của ta hề ! (Ơi khăn-câu nhưng chẳng được!»

— «Chỉ có, trời soi xét hết Lòng ta...»

Tất cả mọi người đều mệt nhoài nhưng tinh-thần lâng lâng sáng-khoái. Nụ cười vẫn nở tươi trên các khuôn mặt nắng táp, nhẽ-nhại mồ-hôi và bụi đường năm dỏ.

TRẦN-LÊ-NGUYỄN-VŨ

(Viết tại Tây-Đức :mùa Đông 1969)

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

CHÚNG TÔI THƯƠNG XÁC VỚI NHÀ VĂN SAO BIÊN
VỀ NHÂN VẬT HÀN-TÍN

HÀN-TÍN có phải là « một thẳng vô liêm sỉ không ? »

● ĐÔNG-TÙNG

(Tiếp theo P.T 245)

Hàn-Tín trước những
cặp mắt tri nhân và
không tri nhân

Hàn bằng cách đồ cho số phận,
rồi họ đọc :

«Thời lai đồ điều thành
công vị
«Vạn khứ anh hùng âm hận
đã»

Người đương thời cũng như hậu thế chúng ta, nếu là những cặp mắt tầm thường, người ta chỉ biết Hàn-Tín đương sơ là một người bần hàn, ăn xin bà Phiếu-Mậu và luông háng anh hàng thịt ở giữa chợ, thế mà sau làm tới đại-tướng, được phong Tề-vương, Sở-vương rồi Hoài-âm hầu cuối cùng bị giết vì tội bất trung làm phản loạn. Cũng có kẻ tội nghiệp cho họ

Theo quan niệm của Đặng dung thì từ anh chàng đi câu lên tới chức đại-tướng chỉ vì «thời lái» rồi từ một quốc «vương sa xuống một tên tử tội, chết chém là vì «vạn khứ» hội chủ quan của nhân vật họ, Hàn cũng như bao nhiêu nhân vật lịch sử khác chẳng có ai cưỡng lại được hết.

PHỒ-THÔNG — 245

Nhưng theo thiên ý chúng tôi, có lẽ chúng ta không nên quan niệm vấn đề một cách giản đơn và độc đoán như thế. Để tìm hiểu những thành công cũng như thất bại, nhất là cái chết của họ Hàn, trước hết ta hãy chịu khó tìm hiểu chính trong thời đại của Hàn-Tín đã được mấy người biết Hàn-Tính (Tri-nhân) và không biết mỗi Hàn-Tín (bất tri nhân).

Người biết được Hàn-Tín ta phải kể trước nhất là Phạm-Tăng mưu thần của Hạng-Vũ và Trương-Lương, rồi xuống Hạng Bá, Trần-Bình, Tiêu Hà, Đàng Cộng. Người bất tri nhân, không biết nổi Hàn-Tín, trước hết ta phải kể là Hạng-Lương Hạng-Vũ, Phan-Khoái, cũng nên kể cả Lư-Bang vào nữa cho hợp lẽ công bình.

Sau đây là những chứng liệu :

Tây Hán chí hồi thứ 31 với đề mục «Thuyết Hàn-Tín Trương Lương mài kiếm» viết rằng : Khi Hạng-Lương

Chú Hạng Vũ khởi sự đánh Dinh Tần, lúc thế lực đã khá mạnh, Một hôm Hàn-Tín từ Hoài-âm đến yết kiến Lương và xin giúp việc. Nhưng với cặp mắt tầm thường của Lương, thì Hàn-Tín chỉ là một người gầy gò tiêu tụy, lại được biết cái «xú» không mấy tốt đẹp của họ Hàn chỉ là một anh chàng đi cầu ăn xin và luôn háng anh chàng háng thịt ở giữa chợ, cho nên khi thấy Hàn-Tín, Hạng-Lương liền tỏ vẻ bất thiện cảm, mặc dù có cặp mắt tinh đời của mưu thần Phạm-Tăng, người biết rõ tài năng thao lược của Hàn-Tín, cực lực xin bạt dụng, cuối cùng Hạng-Lương vì quá nể lời Phạm-Tăng rồi phải dùng Hàn-Tín trong một địa vị nhỏ-cái lính gác (cấp kích láng).

Sau khi Hạng-Lương chết, cháu là Hạng-Vũ lên nối nghiệp lại háng chục lần nữa Phạm-Tăng tiếng cử Hàn-Tín cho Hạng-Vũ, nhưng Hạng-Vũ vẫn cứ không nghe. Thậm chí có lần Phạm-Tăng nói thẳng với

Hạng-Vũ ; «Hàn-Tín là một nhân vật rất lợi hại, tài ba mưu trí không thua Y-Doãn, Tử-Nha, không thể bằng vào cái dĩ vãng đi cầu, ăn xin, luôn háng gã háng thịt để khẳng định con người. Việc lường háng gã háng thịt giữa chợ của Hàn-Tín, theo tôi hiểu là cái «Dũng» chứ không phải cái «khiếp» dũng của con thần long chưa gặp mưa bạc. Cái dũng của họ Hàn là cái dũng chỉ huy ba quân, đánh tan nhà Dinh Tần, khánh hành với Lư-Bang, Trương-Lương và Tướng công nữa chẳng hạn, chứ không phải là huyết khí chí dũng, đánh nhau võ đầu với gã háng thịt giữa chợ. Cho nên, nếu Ngài không bằng lòng dùng ông ta trong những chức vụ trọng đại, thì nên bí mật thủ tiêu đi, kéo rồi cây thần kiếm ấy sẽ lọt vào tay Lư-Bang, là một điều tối nguy hiểm».

Đã nói tới cạn lời như vậy, khốn thay Hạng-Vũ nào có chịu nghe lời cho đến nỗi chỉ ba năm sau thì Hàn-Tín chính

là người đã giết chết Hạng-Vũ ở Ô-Giang (Gai-hạ).

Ở đây Tây-Hán-Chí cũng hồi trên viết tiếp : Trong một đêm khuya, Hạng Bá cho Trương-Lương đọc kín một bức thư điều trần của chấp kích lang Hàn-Tín dâng lên Hạng-Vũ, nội dung là một bản chương trình kế hoạch, Hàn-Tín hiến cho Hạng-Vũ diệt Tần và Bình Hán, Trương-Lương đọc xong toát mồ hôi lạnh, thì thấy rằng bản chương trình và kế hoạch này, nếu được Hạng-Vũ áp dụng, thì vua tới bọn mình sẽ không có nơi chôn.

Thế rồi Trương-Lương tìm đủ mọi cách gặp cho được Hàn-Tín để lôi ông ta về với Họ Lư.

Một hôm, trời tối không trăng sao, trong khi Hàn-Tín đang nằm vắt tay lên trán nghĩ : Con chim làm tổ nơi cây cối chẳng bao giờ được êm ấm, ông đang nghĩ liên miên về những câu chuyện lịch sử

«khứ âm tự mình : xuất cốc thiên kiều». Người lính gác vào báo : có một người đạo sĩ xưng là đồng hương với ngài, xin vào yết kiến.

Hàn-Tín tự nghĩ : Mình là một kẻ bán hàn ở đất Hoài-âm, chẳng đáng chơi bời với ai. Vậy người này là ai ?

Hàn-Tín còn đang suy nghĩ thì Trương-Lương đã vào đến tận nơi : lưng đeo một cây kiếm :

Trông qua ánh sáng ngọn bạch Lạp, Hàn-Tín thấy Trương-Lương có một mạo diện phương phi, lại có vẻ tiên phong đạo cốt, liền đứng dậy thi lễ và nói :

— Ngài ở đâu tới ? Chẳng hay có việc gì cần đến tôi ?

Trương-Lương kính cẩn đáp :

— Tôi là người đồng hương với Ngài, nhưng lưu lạc giang hồ đã lâu nên chưa hân hạnh được gặp ngài. Nay tiện qua đây xin vào hầu chuyện, và còn có một sự kiện khá quan trọng,

Hàn-Tín vội vã hỏi :

— Chẳng hay sự kiện gì mà gọi là quan trọng ?

Trương-Lương đỡ lời :

— Nguyên tôi là một đạo sĩ, một lần tôi gặp một vị tiên ở Bích-Sơn, giao cho ba thanh bửu kiếm và dặn :

Ba thanh bửu kiếm này là phi mã phẩm (không phải là đồ đồ bán), nó mang nặng bá tính chất đặc-biệt của người sử-dụng. Vậy ta giao cho nhà người phải tìm cho bằng được ba ông chủ xứng đáng ấy thì biểu họ. Vậy nên hai thanh kia tôi đã biểu cho hai người xứng đáng rồi, còn một thanh

PENI-V	200.000 đv
	400.000 đv
	500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chích PENICILLINE - G

này tôi chưa tìm được chủ. Nay nghe đại danh ngài nên tôi mang tới đây.

Hàn-Tín nghe họ Trương ca tụng ba thanh bửu kiếm, liền hỏi :

— Thanh kiếm ấy có gì quý ?

Trương-Lương đưa tay sờ vào bao kiếm, miệng ngâm lên một bài thơ :

«Đề ngâm được nước, giao long khốc

«Tung mừa lên không quỵ sử kinh.

«Lưu truyền thiên cổ

«Giá trị thiên kim

«Kiếm bửu không đem bán

«Chỉ hiển khách anh hùng

«Giang sơn mặc sức vẫy vùng

«Dựng lên bia đá tượng đồng ngàn thu ;

Nghe xong bài thơ, Hàn-Tín hiểu ngay Trương-Lương là người đã biết được mình, cũng như dụng ý mang kiếm tới cho mình, ông mở cờ trong bụng : và nói :

— Tín tôi ở Sở, chỉ là một tên vô danh tiểu tốt với địa vị một anh cai lính gác. Nay Tiên-sinh có lòng hạ cố, đem thanh bửu kiếm tới đây, còn gì quý báu hơn, vậy Tiên sinh cho tôi xem.

Trương-Lương rút kiếm trao cho họ Hàn.

Cây kiếm vừa rút ra khỏi vỏ, tỏ ra một hào quang sáng ngời. Tín trong kỷ lại thì trên lưỡi kiếm lại được khắc vào một bài thơ :

«Kiếm bửu lấp lòe tay tráng sĩ,

«Non sông một giải chi hiện ngang

«Máu hồng men rượu say bằng tuyết

«Muôn dặm sơn-hà một tấc gang»,

Đọc hết bài thơ khắc trên kiếm, Hàn-Tín nghĩ một phút hỏi Trương-Lương :

«Đa tạ Tiên-sinh có lòng hạ cố tới tôi, chỉ sợ rằng Tín tôi chưa phải là người đủ điều

kiện để sử dụng thanh bửu kiếm của Tiên-sinh và hai thanh kiếm kia Tiên-sinh đã bán cho ai ?

Trương-Lương trả lời tiếp khẩu :

«Nếu ngài không xứng đáng là ông chủ của thanh kiếm thì làm gì lại có sự có mặt của tôi hôm nay ở đây.

«Được lời như gã tấm lòng.»

Hàn-Tín nhận kiếm và sai người nhà khoản đãi Trương-Lương.

Trong lúc tân chủ chén thù chén tạc, Hàn-Tín hỏi :

Phải chăng ba thanh kiếm của ngài đều đã có tên ?

«Lẽ dĩ nhiên, Trương-Lương đáp.

Một thanh gọi là «Thiên-tử kiếm», một là «Tề-trương kiếm», thanh này gọi là «Nguyên-nhung kiếm».

— Vậy Thiên-tử Kiếm ngài đã dâng cho ai ?

— Tôi đã dâng cho Lưu-

Bang, người phong-bái.

Hàn-Tín ngạc nhiên hỏi :

— Theo Tiên sinh Lưu-Bang là người như thế nào mà sử dụng được Thiên-tử kiếm ?

Trương-Lương thân nhiên đáp :

— Ông ấy là người khoan nhân đại độ, hiểu mưu năng thích nhất là trí nhẫn và thiện nhiệm, sẽ là ngôi Thiên-tử trong tương lai.

Hàn-Tín lại hỏi tiếp :

— Còn Thanh «Tề-trương kiếm» ngài đã dâng cho ai ?

— Tôi đã dâng cho Tiêu-Hà, Tướng-Quốc của Lưu-Bang, Tiêu Trương-Quốc quả là người xứng đáng dùng thanh kiếm ấy.

Hàn-Tín ngạc nhiên, hỏi tiếp :

— Người ấy tài đức gì ?

Trương-Lương gật gù nói :

— Thế là tướng quân cũng

chưa biết cả Tiêu-Hà ư ? Ông ta là một tay kinh-bang tế thế. Lưu-Bang gặp được Tiêu-Hà, người ta đã bảo là như cá gặp nước.

Hàn-Tín nghe xong mừng rỡ nói :

— Hai thanh kia ngài đã chọn được chủ xứng đáng, chỉ sợ rằng tiểu tử chưa đủ tài đức làm Nguyên-nhung sẽ phụ lòng «chuyệt cổ của Tiên-sinh» chăng ?

Nắm được cơ hội, Lương liền cho ra một tràn lý luận, nội dung không ngoài việc ca tụng tài năng họ Hàn, nhưng chưa gặp được mình. Hàn-Tín bị đánh trúng tâm lý, bất giác thở dài, đứng dậy nói :

— Đa tạ Tiên-sinh, lời vàng ngọc của Tiên-sinh như soi vào buồng gan lá phổi của kẻ đang thất thời này.

Thiệt vậy, Tín ở đây đã từ lâu không thi thố được việc gì, chỉ vì Hạng Vũ bất trí nhân, ngôn bất thính, kế bất dụng, Tín đang cố ý định trở về cố

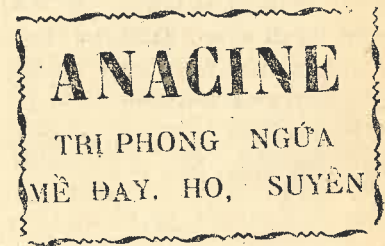
hương an nghiệp, vì ở đây mãi cũng chẳng làm nên trò trống gì.

Nắm được tư tưởng họ Hàn, Trương-Lương tìm cách đưa họ Hàn vào con đường mình đã hoạch định trước khi tới dâng kiếm. Rồi Trương-Lương thỏ thẻ nói :

— Ấy chết : Tướng quân nghĩ lầm rồi. Đấng anh hùng nuôi chí lớn phải tìm cho đến thực hiện được chí, không lẽ một người tài học như tướng-quân mà lại để mai một unction phi trong lúc này, lúc mà quốc gia đang cực kỳ đa sự.

Hàn-Tín ngẫm nghĩ một lúc rồi nói :

— Vậy Tiên-sinh bảo Tín tôi bây giờ làm thế nào để thực hiện được chí lớn ?



Nắm lấy cơ hội, Trương-Lương đầy mạnh chiến lược :

— Tôi thấy rằng những nhân vật đương thời, người sẽ thống nhất thiên hạ, ngoài Lưu-Bang không còn người thứ hai. Vậy Tướng quân nghĩa sao ?

Trong khi họ Hàn đang bóp trán suy nghĩ, Trương-Lương lại tiếp :

— Vấn đề khừ am tự mình, như ta đã từng thấy trong lịch sử cổ kim. Nếu Tướng quân muốn về với Hán, tôi xin đưa cho ngài một vật làm tin, Hàn Tín hoan hỷ tuân lời.

Tức thì Trương-Lương thò tay vào túi lấy ra một bức thư đã viết sẵn và nói :

— Thư này, lúc đưa Lưu-Bang vào Bao-Trung, tôi có hứa sẽ đi khắp thiên hạ tìm cho ông một nhân vật xứng đáng với chức vụ «Phá Sở Đại-Nguyên-Soái», lấy giặc thư này làm bằng. Nếu ai cầm bức

thư này là kẻ đó đương phục chức đó.

Hàn-Tín tiếp lời và nói :

— Nếu sau này tôi giúp Hán-Vương dựng lên nghiệp lớn, thì sự nghiệp ấy chính là do Tiên-Sinh là người đặt viên đá đầu tiên.

Sau khi tiễn chân Trương-Lương, Hàn-Tín hồi hộp lo nghĩ chuẩn bị hành trang đi.

Trước khi ra đi, Hàn-Tín ghé nhà Trần-Bình, cũng là một tướng tài nhưng lúc bấy giờ cũng đang bị mai một ở Sở như Tín, thiết là đôi bạn cùng tài ba, cùng cảnh ngộ cùng một tâm sự như nhau.

Gặp Bình trong lúc đêm khuya bí mật, Tín nói nhỏ cho Bình biết là ở sẽ bỏ Sở về Hán. Trần-Bình rất tán đồng và hứa rồi đây cũng sẽ bỏ Hạng về với Lưu, vì Lưu

Bang là người biết dùng người và biết người, nhất định sẽ thống nhất thiên hạ. Rồi trong chuyến đi này Trần-Bình đã lợi dụng chức vụ của mình đang giữ để bí mật cấp giấy thông hành cho Tín.

Ở đây ta cũng công nhận Trần-Bình là người tri nhân, biết được Hàn-Tín và Lưu-Bang.

Được tin Hàn-Tín bỏ đi, Phạm-Tăng dậm chân hét :

— Thôi cộp về rừng rồi, bọn ta sẽ chết không có đất chôn, trong khi Hạng-Vũ chỉ cho là một tên lính gác bỏ trốn, cớ gì là quan trọng.

Cho hay kẻ tri nhân với người bất tri nhân khác nhau như trời với vực. Sự thắng lợi và thất bại cuối cùng của mọi nhân vật là ở chỗ đó.

Nói về Hàn-Tín, sau khi từ bỏ Hạng-Vũ, vừa ra cửa An-Bình, ông thẳng tới Tân-Quan, đến một ngã ba đường chật hẹp, ngoằn ngoèo, liền giở bản

đồ mà Trương-Lương giao cho lúc từ biệt ra xem, tìm lối tắt vào Bao-Trung. Bỗng thấy một gã tiểu tướng tay cầm hoả bài, xông ngựa tới hỏi. Hàn-Tín vừa trông thấy biết ngay là một tướng giữ cửa ải của Hạng-Vũ bố trí tại đây, ông liền rút giấy thông hành đưa cho hắn xem. Trong khi viên tiểu tướng đang khum núm xem giấy thông hành, họ Hàn rút thanh bửu kiếm chém chém phẳng một lát rồi lập tức lên ngựa thúc cương chạy tuốt. Vừa chạy được một thời dưng, lại có hai người nữa dong ngựa đuổi theo, nhưng rồi đều bị họ Hàn thanh toán theo cách đó. Chạy được một thời Hàn-Tín nghĩ thầm : Ta vừa giết mấy tên giữ quan của Hạng-Vũ nếu cứ đường thẳng mà chạy, e quân của Hạng-Vũ sẽ đuổi theo kịp, liền rẽ cương ngựa sang một con đường hẻm về Tây-Nam. Nhưng đi được một quãng, con đường bị tắc, không còn lối vào Trần-Thương nữa. Tình cờ gặp một tiểu tướng đang kéo kẹt trên vai

một gánh củi nặng, mò mẫm qua sườn núi. Họ Hàn liền tới hỏi thăm đường. Lão tiều phu đặt gánh củi xuống, tay chỉ về phía trước nói:

— Ông cứ giắt ngựa bằng rừng này đi tới, sang rặng núi bên kia là Tiều-Tùng lộ qua một khe Loan-Thạch tới núi Nga-My, đi hết núi Nga-My mới có đường đi, nhưng cũng khuất khúc gồ ghề lắm. Đi một quãng nữa mới tới núi Thạch-Bái, dưới chân núi Thạch-Bái có một cái quán, phải trọ lại đó một đêm, sáng mai mới lên đường được.

Tín hỏi về lối sang Cỗ-Vân, Hàng-Khố: Tiều-Phu nói:

— Đó là địa Phận Nam Chính rồi. Nhưng khi qua đó ông phải hết sức giữ gìn cẩn thận, vì ở vùng này thường có con Mãng-xà rất nguy hiểm.

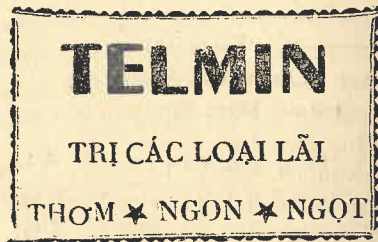
Hàn-Tín giờ bản đồ ra phối kiểm, lời chỉ dẫn của người tiều-phu đúng rập rập. Hàn-

Tín cảm ơn tiều-phu rồi lên ngựa trong khi người tiều-phu cũng gánh củi lên vai.

Tín vừa đi vừa nghĩ: Nếu Hạng-Vũ cho người đuổi theo mình tới ngã ba mà gặp phải tiều-phu này và lão ta lại cũng chỉ đường như vậy, thôi thì mình oan gia: Nghĩ tới đây, ông quay ngựa lại gọi người tiều-phu. Người tiều-phu nghe tiếng gọi, quay ngoặt người lại Hàn-Tín chém phăng một lát, rồi đem xác vùi dưới trộm núi.

Nhìn nằm mồ oan, không những là oan mà còn là cứu tinh của mình nữa, họ Hàn bùi ngùi sa lụy.

(Còn nữa)



NGUYỄN - HỮU - CẢNH

(1650-1700)

NGUYỄN HỮU CẢNH còn có tên là Lê nên có nơi gọi Nguyễn Lê (1) hay Nguyễn hữu Lê (2). Bình sanb làm quan tới chưởng quân binh cơ nên thường được gọi *chưởng cơ Lê* hay *chưởng binh Lê*.

Sách Việt Nam sử lược chỉ là *Nguyễn hữu Kinh* (3). Sách Đại Nam liệt truyện tiền biên ghi rõ hơn: «*Nguyễn hữu Cảnh tức Nguyễn hữu Kinh*» (4)

(1) Sách «*Gia đình thông chí*» của Trịnh hoài Đức, đoạn nói về lũy Hoa phong có ghi: *Thông suất chưởng cơ Nguyễn Lê* bình định Cao-miền, bèn đắp lũy ấy, nên củ dương còn».

Bản dịch của giáo sư Trần kinh-Hòa đăng trong Đại học tạp chí số 24 trang 41 xuất bản tháng 12/1961.

Lại còn ghi là Nguyễn phúc Lê

(xem thêm lời chú số 7 — Sách đã dẫn trang 58)

(2) Sông «*Lê công*» tục gọi «*Vàm ông Chưởng*» vốn do *Lê tài Hậu Nguyễn hữu Lê tức Nguyễn hữu Cảnh* mở mang...

Nguyễn bá Thế bài «*Di tích lịch sử miền Nam*» Vàm ông Chưởng đăng trong Văn đàn tuần báo, tân niên Nhâm Dần số 15-16-1962 trong 29.

Cũng vì có tên *Lê* nên khi chết ông được ban tước *Lê tài Hậu*

Theo tôn phả Nguyễn triều của dòng họ Nguyễn Hữu thì tên thật của ông Nguyễn hữu Cảnh. Và cũng theo tôn phả kể trên thì Nguyễn hữu Cảnh là dòng dõi Nhi-kê Hầu, đệ nhất công thần đời Lê: Nguyễn Trãi (1380-1442).

Ông Trãi sanh ra ông Sùng

Ông Sùng sanh ra ông Nghĩa

Ông Nghĩa sanh ra ông Đoãn (Hoàng quốc công triều Lê)

Ông Đoãn sanh ra ông Nguyễn đức Trung (Trình quốc công thần triều Lê)

Con trai Trình quốc Công là Nguyễn hữu Vinh (Hoàng quốc công triều Lê)

Con gái bà Ngọc Huyền, làm chánh hậu triều Lê thánh Tôn.

Ở cung Sung Nghi, sanh mẫu vua Lê biển tôn.

Ông Vinh sanh ra ông Nguyễn hữu Đạc (Tùng dương hầu triều Lê)

Ông Đạc sanh ra ông Dẫn

(*Tr* hoa hầu triều Lê)

Ông Dẫn sanh ra ông Nguyễn

Triều Văn (Triều-văn hầu triều Lê)

Ông Văn sanh ra ông Nguyễn hữu Dật ông Dật giúp

triều Nguyễn có công đánh Trịnh lấy được các tỉnh Nghệ an, Quảng Bình.

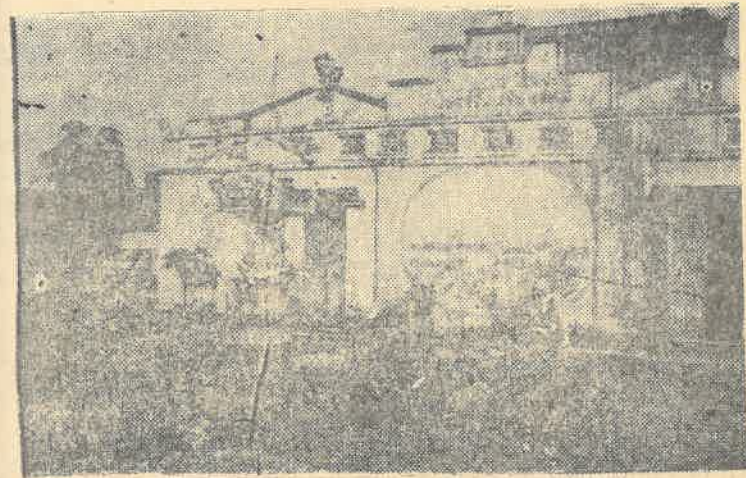
Con tướng ông Dật là Nguyễn hữu Hào (Hào hương Hầu)

giống như ông nội; Nguyễn rTriều Văn trước Triều Văn Hầu và anh là Nguyễn hữu Hiệp chức Đội trưởng Hiệp tài Hầu.

Và đền thờ ở Cù lao phố (Biên hòa) được gọi đền thờ ông Lê (Lê cộng tử).

(3) Việt sử toàn thư của Phạm văn Sơn còn ghi là Nguyễn phúc Kinh (trang 57).

(4) Xem Văn-hóa nguyệt san số 47, trang 1649. bài Nguyễn hữu Cảnh do Nguyễn Tạo dịch trong Đại Nam liệt truyện tiền biên... Nha văn hóa- Bộ giáo dục xuất bản tháng 12/1959.



Dinh quan Chửơng Lê Nguyễn hữu Cảnh Ân thạch trang quận Chợ mới — Long Xuyên.

Con thứ ba là Nguyễn hữu Cảnh. (1)... cứ như trên thì Nguyễn hữu Cảnh là cháu 10 đời của Nguyễn Trãi.

Theo sách «Đại Nam liệt truyện» do Quốc Sử quán ấn hành năm Nhâm tý (1852) thì Nguyễn hữu Cảnh sanh năm Canh Dần (1650) và mất năm Canh Thìn (1700).

(1) Theo bảng thế hệ họ Nguyễn

Hữu trong «Thơ nôm phước môn» trang 26-27 do Nguyễn Thúc sao lục và chú thích. Sách xuất bản 1959.

Về giòng họ Nguyễn Trãi, ông Trúc Khê nói rất rõ trong quyển «Nguyễn Trãi danh nhân truyện ký» Tân Dân Hà nội xuất bản 1941. Và theo ông Trúc Khê thì Nguyễn Thục (sic) là cháu 17 đời của Nguyễn Trãi (Sách kể trên trang 163).— Không biết Thúc hay Thục đúng !

Người làng Gia-miêu, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh hóa (Trung phần). giọng họ đều là người trung vũ dũng. Ông nội là Nguyễn Triều Văn làm quan Tham tướng Chương Cơ đội Lê. Cha là Nguyễn hữu Dật (một trong ba danh thần của chúa Nguyễn) học rộng tài cao, có tài hùng biện, đánh giặc giỏi được phong tước chiêu vũ hầu.

Anh là Nguyễn hữu Hòa, năm 16 tuổi từng theo cha đánh giặc, khi lớn lên từng là Thượng tướng Chương quân binh cơ. Vào năm Giáp thân (1704) được chúa Nguyễn cử ra trấn thủ Quảng Bình. Ông Hòa có làm ra một chuyện nôm bằng thơ văn lục bát, nhan đề là «Song tinh bắt dạ» mà mấy mươi năm trước đây cổ thi sĩ Đông hồ có đem ra thảo luận đăng ở tập san khai trí Tiền đức, và hiện nay đã cho in thành sách 1962.

Riêng về Nguyễn hữu Cảnh văn nghiệp chưa được ai tìm ra hay nói đến, chờ về võ công thì rất là hiển hách.

Vì nước da đen và có sức mạnh hơn người nên đời gọi là ông Hắc hổ. Là con nhà tướng, Nguyễn hữu Cảnh sớm học đòi cung kiếm, vẫn thường theo cha là chiêu vũ hầu Nguyễn hữu Dật đánh dẹp họ Trịnh ở Nghệ an, Quảng Bình và từng lập được chiến công nên được ban chức Cai cơ.

Đẹp chiêm thành

Năm Nhâm Thân 1692 (1) đời chúa Hiền Tông Nguyễn phúc Chu (còn có hiệu: Hiền tông Hiếu-minh Hoàng đế) vì vua Chiêm thành là Bà Tranh làm phản kéo sang cướp bóc dân lành ở phủ Diên Vinh (sau này gọi là Diên Khánh).

(1) Ông Nguyễn hiền Phong trong «Điều cỗ hạ kim thi tập» ghi 1691 (trang ?)

Viết sử toàn thư của Phạm văn Sơn ghi 1693 (trang 517).

Nhưng trong liệt truyện lại ghi 1692. (xem văn-hóa nguyệt san số 47 trang 1650—1651).

Bấy giờ, Nguyễn hữu Cảnh được phong chức *Thống-binh* cùng với tham-muru Nguyễn đình Quang tiến quân dẹp. Với tài thao lược, với sự chỉ huy khôn khéo của Hắc hổ tướng quân, đã bắt được Bà Tranh và bọn thân tử là Tả trà Viên kế bà Tử cùng thân thuộc vua Chiêm là Bà Ân đem về giam tại núi Ngọc Trấn và đổi nước Chiêm thành làm trấn Thuận-thành thuộc đất nước ta. Ngoài ra, chúa Nguyễn còn cho Cai cơ Nguyễn trí Thắng giữ phố. Hải, Cai cơ Nguyễn tân Lễ giữ Phan Lý, Cai đội Chu kiên Thắng giữ Phan Lang để đề phòng dư đảng vua Chiêm ở Thuận Thành.

Tháng chạp năm "v. dân Chiêm được một người Tàu tên là Bang (1) cầm đầu, dẫn kết cùng bọn Hữu trà Viên, Ốc nha Thát (2) ở Thuận Thành làm loạn. Nguyễn hữu Cảnh một lần nữa được phái đi đánh dẹp. Nhờ công trận này ông được thăng chức *Chương cơ* và được làm Trấn thủ Bình-Khương dinh (tức Khánh Hòa bây giờ).

Thế là đất nước Chiêm-thành

bị xóa mờ trên bản đồ thế giới từ đây.

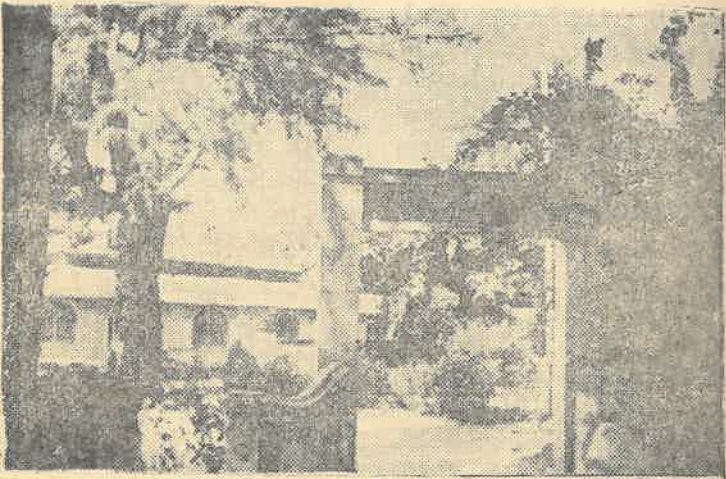
Sắp đặt Cao Môn.

Đẹp yên Chiêm-thành, chúa Nguyễn mới nghĩ ngay đến việc mở rộng đất đai về phương Nam phải là về phía Chân-Lạp.

Nguyên nước Chân-Lạp có lắm sông nhiều đồi, ruộng đất phì nhiêu. Còn nước ta thường hay mất mùa, dân tình đói kém, lại thêm trước đó vì chiến tranh Trịnh Nguyễn nên nhiều người

(1) Nhiều sách ghi là *A Bang* như vậy e không được rõ. Vì chữ *A* không phải là họ mà là tểng để gọi một người nào đó theo người Trung-hoa như *A Hén* (thằng Hưng) *A Lin* (con Liên)... chữ *A* tương đương với tiếng: thẳng, con, anh, chị... của Việt ngữ.

(2) Ốc nha do tiếng Miên OKNHA, một chức vụ cao cấp như Tỉnh trưởng (Sơn Nam — Tìm hiểu đất Hậu giang — Phù Sa Saigon xuất bản 1959 trang 35).



Dinh Ông thờ Nguyễn Hữu Cảnh ở Kiến An quận Chợ mới — Long Xuyên

bỏ xứ chạy vào Mô xoài (Bà Rịa).
Đông Nai (Biên-hóa) khai khẩn
làm ăn.

Năm 1658 vua nước Chân-lạp
mất. Chú cháu tranh ngôi, song
cầu cứu bên chúa Nguyễn. Chúa
Hiền sai quan đem 3000 quân
sang đánh bắt được vua nước ấy
là Nặc ông Chân đem về giam ở
Quảng Bình một độ rồi tha cho
về nước cũ bắt triều cống về phải
đình vực người Việt Nam sang

làm ăn ở bên ấy!

Năm 1674 nhân Nặc ông Đài
cầu viện quân Xiêm để đánh Nặc
ông-Nộn. Ông-Nộn chạy sang
cầu cứu ở ta. Chúa Hiền cho
tướng đem binh đánh, phân định
ngôi thứ và bắt họ phải hằng năm
triều cống.

Năm 1697 nhóm người Tàu
không đầu phục nhà Thanh do
Dương ngạo Địch và Trần thượng

Xuyên kéo sang nước ta xin làm
dân Việt. Chúa Hiền cho họ vào
đất Đông-Phổ khai khẩn làm ăn.

Năm 1698 nhóm người Tàu ở
Mỹ Tho tự gây rối và đánh nhau
với người Chân-lạp. Nhân đó,
quân Chân-lạp không còn đầu
phục chúa Nguyễn nữa. Chúa
Hiền phải sai quan đánh dẹp mới
yên và bắt Chân-Lạp hằng năm
phải triều cống như cũ.

Mùa xuân năm Mậu dần 1698,
đời chúa Nguyễn phúc Chu.
Nguyễn Hữu Cảnh được cử làm
thống suất kinh lược xứ Chân-lạp.
Tại nơi, ông chia đất Đông-phổ
(giống gọi chung đây đất sông
Saigon ngày nay) lấy xứ Đồng
nai làm huyện Phước long dựng
Trần-biên dinh (tức Biên-hòa ngày
nay), xứ Saigon làm huyện Tân-
binh, dựng Phiên-trấn dinh (tức
nay Gia định). Mỗi dinh đều đặt
Lưu thủ, Cai bộ, Ký lục và Cơ
đội thuyền, có thủy binh, tinh-
binh, mở đất thêm nghìn dặm,
được dân số hơn 4 vạn; bèn chiêu
mộ lưu dân từ Bắc-chính (nay Hà
tĩnh) trở vào Nam đến ở cho
động, thiết-lập xã thôn phường

ấp, chia biệt giới hạn, khai khẩn
điền thổ, định-lệ sưu-thuế, tước bộ
tịch điền; và những người Tàu
buôn bán ở Trần-biên lập thành
Thanh-hà xã. Ở Phiên-trấn lập
làm Minh-hương xã. Từ đây
khách trú người Tàu đều biên vào
hộ tịch vậy (1)

Đâu đây xong xuôi, Nguyễn Hữu
Cảnh trở về giữ chức Trấn thủ
tại Bình khương dinh như cũ.

Mùa Thu năm Kỷ Sửu
(1699) vua Chân-lạp là Nặc ông
cướp bóc dân-buôn. Trần thượng
Xuyên bèn tâu mọi việc về triều
đình.

Mùa Đông tháng 10 năm
Ấy i Nguyễn Hữu Cảnh được
cử làm Thống suất lãnh quân
binh hai dinh Bình khương và
Trần-biên và 7 thuyền thuộc
binh tỉnh Quảng Nam hợp với
các tướng sĩ Long môn gồm những
bộ đội người Tàu đã theo Dương

(1) Theo Trần kinh Hòa, Đại
học tạp chí số 24, trang 54. Viện
Đại Học Huế xuất bản tháng 12
1961.

ngạn Dịch ở Mỹ Tho Trần thượng
Xuyên ở Trấn-biên kéo lên đánh
đẹp.

Mùa Xuân tháng 2 năm sau
(năm Canh Thìn 1700) Nguyễn
hữu Cảnh đem binh các đạo vào
Cao-miên bày trận thế ở Ngự
khế (có lẽ ngày nay là Cái-hố ?)

— địa danh ở quân chơ mới —
An giang), cho quên lính già
dạng thường dân dò xem hư thực
rồi phân binh tiến thối.

Nhờ tài dùng binh chớp choáng
chẳng bao lâu ài địa đầu của địch
là chiến-lũy Bích đôi bị phá vỡ.
(Còn 1 kỳ nữa)



● Oscar

Có những danh-từ mới xuất-xứ thật vu vơ, mà lại được
thông dụng khắp thế giới. Như chữ «Oscar», tượng vàng
giải thưởng Điện-ảnh mà hiện nay đâu cũng dùng mà ít
ai biết rõ nguồn gốc.

Hồi năm 1931, bà Margaret Herrich trong ban chấp
hành Hàn Lâm Viện Điện ảnh Mỹ một hôm nhận thấy pho
tượng vàng để là giải thưởng Điện ảnh giống hệt hình ông
cậu của bà, tên là Oscar. Thế là Viện Hàn Lâm lấy luôn
tên đó làm tên tượng vàng giải thưởng Điện ảnh !



Lời của tình yêu

Tại sao người lại lựa chọn
Tại sao người lại ngập ngừng
Hãy yêu nhau như buổi sớm bình minh
Hãy yêu nhau như chiều hôm nắng tắt
Như những buổi vào thu đầy lá chết
Vời hương vị ngọt ngào của tiếc thương
Hãy yêu nhau, yêu nhau thật tình cờ
Đừng phân tích đo lường sự kết thúc
Hãy yêu nhau cho nhau thật nhiều
Bởi cuộc tình duyên nào rồi cũng thế
Yêu nhau là cho nhau niềm nhưng nhớ
Còn gì bằng được nhưng nhớ người yêu

TRẦN-CHUÂN



PHONG-HOÀ miền **TRUNG**

HÁT

BỘI

BÌNH-ĐÌNH

Ở Bình-Đình xưa kia có nhiều thú tiêu-khiển, về hát xướng như hát Hồ, hát Huế-Tĩnh, hát Bài Chòi... Hát Hồ, Huế Tĩnh hay Bài chòi ở các tỉnh khác cũng có, chỉ đặt biệt có

loại hát đã đi vào lịch sử sân khấu. Đó là loại hát Bội còn gọi là hát Bộ xuất phát đầu tiên tại đất Bình-Đình do cụ Đào-Duy-Từ sửa đổi lối hát Chèo Cổ ngoài Bắc-Việt hợp với hát của người Chiêm-Thành xưa kia (?)

Ban đầu không được phong phú cho lắm, về văn chương, cách phục-sức của diễn viên cũng như nghệ thuật trình diễn, nhưng đến đời Tự-Đức thì do một người cùng họ Đào biến cải thêm để đi đến hoàn mỹ chiếm một địa vị nơi kịch trường. Đó là cụ Đào-Tấn mà Hoàng Trúc Ly đã nói đến ở các số trước (240 và 241).

Ngày xưa hát Bội không hát ở hí trường như thời bây giờ vì nhà quê lúc đó làm gì có hí trường. Sân khấu trình diễn được làm bằng ván phản gỗ kê cao, ánh sáng là đèn dầu dĩa thấp nhiều tjem hay đèn dầu hơi, không phải như thời nay bằng đèn điện muôn màu xanh đỏ. Những cuộc hát thường được tổ chức ở các nơi Đình, Miếu nhân những ngày cúng tế hoặc trong ngày thanh minh hoặc vào những vụ mùa được lúa, nông dân trọng làng đấu tiền nhau lại tổ chức vài đêm hát để gọi là ăn mừng «Lộc trời ban». Tự gia ít hát, chỉ những người phú hộ lâu lâu mới tổ chức đến hát một hai đêm cho người trong làng xem giải khuây.

Hát cũng phải đề, phải cho đúng nhịp, đúng cách, đúng điệu kể cả giọng hát và điệu bộ của diễn viên để khán giả xem thấy hát trầm trở khoe ngợi thì người hát mới «hăng».

Đoàn hát nào và tuồng hát nào cũng vậy đều có một cái lệ là cuối màn hát phải có một màn «Tôn vương», nếu hát ở nơi Triều Đình thì chúc cho Triều đình «an bình thịnh trị» nếu hát ở làng thì chúc cho dân làng «an lạc âu ca», cho tư gia thì chúc cho gia đình «an khang hạnh phúc».

Cái thú nhất là hát bằng lối thường tiền khác với lối hát trả tiền từng đêm hay từng tuồng. người đi xem thường hay nghe nói bạn hát mà hát bằng lối thường tiền thì ai cũng thích đi xem, người xem đông hơn là hát trả tiền vì hát thường diễn viên mới đem hết tài nghệ mà diễn tả và lối hát thường tiền thường hay có xảy ra những vụ «đánh lộn» giữa người cầm chầu và bạn hát hoặc là người cầm chầu với giới thường tiền nên cái lý do chính để thu hút nhiều khán giả là vậy.

Lối hát thường này phải trọng tài. trọng tài là người cầm chầu, hay là trọng tài thì phải công bằng không được « công xi » với bạn hát hoặc là « công xi » với người thường tiền. Vật thường thường bằng thẻ làm bằng tre, mỗi chầu là một thẻ cứ tính số thẻ mà trả tiền. ở đây không có phạt mà chỉ có chê, hát dở thì đánh dùi trống vào thanh trống kêu « cốc cốc » Ông Nội tôi kể — Có ông được cử để cầm chầu vì người cầm chầu phải là người có tiếng tăm và rành điệu, hôm đó hát tuồng Lưu-Binh Dương-Lễ, lối hát đượ tình của cô đào My-Liên trông đoạn tống biệt làm ông khoái nhĩ nên thưởng một tràng dài « Chầu chầu, chầu, chầu, chầu... », ông ấm Sinh hôm đó là người thường tiền thấy thưởng tiền nhiều quá nên đỏ mặt sanh nóng ông ta lại giựt dùi trống toan đánh ông Nội tôi nhưng nhờ có lý Trường can ngăn kịp thời nên mọi chuyện đều êm.

Cũng có cái lạ là người cầm chầu bao giờ cũng bị mích lòng không ở bạn hát thì cũng ở người

thường tiền, ấy thế mà ai cũng thích được cầm chầu.

Hát Bội tuy vậy mà nhiều người mê lạ lùng, mê ở lối diễn xuất ủa đào kép, có nhiều người mê đến độ bỏ cả công ăn việc làm mà đi xem cho trọn tuồng dầu xa mấy cũng rón đi, có nhiều bà đã có chồng con rồi mà nghe anh kép Bầu Đông đóng vai Phụng Đình là làm thế nào cũng phải đi cho bằng được :

«Bầu Đông đóng Lý Phụng Đình,

Dù chồng có cấm thời mình cũng đi»

Mấy anh trai tráng trong làng cũng mong có những đêm hát Bội để dẫn người tình đi xem :

Chừng nào hát bội về làng,

Ruộng nương tác đủ dẫn nàng đi coi.»

Có người mê đậm mê luôn cả

kép hay cả đào :

«Cô đào Phụng Hiệp xinh xinh,

Mời hát ba ba bốn bữa làm mình si mê :»

Ngày xưa gian hùng Nguyễn Thân chém đầu đứa con gái của mình cũng vì con gái mình mê anh chàng kép hát. Mê thì mê vậy mà bậc làm cha làm mẹ lại phiền :

«Trồng trầu thả lợn dấy liêu,

Con theo hát Bội mẹ liêu con hư»

Lúc nhỏ kẻ viết cũng rất thích đi xem hát Bội như bây giờ nhiều cậu trai 15, 16 tuổi thích đi xem ci-nê cao bồi vậy. Muốn được cha mẹ cho đi xem thì chiều hôm đó phải lo học bài cho thuộc, cả mấy chị em lo nấu cơm ăn cho sớm để kịp giờ hát thường bắt đầu hát vào lúc mặt trời lặn và hát đến gà gáy canh ba mới vãn.

Sau này, dưới thời ông Ngô-

Đình-Diệm không khí tự-do được mở trói, nên ca kịch được khuyến khích, song song với những đoàn cải lương trong Nam hát Bội Bình-Định cũng được thành lập nhiều đoàn như đoàn Ý-Hiệp Miền Trung, Hòa-Bình, Hiệp-Thành... Có đoàn lại pha thêm cải lương nên lấy tên là «Đoàn hát Bộ cải cách». Nghệ thuật có phần sửa đổi nhiều như lối phi thân, bắt ngựa trình diễn thật ngoạn mục hấp dẫn, nhưng về sau sân khấu hát Bội bị giám sát vì khán giả không còn đông, người ta thường «mới trọng cũ vong» và vì vấn đề an ninh nên những đoàn hát Bội đã phải tự động giải tán.

Hát Bội có thể nói một môn hát rất Dân tộc, tồn tại cho đến ngày nay. Nhưng ở đời không gì gọi là vĩnh viễn với trào lưu tiến bộ của nền Tân nhạc thời đại giới trẻ ham mê những cái mới, Hát Bộ đang đi dần đến độ e rằng sẽ trở thành dĩ vãng, tiếng hát của quê hương tôi sẽ chỉ còn là dư âm ngày cũ.

NGUYỄN-TẤN-LỘC

KBC : 4744

TÙY BÚT

BÁT HẠNH

● THÙY AN

TÔI là đứa con gái trời bắt xấu. Ý tưởng chán chường cuộc sống bắt đầu từ ngày tôi vừa biết điềm trang. Tôi muốn đập vỡ những tấm kiếng ngạo nghễ treo trong nhà, trên đường phố và tất cả những gì có thể phản chiếu được niềm bất hạnh đan hăng sâu lên gương mặt ghê tởm của tôi, lên dáng dấp tôi, và gậm nhấm cả tâm hồn.

Tôi mang mặc cảm thua kém bạn bè từ dạo mới cấp sách đến trường. Những đôi

mắt nai tơ tròn mở nhìn tôi như xoài bói, nên buổi tựu trường đầu tiên trong đời, tôi đã đứng cô đơn dưới gốc một cây soan già và khóc nức nở. Không có đứa nhỏ nào muốn kết bạn với tôi, muốn và chia sẻ cùng tôi niềm vui tuổi dại. Lúc ban đầu, cô giáo nhìn tôi bằng đôi mắt thương hại, nhưng dần dần, cô cũng đâm ra ghét tôi, mặc dù tôi học khá chăm, bởi tôi vụng về, bởi tôi xấu xí và chính cái vô phước đó đã làm mất niềm thương hại trong cô. Tôi lớn lên trong nguồn yêu thương dạt dào của mẹ. Dã mất từ dạo tôi chưa mở mắt chào đời. Mẹ đã hy sinh những chuỗi ngày hoa mộng tuổi trẻ cho đứa con gái duy nhất bơ vơ. Sự săn sóc ân cần, lời triu mến khuyên lơn vỗ về đã an ủi tôi rất nhiều những lần tủi nghẹn. Mẹ ới! Tại sao chả ai thêm chơi với con, có phải tại vì con xấu xí không? Không đâu Hà, con của mẹ đẹp như tiên. Đừng bận tâm đến những lời bàn tán xàm xỉ của tụi nó.

Có mẹ, có mẹ thấy con kiểu diêm như một thiên thần, con đem lại cho mẹ nguồn vui thú, con đã xoá nhoà bao nỗi cô đơn trong mẹ từ ngày ba con mất đi. Gắng học đi con, nghe lời mẹ, đừng buồn. Mỗi lần tan học, tôi chạy vội thật nhanh về nhà, để sả vào lòng mẹ nũng nịu đòi quà, để được mẹ hôn lên trán và khen đẹp như tiên, Lễ sống của tôi là mẹ trong suốt quãng đời thơ ấu, tôi tin mẹ, tôi nghĩ rằng tôi không xấu như mọi người đã bảo. Mặc cảm trong tôi dần được xoá mờ theo ngày tháng lướt nhẹ trên vai. Tôi nhớn rồi, tuổi dậy thì len lén đi vào hồn tôi như ve, vuốt êm dềm. Tôi buồn vu vơ mỗi chiều mây giăng xuống thấp, tôi băng khuâng rơi nước mắt khi nhìn những cánh phượng úa tàn lán lóc trên đường về học. Và tôi làm thơ, những văng thơ vụng về ghi vào lòng nhật ký từng đêm dài không dễ tròn giấc cô miên.

Nhưng bỗng dưng, sự đau khổ tột cùng chợt văng vạc

tâm tư, bắt nguồn từ khi tình đầu chóng nụ, từ một hình bóng hiện đến trong đời và chi phối hoàn toàn cuộc sống tình cảm của tôi. Bởi tôi vừa nhận thức được một sự thật phũ phàng: tôi là một đứa con gái trời bắt xấu. Đám mây đen vô cùng ghê rợn chum xuống đời tôi, vây quanh và dim hắt tôi vào vực thăm tận cùng tuyệt vọng. Mẹ đã đối tôi, mẹ vì thương đứa con gái bé bỏng bất hạnh nên đã đối lòng mà khen con mình kiểu diêm như tiên. Thật mỉa mai chua chát cho tôi bao nhiêu khi lần đầu tiên làm dáng, chiếc gương thân nhiên phản chiếu một gương mặt kính hoàng, đôi mắt lồi quá khổ, chiếc mũi huếch và một làn da sần sùi ghê rợn. Tôi tủi hờn vút mạnh tấm gương xuống nền gạch hoa vỡ loảng xoảng, những mảnh nhọn bắn tung như ghim sâu vào tim tôi ngàn vết thương rướm máu muốn đời. Tôi đã yêu, đã say đắm yêu Tùng trong lần đầu tiên gặp gỡ tại nhà Thoa, người

bạn gái duy nhất mà thương tôi thành thật. Tùng, anh họ của Thoa, nhìn tôi với tia mắt thật hiền và nói chuyện với tôi bằng những lời dịu ngọt. Khác hẳn những đứa con trai quen biết, mỗi lần thấy tôi, bắt đầu dĩ lắm họ mới hỏi tôi vài câu lấy lệ rồi bỏ đi ngay như muốn trốn lánh một hình ảnh xấu xa. Ở Tùng, tôi tìm thấy một nguồn an ủi vô biên, một ấm cúng tuyệt vời phủ kín tâm tư. Phải chăng vì vậy mà tôi yêu Tùng thật vội và không suy tính. Ai cảm được người con gái xấu xí yêu một đối tượng khác phái? Tôi đang cần một vỗ về chân thật, một nguồn sưởi mát lan khắp bãi sa mạc điêu tàn trong tôi. Từng đêm dài không ngủ, tôi chép nhật ký và làm thơ, không gian chung quanh tôi đầy ám ảnh tượng Tùng, Tùng như một bóng mát, một làn hương mới thay đổi tất cả nếp sống chán chường của tôi. Tôi vui và yêu đời như mọi họa mi bé nhỏ, buổi sớm mai hát những điệu tình ca tuyệt

vời và từng chiều ngắm mây trôi trên khung trời trong vắt, Những bài thơ tôi làm cho Tùng được chép trang trọng lên từng tờ giấy mỏng màu xanh, màu của mộng mơ, của hy vọng. Tôi mơ đến một ngày nào đó, có chim ca, có bướm vàng nhõn nhơ bay lượn trên mấy khóm anh đào, Tùng cầm tay tôi và ngổ lời thương yêu ngọt ngào hoa mỹ. Tùng chưa nói gì với tôi cả, anh có đến nhà tôi cùng với Thoa, nhưng trong câu chuyện, không một lời nào vượt khỏi tình bạn, Tùng vẫn xem tôi như một đứa em gái. Nhưng tôi vẫn hy vọng, niềm hy vọng mong manh như sợi sương trong nắng, tôi pha-lê-hoá tình cảm Tùng dành cho tôi, một chút ân huệ vô cùng quý giá rót xuống hồn tôi bởi ngoài Tùng ra, không một đứa con trai nào muốn làm quen với tôi kể cả những người học cùng lớp. Họ xem tôi như không có trước những đứa con gái chung học. Tôi là cái bóng mờ một dáng lạc đà cô đơn trên

sa mạc hoang vu. Tôi réo gọi, tôi khẩn cầu, nhưng lời van xin tan biến vào không gian trống vắng, tôi gần là người trên nền cát bỏng khô khan thì may thay, cơn mưa mền triu rơi xuống, từng giọt, từng giọt, xoa dịu nỗi buồn đau trong tôi. Tùng, anh là giòng nước ngọt hiền đó, đừng bỏ em bơ vơ khốn khổ giữa đường lấm nhoe chua cay. Tôi quên đi những tủi hờn khổ não từ trước đến nay, những kỷ niệm xót xa của một đứa con gái không nhan sắc thường xuyên gánh chịu. Tôi quay về với gương, với lược, với cánh hoa hồng cài duyên lên mái tóc. Mặc cho chúng bạn chế cười mai mỉa, mặc những đôi mắt chế riễu của lũ con trai láng giềng đáng ghét, tôi thản nhiên chưng diện vui đùa với lứa tuổi đẹp nhất của đời thiếu nữ, với hình ảnh Tùng rực rỡ như vòm cầu ngũ sắc sau cơn mưa trời hừng sáng hào quang.

Nhưng tôi đã làm. Trên

đường tình gai góc, một vực sâu chần lỏi và tám gỗ mong manh bắc ngang không đủ sức mang tôi sang bên bờ yên vui với nguồn hạnh phúc chan hòa quá xa tầm tay với. Tôi còn nhớ rất rõ buổi chiều đau thương nhất trong đời, tôi chết lặng giữa biển người hân hoan dạo phố chiều thứ bảy. Giòng lệ nhòa mi, tôi cắn chặt răng vào đôi môi đến rướm máu để khỏi bật lên tiếng khóc nghẹn ngào. Tùng của tôi đang đi cùng một người con gái xinh đẹp, đôi bàn tay đan tay, cười cười nói nói. Tôi quay mặt thật nhanh nhưng không tránh được mắt Tùng bắt gặp.

— Kia Hà, đi đâu mà hấp tấp đến nỗi lơ anh đi thế?

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

Tôi vờ như chợt thấy Tùng:

— O' anh Tùng, xin lỗi anh. Hà bạn nghĩ đâu đâu nên không trông thấy anh.

— Nè, anh xin giới thiệu, đây là Ngọc Minh, người yêu và cũng sắp là Fiancée của anh. Còn đây là Hà, bạn thân của Thoa, ngoan và hiền lắm đấy nha Minh.

Tôi không còn nghe thấy gì nữa, tai tôi ù lên và trước mặt mọi vật đều quay cuồng. Tôi lấp bấp vài lời từ giả Tùng và băng ngang qua lộ. Một chiếc xe màu đen chạy trở tới, những tiếng hét kinh hoàng và tôi thấy bừng lên trong đầu hàng vạn tia sao loé sáng, xoáy mạnh vào óc tê dại, tôi ngất đi trong tận cùng niềm đau đớn dâng khơi.

Tôi tỉnh dậy giữa bốn bức tường bệnh viện trắng toát lạnh lùng, gương mặt mẹ hiền lo lắng làm dịu phần nào nỗi khổ tâm vò xé. Bàn tay đầm ấm sờ lên trán tôi ân cần:

— Hà, con thấy trong người thế nào? Con mê sáng suốt cả đêm hôm qua làm mẹ lo hết sức.

Tôi bàng hoàng nắm chặt tay mẹ:

— Con đỡ nhiều lắm mẹ, đừng lo cho con, mai mốt, con lại khoẻ như cũ chứ gì.

— Con ăn cam mẹ bỏ nhé.

— Thôi mẹ, con muốn nằm yên một tí.

Mẹ kéo tấm drap đắp lên ngực tôi và nhẹ nhàng đứng dậy, Tiếng guốc khua xa dần bỏ lại tôi chơi vui chim đắm vào khoảng buồn dài hun hút cô đơn. Tôi như vừa bừng tỉnh sau một giấc mộng tuyệt vời hoa bướm. Thực hữu phơi bày trước mặt, tôi, con Hà vẫn là một đứa con gái không nhan sắc, thêm khát tình yêu nhưng không một ai đoái hoài tưởng đến. Kề cả Tùng, người con trai có gương mặt cương nghị hiền hoà, tia mắt nhìn xoáy động buồng tim, cũng chỉ

thêm ban bố cho tôi chút tình thương hại. Tôi không cần, em không cần Tùng ơi! Thà anh cứ vô tâm khốn nạn như tất cả những người con trai khác, có lẽ em sẽ đỡ khổ hơn. Anh đưa em lên tuyệt đỉnh mơ hoa rồi buông tay cho em rơi vào vũng buồn khổ nào. Sao anh tàn ác thế Tùng? Anh không tội nghiệp cho em sao? Tôi ép mắt xuống gối khóc nức nở, thăm gọi tên Tùng trong đau đớn vô biên. Chỉ còn mẹ, mẹ ơi! Chỉ còn một mình mẹ thương con, chỉ một mình mẹ thấy con của mẹ ngàn đời vẫn đẹp như tiên. Con sẽ trở về bên mẹ, săn sóc chăm chỉ học hành để đem lại cho mẹ niềm vui. Khoảng thời gian sau này, con hoàn toàn xa cách mẹ, lãng quên việc học và lao mình vào đam mê lãng mạn như một cánh thiếu thân mù quáng trước ngọn đèn rực rỡ hào quang. Thôi già từ những mơ mộng hảo huyền của đứa con gái xấu xa cuộc đời ghét bỏ. Thôi già từ lược giắt trâm

cài, thơ hồng vớ vẩn cùng hình ảnh Tùng chập chờn vào dĩ vãng lung linh.

Có tiếng cửa mở nhẹ, bóng mẹ dịu dàng đi vào dưới ánh nắng ban mai lùa qua khung cửa. Mẹ ngồi xuống bên con, hơi thở mẹ đầm ấm hiền lành. Con nghe lời mẹ vang vang từ một miền xa xôi êm ái, lãng lãng như làn gió thoảng cuốn nhẹ đám mây xanh lơ tràn khắp vùng sa mạc khô cằn. Tôi đã mở mắt, tôi đành chấp nhận một thực tại nào nùng. Bởi tôi chỉ có thể tìm thấy yên bình dưới bóng mát tình thương của mẹ. Hãy mở rộng vòng tay ôm kín con vào lòng, mẹ ơi!

THÙY-AN

(nhìn thợ Số 13 V113)

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bảo chế theo

công thức Hòa.Lan

Tiếng nói của thể hệ

Qua vùng tâm tư

Tôi lăm-lũi cúi đầu bước đi trên con đường sỏi đá. Buổi chiều thật nhạt, nắng le-lói buồn. Khu vườn trĩu xuống trầm-lặng. Tôi nghe không mấy vui trong mình đến muốn bặt thành tiếng than-vãn cho hả bớt những ngọt-ngạt tức-trởi đáng phàn-nàn này. Con đường rất vắng, không một bóng người qua lại. Riêng tôi âm-thầm lê những bước chân cô-độc chiều hôm nay để hoài-niệm đến những gầy-đồ, rách-



nát đi qua trong tôi. Thỉnh-thoảng một vài chiếc lá rơi mệt-mỏi, rồi nằm êm-ả bất-động trên mặt đường.

Với những ngày đi qua. Tôi vẫn chưa làm được việc gì. Vẫn sống dang-dở bán-khoản cho thân-phận thương đau, tình-yêu bội-bạc, cuộc đời thăng-trầm và cả quê-hương tôi-bời lửa máu. . . Triền tư-tưởng dang cao như vùng khói toả rộng. mập-mờ, chập-chờn. Nhưng vẫn còn mãi với hình

ảnh trong hư không; với những ý-thức hằn-thù đôn đầu trong một tâm hồn với một cơn tim rướm máu. Cố dẫy dụa trong vòng vây đang từ từ xiết chặt; cái từ từ hình như không có, như đang ngự trong vùng tối tuyệt-đối. cuộc sống đối với tâm hồn hiện tại như một quái vật hung-hăng, đang giờ nhanh múa vuốt. Khiến tôi phải sợ, phải kinh-tởm. Nghĩ đến sự e-vu-cánh và sức tàn-phá của thời-gian, lại càng thêm suy-tư một cách lổ-bịch, man-trá. Càng tiến thêm một bước nữa, như cố tìm lối đường thoát khỏi bản-thể để về lại vườn địa đàng của vùng siêu-thoát, để cố thoát khỏi cái chiến-tranh của bản-ngã ? !

Tôi vẫn nuôi tôi bằng những chiều đi hoang như chiều hôm nay. những ly café không đường, những điều thuốc cháy qua tay. . . Tôi vẫn an-ủi tôi tuổi đời nhỏ bé, bằng tình-yêu lý-tưởng đẹp-đẽ, cao-thượng. Tôi vẫn vồ-về tôi bằng sự dim mình trong những trần-trọc thâu đêm. Cho đến kh nhìn lại

tôi bằng thức giấc thấy toàn những mệt-mỏi ê-chề, những chán-chường dâng lên đến tận cổ họng. Lúc đó, ngay trong phút giây đó. Hiện tại chỉ thấy toàn phi-lý về cuộc đời, về sự hiện-hữu cô-đơn của con người tôi. Bấp-bênh trên cuộc đời trôi-nổi lan-bạc này quá ! . . .

Buồn ray-rút nghe dòng thời gian ngừng chảy. Di-vãng đã hiện về. Cơn bệnh-hoạn kéo đến dày vò thể xác. Nửa mảnh linh-hồn lạc-lỡng chơi-vơi niu cửa thiên-đàng. Nhưng hình như nó trượt cả hai chân, trật cả hai tay. Thương-đế không trông xuống ban phép lành cứu-rỗi. Mà quỳ địa-ngục lại găm-gù hăm-he giáo mát trần gian. — Tàn ác — Ích kỷ...

Trở về với nỗi buồn tẻ-dại. Quay lại với niềm đau của hồn-nhiên máu đỏ. Lại thêm thường một thế-giới khác ?? Nào nữa và ở đâu ? : Người yêu đã đi, người yêu xa dần vậy tay chào vĩnh-biệt ! —

không có gì là tuyệt-đối, thế giới ở đây — Có phải nó ở ngay trong thân-thể máu me xương thịt của ta ? !

Tôi làm gì bây giờ đây. Tình yêu rồi sẽ ra sao ? Cuộc đời rồi sẽ tiếp-diễn thế nào ? .

Tôi đang cảm-lặng di-chuyển những bước chân trên con đường trong cái tịch-nhiên thanh-vắng bốn bề, . Trên con đường tôi đi đó, từ đằng xa một bóng người con gái đang tiến lại gần, đầu cúi xuống như trốn tránh, lo sợ. . . Tôi cố nhìn thật kỹ, thật lâu, kỹ hơn nữa, . . . À, Liễu ! Người con gái đã hơn một lần tôi thương. Tôi mấp má gọi tên. Nhưng bỗng tôi dừng lại, im-lặng và không nói gì hết — Liễu ơi ! Liễu đã đi qua tôi, xa tôi rồi sao ? ! . . .

Tiếng nấc nghẹn ngào lùa lên cổ họng. Tôi không còn nghe thấy gì nữa. Trước mặt tôi cảnh vật mờ đi hết thấy. Tôi không còn biết gì ngoài tiếng kêu thật nhỏ vọng lên từ đáy-sâu tâm-hồn, phát ra từ

cửa-ngỏ-con-tim tôi :

— Liễu !

Tôi vội-vàng kiểm-điểm lại những ngày dài quá-khứ. Tôi thấy cuộc đời trống rỗng, trở nên lạnh-lẽo, và vô cùng thống khổ. Muốn diệt hiện tại ngay, mà chỉ mong sống với những tưởng-tượng ngày mai, Nhìn cái gì « cũng mất cả cảm tình » sụp đổ, cay-nghiệt, độc-ác ! .. Hình như những gì đã đi qua tôi, đều không còn nhớ rõ gì gì nữa cả. Và chẳng, những hình ảnh trên con đường gồ-gề nằm giữa cánh đồng lúa xanh, và dãy núi đá lờm-chờm. Tiếng chim chóc đơn độc trong một khoảng không vắng-về tựa như những mũi nhọn cắm vào da thịt. Tôi có cảm tưởng như đang tiến sâu vào một cảnh hoang-tàn đồ vớ, không một bóng người qua lại. Tôi sờn cả gai ốc. . .

Tôi ngờ-ngác đứng nhìn đi hiu chiều hôm nay mà ngỡ rằng đang nghe khúc tình ca hôm nào vọng lại đâu đây đặt

đâu ma quái. Nhưng không, đó là tiếng vọng lại từ tim óc tôi đang chạy về với tôi, chạy về trong tôi. Hôm nay u buồn đang ngự trị trong tôi, tôi cảm thấy cô-đơn một cách lạ lùng. Nỗi buồn lên cao nỗi buồn xoáy vào hồn. — Từng đợt sóng tu-tướng khó phân-biệt, cứ mãi đi qua trong đầu óc tôi; không còn âm thanh nào ngoài bài ca cô-đơn. Từng quá-khứ chảy về trong đầu óc tôi. Tất cả đều trở về trong tôi, tạo thành tiếng ca tiếng cười dòn tan để vờ-về tôi, an ủi tôi... Vỡ thật mạnh rồi dịu xuống, bất động ! ...

Thoáng mây bay ngày xưa niềm vui tái-tạo lần vào tim đến. Dấu tích tình-yêu của linh-hồn bỏ ngõ. Tất cả dư ảnh dư âm... ấy, lặn về khu vực động trong tim thức như tiếng dội giữa đêm thanh-vắng. Cái thanh-âm kéo dài... kéo dài... bất tận. Cùng một lúc mà bao hình ảnh hiện lên một cách rõ rệt xâm chiếm hồn tôi : xô tôi vào tối tăm cùng của đồ vớ của thương đau ! Tôi phải nhắm

mắt để nhận lãnh mà không lên tiếng, không khản cự, không vùng vẫy...

Tôi suy-tư, về cuộc sống : — «Tất cả như con Ốc bám chặt và xoáy tròn» !



Với cái tuổi sanh ra trong tối nhục, lớn lên trong phản-bội thương đau, chai-đá trong chiến-tranh cốt nhục, ! Và trong cuộc sống hiện tại con người thường-thực bị lôi phăng trong guồng máy vĩ-dại của cuộc đời, của xã-hội, của đêm dài tranh-hấp vô minh !... Thúc đẩy tôi tìm về với quá-khứ đau thương và chỉ sống trong tưởng tượng ở ngày mai. Không biết đâu là định-hướng tương-lai, cho cuộc sống ngày mai đích-thực và đúng với chân giá-trị với hai tiếng con người ??? !

Con người của tôi như đã già trước tuổi. Mặc dù tuổi đời của tôi đã trên mười lăm (15) và chưa quá hai mươi lăm (25). Như vậy tôi không còn ngây thơ khờ dại ; mà cũng

chưa cần-cối, chưa đầu hàng cuộc đời. Cái tuổi của đau đớn, cái tuổi của khủng-hoảng, của khắc-khoải quần-quại vô biên. — Khói lửa đang vây bủa đây trời Việt Nam — «Hỡi Quê-hương yêu dấu! Hãy khóc lên đi...»

Chiến-tranh đã cướp mất những gì mà tôi hằng yêu quý. Gia-đình. Thân bằng quyến thuộc... Thêm vào đó: — Liễu, người con gái đã một lần tôi yêu say-đắm thiết-tha. Đôi mắt ướt lệ của nàng chắc chắn không bao giờ tôi quên đi được suốt trong đời tôi, mà đã có lần tôi đắm đuối nhìn nó vào những đêm mưa tầm-tả trong căn nhà lục-xục vùng ngoại ô.

Hình ảnh đau buồn lặng lẽ ấy đã ám-ảnh tôi suốt những đêm dài âm-u, hoặc những chiều mưa dai-dẳng.

Tôi vẫn không quên được một tối cùng ngồi đối diện với nàng bên chiếc bàn học. Đêm ấy, trời làm mưa, trời làm gió... Mưa phủ kín hết con đường trước nhà. Mưa phủ kín hết

những hoài-vọng triền miên của tuổi trẻ. Tôi nhìn những chiếc lá ướt mưa. Tôi nhìn lên đôi mắt của Liễu — Đôi mắt thật xa xăm, thật u buồn...

Những đêm khuya, nằm nghe gió đìu hiu, tôi bỗng nhớ lại những ngày vui. — Ôi! Những ngày vui qua mau quá. Qua mau như khói thuốc. Qua mau như tia chớp trời đông. Qua mau như tuổi trẻ. Qua mau trong im-lặng âm-thầm. Và bây giờ tất cả chỉ còn là kỷ-niệm trong tôi. Nhưng, kỷ-niệm đã làm tôi thêm đau khổ. Nước mắt tôi đã tuôn chảy. Và gục mặt buồn...

Những ngày tôi sống tự-do phóng-táng không có ngày mai. Cũng chính là cuộc sống ngày thơ vô tội ở nơi quê nhà, trong cái tuổi hồn-nhiên máu đỏ của tôi. Tôi rời bỏ gia đình đi hoang từ dạo đó: Màu xanh của mảnh vườn, của lũy tre, của đồng lúa, của khung trời chứa đựng yêu thương trong khóe mắt Mẹ hiền. Bây giờ đâu còn nữa. Tất cả đã trở thành

máu lửa đỏ cay... Tất cả đều khô-cằn, cháy nám, lộng người đã biến thành sỏi đá...

Tôi mừng - tượng tiếng chim hót ban mai. Tôi hình dung những đứa trẻ nhỏ nô-đùa trong vắng. Tôi tưởng-tượng những bác nông-phu tay lấm chân bùn ngoài đồng. Những cô thôn nữ từng giọng hò đưa tình trong xóm nắng mới. Lũ mục-đồng gọi nhau ơi ới,.. Và thấy đó là những ảnh hình tốt đẹp cuối cùng của cuộc đời trong tôi!...

Nhưng bây giờ đối với tôi những ngày vui qua mau càng quá mau tôi càng sung-sướng. Càng thấy mình được sống lại với tuổi hồn-nhiên. Có dịp để ôn lại những kỷ-niệm. Và dù biết rằng những kỷ-niệm ấy thường làm tôi đau buồn gục mặt...

Mỗi ngày tôi đều sống với sự chết trên đôi mắt của tôi. Cái buồn đã về ngự-trị trong từng tế-bào, thớ thịt, từng mạch máu đen đỏ của tôi. Tôi yêu sự chết — Chính sự chết

đã làm cho cuộc đời trở nên đẹp. Đẹp như đóa hoa phù-dung chóng tàn. Cũng nhờ các bạn bè thân yêu của tôi đang gục chết trên cánh đồng biên giới, bên bờ sông; hay giữa rừng rú hoang vu; khói lửa ngút trời, máu đỏ của tuổi trẻ đang tưới trên những giải đất khô cằn quê-hương, những mái tóc xanh trở thành những bãi cỏ xanh trên những nấm mồ trận địa... Ôi! Quê-hương yêu dấu...

Tình yêu sông núi, tình nghĩa quốc-gia...
«Sông núi ơi! buồn đau đất Việt.
Sông núi cười hay khóc Quê-hương?!!...»

Cái bi sử Việt-Nam, cái đau khổ cùng độ của con người, biết nói với ai, biết hỏi cùng ai? !... Chỉ biết câm-lặng âm-thầm nhìn núi sông trong niềm cay đắng.

« Ôi đau thương! Phải chấp nhận chiến tranh này ».

Với những ngày lang-thang
thống khổ của con người tôi,
đến bây giờ tôi vẫn chưa quên.
Có nhiều lần tôi cầm giữ không
được, đã để bạc thành tiếng
nấc dài trong những đêm đen
trừ-tịch, trong những chiều
mưa dai-dẳng không tên. Tâm
hồn tiêm ần một nỗi bí-đát
thâm-trầm sâu-sắc, xuất-phát
từ ý-thức quần-quại, niềm cô-
đơn vô-hạn của tuổi trẻ.

Tôi sống hiện tại mà đầu óc
cứ chìm đắm xuống vũng bùn lầy
của quá-khứ; vuốt-ve dĩ-vãng;
chạy trốn hiện tại. — Tại sao
thế? Tại sao không dám sống?
Mà cũng không dám chết?
— Tại sao cứ phàn-nàn; than-
thở, thích nói « chán quá, cô-
đơn quá, khổ quá »?! Phải
chăng, đó là những lời lặp lại
của vô-ý-thức???

Tại sao tôi không can-đảm
vứt bỏ những ngóng cuồng
điên đại lãng nhẩn vô-vấn
ấy? ! . . .

Hãy cứng rắn lên ! . . .

Tôi phải chịu trải qua những
nỗi đau đớn lớn lao nhất ở
đời này trong từng sát-na của
giây phút thời gian. — Bởi vì
mang cái thân ngũ âm tứ đại
này là đã phải chấp nhận thương
đau tủi khổ với tất cả thể xác
lẫn tinh-thần. Nếu chịu tất cả
những nỗi khổ trên mà vẫn còn
đủ sức đứng vững thì mới
xứng đáng sống, mới hân-diện
với cuộc sống trong cuộc đời
giữa xã-hội hiện đại của con
người.

Hãy cứng rắn lên ! . . . Lao
vào ĐỜI-SỐNG và tự tạo
trách-nhiệm cho chính mình —
Can-đảm lên. . . Biều lộ thái-độ
SỐNG. . . Trước hư-vô. . . ; Để
tự mình sống cho chính mình
đúng với cái ý-nghĩa đơn-giản
nhất của « con người ». . .

THANH-XUÂN

Bình Định



PHỒ-THÔNG. — 245

Khóc Kính Chi tiên sinh

*Bi sinh duyên nợ mãi lời nguyên ;
Cụ chán cõi trần chọn chỗ yên.
Giọt lệ tương tư vánh nhớ tuổi,
Thanh bìa trường-hạn đá nhìn tên,
Thi mơ tuyết-tác liền dừng bút,
Đàn nằng tri-âm khách cảm thuyên.
Mai «hân đợi chờ ngày tái» ngộ,
Hồn thơ lai láng bề tây thiên.*

Thạch Lữ NGUYỄN HỮU KIỆT
Quảng Trị

*Sống vui trần thế thỏa tâm nguyên,
Đại lão quay về cõi lặng yên.
Hạc nổi mây ngàn khôn thấy bóng,
Non xanh nước biếc vẫn còn tên.
Mai sơn cảnh cũ quỳên kiều nguyệt,
Tuyết ngọc tình xưa sóng vỗ thuyên.(1)
Trước hẹn ba sinh hương chửa tắt,
Tiếng huyền đứt ruột dưới Nam thiên.*

Mai Đình ĐO-VĂN-NHI
Đalat

(1) Cô Tuyết Ngọc Tình nhân của Cụ Kính Chi. Cụ
có bài thơ bồi thâm.

OSAKA

★ TRẦN VĂN QUANG

Sinh Viên kỹ sư Hóa học AOSKA

OSAKA là tên một thành phố lớn thứ nhì của Nhật-Bôn sau Tokyo vĩ đại đó cũng là nơi mà chánh-phủ Nhật-Bản đã quyết định đặt cái Expo, 70 tại đó để phô bày những văn-minh và tiến-bộ của từng quốc-gia trên thế giới hầu như là tất cả các quốc-gia trên thế-giới đều góp mặt vào và lẽ dĩ nhiên là có Việt-Nam chúng ta với 4000 năm văn hiến. Không như những gian-hàng vĩ-đại của Mỹ, Nga, Nhật, Đức, Pháp, mà người muốn vào xem phải sắp hàng Đợi hàng 2 giờ nhất là ở gian hàng Mỹ quốc. Gian hàng Việt Nam tuy nhỏ

bé nhưng cũng đã bộc lộ cho các quốc-gia cường thịnh trên thế giới biết là : Nước VN tuy nhỏ bé, Dân Việt Nam bị chiến tranh nhưng trong quá khứ đã có một quá trình văn-minh, hiện tại tuy đổ nát nhưng vẫn còn giữ được một cái gì đó và tương lai thì với một chương trình vĩ-đại nhưng không quá sức người Việt qua 3 gian nhà chữ hiện tại và tương lai.

OSAKA cũng có tất cả những gì mà thành phố Tokyo có cũng như thành-phố của các quốc gia cường thịnh trên thế giới. OSAKA cũng có những xa lộ

rien không rộng lớn như Tomei express highway nối liền OSAKA — Tokyo dài 600Km. Hanshinhigh way từ phi trường Itami OSAKA về ngay trung tâm thành phố là Umeda. OSAKA cũng có những đường xe Điện ngầm chạy vòng quanh trong thành phố dài trên 40Km không kể đường xe điện thường chạy trên mặt đất mang lại cho Dân Nhật một phương tiện di chuyển vừa mau lẹ và rẻ tiền. OSAKA cũng có những Department store cao ngất 10 tầng bán đủ tất cả những đồ cần dùng hằng ngày, thường là Đồ Do Nhật chế tạo như Department store Hanshin Hankyu Takashiyama. daimaru v...v... Trong thành phố, OSAKA cũng có những công-viên rộng lớn rợp bóng mát và đầy hoa lá cạnh dòng sông dịu huu và những tòa lầu đài theo tân trúc không nể trời cao như : Vườn ngự Tennogi, OSAKA là nơi mà ngày xưa 1 vị vua Nhật ngụ tại Đó và nay đã biến thành nơi cho những khách hào hoa đến du lãm.

Sát cạnh OSAKA là một

Kyoto Cờ-Kính với những chùa chiền và đền Đài tạo cho Kyoto một vẻ trang nghiêm huyền bí qua chùa vàng, chùa Bạc và đền Kyo'o. Hơn những thế Kyoto Còn là một Đà-Lạt thân yêu của chúng ta với một Atashiyama, Dòng thác đỏ cạnh hàng hoa Anh Đào và những Dãy Đồi núi xanh trùng điệp hấp dẫn cho những cặp tình nhân son trẻ. Tóm lại Kyoto phản ảnh nước Nhật hơn Tokyo. Kyoto là linh hồn của Nhật Bản, là biểu hiệu cho nền văn-hóa xa xưa của một giống dân mang trong người một dòng máu võ sĩ đạo, không bao giờ biết khuất phục.

Ngày xưa lúc Nhật-Mỹ chiến tranh để bảo vệ linh-hồn của mình chánh-phủ Nhật phải xin Mỹ rằng : « Có tể Đội bom bất cứ nơi nào trên lãnh thổ Nhật Bản ngoại trừ Kyoto»,

Sát cạnh OSAKA lại còn có Nara như một cô gái mỹ-miệu nhiều e lệ, lúc nào cũng khép kín cái vẻ đẹp thiên phú của mình. Tại đây quý bạn có thể xoa đầu

từng con vàng ngọc gác được thả rong trong vườn ngự và chụp hình với cô gái Phù tang Đễ Kỳ niệm. Tất cả đều dễ dàng đối với bạn. Và cũng tại đây một tượng Phật khổng lồ cao trên 30m giúp cho bạn quên bớt những nỗi niềm bức tức ngoài Đời khi chiêm ngưỡng ngài.

Sát cảnh OSAKA lại còn có Kobe một bãi cảng rộng lớn của Nhật và cũng là nơi bán nhiều Đồ ngoại quốc nhất và rẻ nhất. Tại đây quý bạn có thể nhớ lại mùi nước mát quen thuộc bên nhà qua những món ăn Tàu do chính người Trung-Hoa nấu. Đi xa hơn một chút nữa là miền wakayama, Hiroshima, nagasaki v... v... mà mỗi miền có một vẻ Đẹp riêng biệt phần ảnh Được Dân tộc tính. Tại Hiroshima nếu bạn đến đúng ngày Kỷ niệm Nhật bị bom nguyên-tử của Mỹ, bạn sẽ được chứng kiến cảnh người Dân Nhật Đứng trước đền kỷ niệm tưởng niệm người đã khuất vì chiến tranh. Có kẻ sụt sùi khóc, có kẻ thốt lên những lời uất ức nghẹn ngào, có kẻ chửi

rủa âm ý. Một cảnh tượng đau lòng và khó quên cho người chứng kiến. Kẻ viết bài này nhân dịp tình cờ đã một lần chứng kiến và tự thầm nghĩ «Con người hung ác, con người dữ tợn hơn dã thú nhưng người cũng nhiều tình-cảm. Con người mâu-thuân với chính mình. Nhật Bản đâu phải là 1 Dân tộc hiền hậu gì. Ngày xưa chúng qua VN chúng tàn ác gấp mấy lần. Chúng dùng gao để chạy tàu làm cho bao nhiêu triệu dân VN phải chết đói vì chúng. Chúng đâu có nhớ cái tội ác đó». Nhưng dù gì đi nữa, trên lập trường nhân-đạo thì cảnh trên thật là cảnh náo lòng»

Nhật Bản ngày nay tiến bộ Văn-minh thật nhiều, nhưng Dân Nhật vẫn là Dân ích kỷ, hẹp-hòi hình thức bề ngoài đến độ Giả Dối và khó thương.

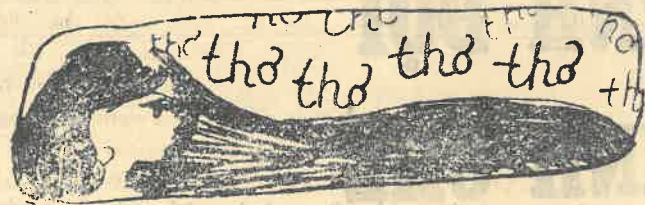
TRẦN-VĂN-QUANG

(Sinh viên kỹ-sư hóa học)

(OSAKA-JAPA)



PHỒ-THÔNG — 245



Em chỉ là Thi-Sĩ

Anh nên nhớ em chỉ là Thi-Sĩ.
Thư dật nhiều nhưng chẳng có đồng lương.
Đời thật nghèo, anh đừng nói mền-thương,
Em hờn-lủi cho tâm-hồn Thi-sĩ!
Và xin anh đừng nói lời Tri-kỹ,
Án tình gì? -em không dám nhận đâu,
Đừng hẹn-hò và mơ-uớc mai-sau :
Ta chung-bước để xây lâu hạnh-phúc ?
Em rất sợ bao lời anh cầu-chúc :
«Tình đôi-ta bền chặt chữ keo-sơn»,
Đời em buồn, lại càng thấy buồn hơn,
Khi được biết có người đang thương-nhớ.
Đời của em : một hồn thơ còn dang-dỡ,
Nét thơ buồn nuôn-thươu tình, mơ, say...
Nên đã nhiều lần khờ gió, than mây l
Và lẫn-tránh những hẹn hò, tri-kỹ...
Xin anh đừng em mãi làm Thi-Sĩ...

HOÀI-THI

(Ninh-Hòa, Mùa Thu 66).

BINH ĐỘI

BINH CHẾ

VIỆT NAM NGÀY XƯA

★ TÍN KHANG

(tiếp theo P.T. 244)

Bài thứ 5

Các trận đồ đề chiến thắng

Sách Thái Cực Hồn-nguyên nói về các trận đồ rất có lợi đề thắng địch, trong đó các đội quân được bố trí theo trật-tự. Đội « THIÊN » đứng sau viên Tướng, Đội « ĐỊA » ở trước

mặt. Các Đội « NHẬT » và « NGUYỆT » ở bên phải và trái. Đội « THIÊN ». Đội « DƯƠNG » ở bên phải, và Đội « ÂM » ở bên trái. Đội (Địa).

Đội (THIÊN) và hai Đội (NHẬT, NGUYỆT) là hai chân của Đại Binh. Đội (ĐỊA) và hai Đội (ÂM, DƯƠNG) là hai vai.

Các Đội (PHONG) (Gió), (VÂN) (Mây), Xà (Rắn) sắp hai bên. Đội (ĐỊA) và gọi là Đại-Binh, còn các đội « HỒ » (cọp) và « TƯỚNG » (sẽ) đứng phía sau và hai bên hông đội « THIÊN ».

Còn một trận đồ nữa gọi là Hà Đồ của Phục-Hy rắc-rối hơn, dựa theo hình trên. Đại binh chia làm 18 đội, sắp chung-quanh vị Tướng cũng như hình trên : 3 đội phía trước và ở giữa, 3 ở phía sau hai bên cánh mỗi bên hai đội và ở mỗi góc của hình vuông ấy có hai đội khi dàn xong đại binh thành một hình bát-giác.

Lối bày binh này rất xưa, dường như do một nhà vua Trung-Quốc vào thời thế-kỷ thứ III trước kỷ-nguyên, và cũng có lẽ đến thế-kỷ XI vẫn còn dùng vào lúc mà vua Lý-Nhơn-Tôn xin phép vua Trung-Quốc được mua các sách về Binh pháp và các khóa huyền bí, vị vua Trung-Quốc từ-chối.

Kỵ và tượng binh.—

Đề kết-thúc, ta hãy xem qua lực-lượng kỵ-binh và các đội « Thiết-Giáp » thời ấy, tức là Tượng-binh.

Vào đời vua Lý-Nhơn-Tôn (cuối thế-kỷ XI) mới bắt đầu dùng voi vào việc binh-đao. Có lẽ trước đó cũng đã từng sử-dụng nhưng vì không có tài-liệu nào lưu lại nên không được rõ.

Sách của Ma-Touan-Lin mới nói lần đầu-tiên về việc người Việt-Nam dùng Tượng-Binh.

Ông đã nói :

« Vua của dân (man rợ) ấy (chỉ người Việt-Nam) đã nổi lên chống Thiên-Hoàng. Họ đã từng đội voi trang bị cho chiến-trận, và lối chiến-đấu rất có lợi cho họ nhưng lính Thiên-Hoàng dùng lưới giáo thẳng cắt đứt vòi voi, voi hoảng-sợ chạy trốn, gặp gì đập nấy gây rối-loạn cho trong hàng-ngũ quân lính Việt ».

Dưới các triều đại vua chúa ở Việt-Nam thời nào cũng có dùng voi.

Theo các sách trong nước để lại hay sách vở các nhà thám-hiểm hay truyền-giáo, đều có nói đến Đức Cha A. de Rhodes vào thế-kỷ XVII kể lại Chúa Trịnh ở Bắc có nuôi trên Ba-trăm thớt voi lớn, trên lưng có chỗ ngồi cho sáu hay bảy lính không kể tên nài. Có thớt tải cả súng Thần-Công nữa (hạng nhỏ).

1 từ 500 đến 34000 voi.

Linh-mục Lissanier viết năm 1663 trong tập sách «Truyền-giáo ở Nam-Kỳ và Bắc-Kỳ» thì nhà vua có sẵn một binh đội bằng voi đông đến 500 con.

Qua cuối thế-kỷ XVII, ông Samuel Baron cho biết ở Bắc-Kỳ, quân đội Việt-Nam có thể động-viên từ 3 đến 4 ngàn voi sẵn-sàng chiến-đấu và tập luyện quen tai đối-với một số súng và tiếng nổ Thần-công.

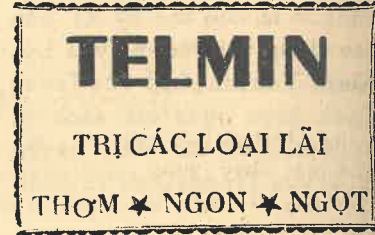
Đến thế-kỷ XVIII, việc dùng Tượng-Binh đã bắt đầu chấm-dứt một số trường-hợp.

Trận dùng voi ra trận có-lẽ là trận Sơn-Tây vào tháng 7 năm 1885.

Tướng Prudhomme đã kể lại: dùng để đi hay tải thì voi không đáng kể nhưng dùng vào chiến-tranh thì là những binh cụ tác-dụng vô cùng lợi hại, như ở trận Sơn-Tây chúng đã phá vỡ một hàng rào mà trọng pháo của ta không làm gì nổi.

Qua thế-kỷ XIX voi chỉ còn dùng để biểu-diễn.

Tuy-nhiên người ta vẫn tiếp-tục tập-luyện, và vua Gia-Long năm mới lên ngôi (1802) có tổ-



chức một đội Tượng-Binh.

Theo ông Chaigneau đội voi là một phần trong quân đội Việt-Nam. Tượng binh đặt dưới quyền chỉ-huy của một số võ-quan cao-cấp. Dưới đời Minh-Mạng được 800 thớt trong số đó có 130 thớt trong Hoàng-cung còn bao nhiêu chia cho 5 «quân».

Các Hoàng-Thái Tử được quyền sử-dụng một vài thớt trong tư-phủ mình nhưng không có quyền được sắm riêng.

Lúc ra trận mỗi thớt tượng có bốn lính phụ-trách.

Đào-luyện các đội Tượng-Binh.—

Việc tập-luyện các đội Tượng binh cũng khá khó-khăn,

Ông Dutreuil de Rhins, tại nghe mắt thấy một cuộc tập luyện này vào ngày 29 tháng 10 1876 tại Huế đã kể rằng voi

được tập tấn-công hai hay ba hàng rào lớn bằng tre. Sau lưng các hàng rào ấy có rất đông lính bố-trí, có súng, hoặc pháo, mìn, trống, thanh-la... và gây tiếng ồn rất dữ-dội để làm voi hoảng-sợ.

Trên lưng, mỗi nài thúc voi đi tới. Vượt qua rào thứ nhất, voi tiến đến rào thứ hai. Linh lúc này đã chạy tới trước bố-trí và làm ồn... Mỗi rào có dựng nhiều hình «nợm», tay nắm cây, và sau lưng voi cũng có nhiều lính khác cầm cây đánh đuổi tới, cầm không cho thụt lùi.

Khi cả ba rào đã vượt qua, tất cả các số người kia lại làm ồn hơn nữa, đuổi voi về vị trí cũ, và cuộc tập được bắt đầu lại.

Tập xong ba lần, voi và người mới được nghỉ.

Một truyền-thống dũng cảm hy-sinh.

Lịch-sử binh-bị Việt-Nam đã chứng minh dân-tộc ta trải qua

bao nhiêu thế-kỹ, vẫn luôn luôn nuôi dưỡng ý-chí: cường-mạnh để chiến-thắng... Một mặt để đối-phó với bên ngoài, người Tây hay Chăm, và đối-phó với phân-nghịch bên trong.

Các đời vua chúa đã canh cải không ngừng binh chế, binh-pháp, tối tân và tinh-xảo hóa, tăng hay giảm binh-bị tùy theo nhu-cầu của từng giai-đoạn.

Giá-trị của các đội-binh ấy,



ta khó mà nhận-định cho rõ nhưng ta nãy nghe lời nhận-định của Đức Cha A. De Rhodes:

«Cái mà tôi có thể nói thăng ra đây, là tinh-thần đồng đội họ rất mạnh, và trong mọi cuộc chiến-đấu, họ vô cùng dũng cảm, gan-dạ tiêu-diệt quân-thù và không khi nào biết tiếc mạng sống».

TIN-KHANH

Phân ưu

Được tin đau đớn

Cụ quả phụ CHỮ-NGỌC-LIÊN

thân mẫu ông Chử ngọc Liên, Đồng lý văn phòng Bộ cựu chiến binh, đã từ trần hồi 13g10 ngày 3-5-70 tại Saigon, hưởng thọ 93 tuổi.

Thành kính phân ưu cùng anh chị Chử ngọc Liên và tang quyến.

NGUYỄN-VỸ



gửi từ
đại
học
xá

Thu Nhi yêu mến

Anh vẫn yêu em hơn bất cứ những gì hiện hữu nơi này

Anh cũng phải trở về
Dù quê hương rất nhiều những trái sáng bom mìn đủ cỡ

Anh cũng phải trở về
Dù quê hương rất nhiều những mưu meo tiểu xảo đốn mạt nhất

Anh phải trở về anh phải trở về

Xin chút sáng lý trí soi rõ khuôn mặt
Xin giọt cam lồ từ nhánh dương liễu
Hãy rót xuống mảnh đất đỏ lửa tang tóc này
Bằng tình thương chân thật
Cũng như mặt trời tình yêu sẽ đến trong đời con gái bất hạnh

Lúc đó niềm tin sáng tỏ tâm khảm mọi người.

NGUYỄN TƯỜNG VÂN

(Đại học ĐàLat)

Sách của một người đã có gần hai mươi tuổi đời

● LAN ĐÌNH

Tôi thấy bây giờ phần đông người ta chỉ viết phóng sự, hay «tiểu thuyết phóng sự» về gái nhày chiều đãi viên, ca sĩ, hoặc chính khách là cùng. Để viết mà «ăn ngay» vì «ăn khách». Viết những loại đó, ngồi nhà viết cũng được, ngồi nhà viết phóng sự, phóng sự ngồi nhà. Tôi đã từng đọc phải phóng sự viết về Hippies Việt Nam chỉ là «dịch thâu» của báo ngoại quốc, khác có những cái tên thôi!

Nhưng Hùng Phong đã phóng sự tiểu thuyết Hèm Chuồng Bò(1) cái ngõ xóm bình dân, tiện dân nữa, khét tiếng của Sài Gòn. Khét tiếng vì những người ở trong đó phần đông, đều ghê gớm. Nhắc đến hèm chuồng Bò là gọi tên

một xã — hội của «những kẻ giết mướn». Hơn cầu ông lãnh, cầu muối nhiều! tôi đã nghe đồn như vậy. Cũng bởi thế tôi đã đọc xem Hùng Phong biết những gì, và có viết nổi lịch sử hèm chuồng Bò không? Tức là tôi chờ đợi một sự sống mà viết chứ không ngồi nhà mà viết.

Tôi nhập tịch Hèm chuồng Bò vào một ngày mưa sùi sụt... (đầu sách) và phần kết là vụ tổng công kích, hồi tết Mậu thân đã làm sứt mẻ, có thể số thay đổi, xóa bỏ nữa, hèm chuồng Bò. Dựng truyện như thế gọi cảm lắm.

Nhưng dựng truyện khác, chỉ là khôi búng, viết truyện khác, đấy mới là đích thực vào việc, và chứng phần vụ này sẽ qui

định giá trị của quyển sách. Nhiều khi người ta ngồi về tóc, nhổ râu, hay kỳ khô, chợt nghĩ ra một điều lạ lắm, cứ tưởng viết ra sẽ hay lắm (ai cũng định ninh như thế), nhưng đã viết ra... nhạt tanh! Khoảng cách sai biệt, có thể còn nghịch nhau nữa, giữa hai việc làm, dựng truyện và viết truyện, tùy thuộc ở khả năng thể hiện của tác giả: nhận thức, Trình độ cảm xúc, bút pháp...

«Viết truyện,» «vào việc» ở đây, tôi chỉ muốn nói đến «nhận thức» của Hùng Phong, nói theo hán là «nhập cuộc» là «nhập tịch». Đến đâu?

Chương đầu Hùng Phong đã trình viện những nhân vật được coi là làm nên hèm chuồng Bò: Con thọt, sáu lươn, lão Năm tí Du, con Bảy ve chai, thầy y tá khương, lão Năm cầu cá, lão cây mai.

Con thọt, thứ gái già tật nguyên bản cứng, cực xấu, cực bảm, bỗng chửa hoang. Dư luận hèm chuồng Bò, qua bọn người vừa kể, đổ xô bàn tán xem ai là kẻ đã dám làm tình với con thọt. gán ghép bịa đặt lung tung, cho bất cứ ai

leo thù ghét. Những lời đồn thâm độc đã làm nhiều kẻ bị hãm oan, mà không có cách nào để bào chữa trước dư luận bất công...

Nhưng Con Thọt đã đẻ ra đứa bé da đen!

Chỉ có chương này, những nhân vật trong Hèm Chuồng Bò mới sống với nhau, có đôi chút liên hệ đến nhau, chịu tác dụng lẫn nhau. Từ chương sau cho đến hết sách, chuyện ngắt ra từng trường hợp khác biệt, chỉ là chuyện từng người, từng nhà, dường như một chuỗi dây xích đứt ra từng mắt.

Tôi nghĩ rằng, phê bình một quyển sách chẳng cứ phải phân tích mọi sự mới được kể là đầy đủ. (Thậm chí, có người đã biết kể từ cái bìa, giấy in sách loại gì, chữ kiểu gì, cỡ mấy, kỹ lưỡng quá sự cần dùng).

Từ cái nhìn tổng quát, dùng mắt lại ở chủ đích, để biết đâu là vấn đề cần nói.

Vấn đề cần nói trang Hèm Chuồng Bò là Hèm Chuồng Bò phải khác bất cứ cái hèm, phải có cái gì đặt biệt đáng viết, không cần gọi tên Hèm Chuồng Bò, nó vẫn cứ «hèm-chuồng-bò»...

Tôi thấy Hùng Phong đã lờ mờ nghĩ tới điều này, khi anh

cho gần chục người xoay quanh một người (con Thọt chửa hoang và dư luận). Nhưng vừa đây anh bỏ cuộc.

Tôi nói «lờ mờ», vì những nhân vật của Hùng Phong chỉ lóe phớt, loáng thoáng như một vòng hình nhân trong cái đèn kéo quân, một cách lão Năm Tỉ Dụ cũng có thể là lão Năm Cầu Cá hay lão Ký Mai. Với tiểu thuyết đây là lối tưởng tượng. Với phóng sự, đây là lối ghi chép.

Nếu Hẻm Chuồng Bò chỉ đơn thuần là một thiên phóng sự, «tôi» Hùng Phong nên lặn hẳn đi (trường hợp tác giả lẩn mặt) để «người và việc» trong đó hiện hẳn lên. Nếu «tôi» muốn ở lại với tác phẩm, cần cho tác phẩm thì phải chỉ phối được tác phẩm, và ngược lại, bị tác phẩm chỉ, phối. Trường hợp hay xảy ra khi Hẻm Chuồng Bò hoàn toàn là một quyển tiểu thuyết.

Nói «nhập cuộc» là đã dẫn thân, «tôi» Hùng Phong có tác dụng gì với đám «bần dân» trong Hẻm Chuồng Bò, và ngược lại? Tôi đứng giữa, ở trong, ngồi lại với Hẻm Chuồng Bò, chứ không phải đi qua.

Chẳng hạn, «tôi» tiểu tư sản đem thân đến Hẻm Chuồng Bò sẽ có tâm trạng ai đem tôi đến

chốn này. Ít nhất, phải đặt vấn đề như thế, mới phản ánh được một hiện tượng xã hội.

Đang này, tôi có cảm tưởng gâu lâu lâu Hùng Phong chỉ đi vào từng nhà ở Hẻm Chuồng Bò, xem có gì vừa xảy ra thì kể lại qua loa thôi. Hoặc Hùng Phong đã nhập tịch hẳn trong Hẻm Chuồng Bò, nhưng ban ngày đi làm xa, trưa cũng không về, tối mới nghe vợ kể lại chuyện hàng xóm, câu được câu chăng, lổm bổm và cứ thế mà viết... tiểu thuyết phóng sự!

Giữa hai cách viết, tôi phân vân chưa biết Hùng Phong đã chọn cách viết nào: Cho những sự kiện (faits) và hoạt động (actions) xoắn chặt lấy nhau, vướng mắt vào nhau, để làm nên đại thể, cứ để mặc những sự kiện, hoạt động được cá lập, tưởng chừng rời rạc, nhưng «tự chừng» sẽ ráp lại với nhau, bằng dụng công của người viết, bằng suy diễn của người đọc.

Có điều cả hai cách nhiều người đã lậm vào tình trạng... loạn-choạc.

Sở dĩ tôi đã khó đoán cách viết của Hùng Phong, chỉ vì anh viết lâu rồi, kể đã là nhiều tuổi đời: từ Hà Nội, năm 1952. Tôi nhớ anh đồng thời với Nguyễn Minh-Lang.



HẸN

Viết cho Lê-thị-Tài, vợ tôi đề kỷ niệm ngày ra đi không kịp từ giã.
NGUYỄN-CÔNG-DANH
(Trung-Tâm Cải-huấn Khán-Hòa)

*Có một lần Em bảo,
Anh làm sao mau về,
Cho Em Khởi tái tê
Cho tình ta trọn vẹn
Cho con khỏi đợi chờ;*

*Để trả lời thư Em,
Anh ghen ngào khổ viết
Biết làm sao mau về
Khi đứng giữa bốn bức tường rắn chắc
Khi chung quanh rào kẽm gai vây chặt
Khi nước non còn mang nặng chiến chinh.*

*Đã trót yêu nhau nuôi dưỡng chữ tình,
Đừng nuôi tiếc để cho lòng vương vấn,
Anh ở nơi này những chiều cô quạnh,
Chốn lao tù có nghĩa lý gì đâu,
Suốt một mùa Xuân ta dương lệ sầu,
Còn bao nữa để cho lòng hết lạnh,
Và đưa con thơ những ngày cha vắng*

Đời moi hồng có Nở trọn như xưa
Hay đã héo rồi giữa một ban chưa
Ngày cha đã ra đi chưa trở lại
Em tài ơi, Anh vẫn còn yêu mãi,
Người vợ hiền đưa con lại bơ vơ.
Đây những ngày buồn anh tập làm thơ,
Đề viết cho Em những lời yêu quý.
Đề nguyện tình mình béu nhau vạn kỷ,
Đề gửi con khờ nghìn vạn cái hôn,
Má nhớ thương Ba lòng đã mỗi mòn,
Đêm khuya lạnh Ba khuyên đừng khóc nhẹ,
Ngáy Ba về mua cho con búp bê,
Con ẵm bỗng miệng bập be em thương,
Ở chốn lao tù gió lạnh té xương,
Ba sẽ nguyện cho con tròn giấc ngủ,

Tại em, giữa khuya giờ cho con bú,
Em nhớ hôn con chiếc má bầu tròn,
Em nhớ hôn con chiếc miệng sữa non,
Và anh nguyện sẽ hy sinh tất cả...
Mai hoá bình trên quê hương tàn tạ,
Em đừng buồn, đừng nuôi tiếc ngày xưa,
Đã trôi yêu nhau biết thế cho vừa,
Tình chỉ đẹp lúc mình chung suy tưởng.

Hỡi người Em quê hương,
Hỡi con yêu thơ dại,
Ngày mai anh sẽ về,
Cho Em khỏi tái tê,
Cho tình ta trọn vẹn,
Cho con khỏi đợi chờ,

NGUYỄN-CÔNG-DANH
(Xuân Canh Tuất)

Nhớ tiếc Kinh-Chỉ

Nha thành nhớ Kinh-Chỉ

Từ ngày Kinh-Chỉ vắng Thánh Nha
Đâm thắm duyên thơ kèm mạn-mà
Biển cả bao phen xô sóng lớn
Non xanh mây độ ló trắng già
Đất trời diễm mãi trò dâu bẽ
Giấy mực khôn ghi chuyện nước nhà
Tức cảnh câu thần ai họa ý?
Chàng Phan nay đã niệm Di-Đá (1)

Nha Trang 1968 —
— T, Phổ —

Tiếc Kinh-Chỉ

Thôi thế là thôi, Kinh Chỉ ơi!
Muôn vàn tâm sự khó nén lời
Câu thần để mãi băng-khuàng nhớ
Vắng chú âm-thầm biết mấy mươi!

Chú sang côi ấy gặp anh (2) chẳng?
Chuyện cũ từ đây hết nói năng
Thời loạn, chú đi là khỏe đó
Ngán đời, Phổ cũng muốn đi phăng!

Non buồn nước lạnh, chú Hy ơi!
Lại lảng nguồn thơ vắng vẻ người
Sóng gió biển tràn bao lẳng dịu?
Người đi, kẻ ở, lệ lòng rơi...

TUONG PHỔ
Đalat, 4-5-1970

(1) Hỡi nay Kinh Chỉ say niệm kinh Phật,
ít làm thơ

2 — Anh Thái-văn-Du mất năm 1920 tại
Huế, bạn đồng khoa với Kinh Chỉ — và cũng
trong tình anh em.



VÕ THUẬT

TRẦN-TUẤN-KIỆT biên soạn

TRÊN phương diện một người say-mê nghệ-thuật, nhìn ngắm học lấy hoặc sáng tạo ra môn nghệ-thuật, những tâm hồn cõi mở thường rất cảm thông và thích-thú.

Thơ văn hội họa là một nghệ-thuật thì thể thao cũng là một môn nghệ thuật thật công phu từ việc tỉ mỉ cho đến rộng rãi vô cùng tận.

Võ Thuật cũng vậy !

Khi biên soạn về văn thơ chúng ta đã ngại ngùng, e dè bao nhiêu

thì lúc nói chuyện về võ thuật mình lại ái-nái bấy nhiêu.

Càng nghĩ đến lại càng không muốn viết về nó. E ngại cái rộng rãi vô cùng của các nhà võ học họ am hiểu. Viết về Võ Thuật cho báo Phò Thông. tôi muốn xác định mọi điều, mà từ lâu trên các sách soạn về Võ Thuật, chúng tôi có hoặc chưa xác định rõ ràng.

Đó là chúng tôi chỉ tự nhận mình là người say mê về võ học. Có biên soạn ra sách. Ra báo là để ôn lại điều học, ghi lại làm

tài liệu và in ra cũng với mục đích là cần Phò Thông với các bậc võ sư, để nhờ họ chỉ điểm thêm. Chúng tôi võ vè chút ít, vừa học vừa hành. Việc ghi chép về võ Thuật ở trên sách trên báo có lỗi. Lầm và nông cạn, xin quý vị cao minh vui lòng bày vẽ cho với tinh thần cởi mở thành thật.

Người làm văn nghệ ngày nay, phần nhiều quá suy tư, cảm mãi ngòi bút đã thấy nặng chịt. Suốt mười năm làm thơ, yếu đuối vô cùng về thể chất. Bây giờ nhân tiện lúc thích luyến võ nghệ cho thân thể khỏe mạnh, và tinh thần bắt lại nguồn hằng-say chiến đấu... bằng thân xác và thể chất.

Tinh thần võ sĩ đạo hay là tinh thần người anh hùng trong xã hội ta ? đề cập đến thì có vẻ lãng mạng không hợp lắm trong thời buổi loạn lạc, thanh niên phần đông ra chiến trường làm chiến sĩ để bảo vệ tổ quốc. Chúng ta nói đến tinh thần võ sĩ đạo e sai lầm với số đông trong lịch sử hiện thời.

Mà, thật ra tiền nhân cũng

vậy. Người Việt nam thường có tinh thần yêu nước. Hành động là hành động cho chung một khối. Luôn luôn chống giữ ngoại xâm. Ít lãng bực kỳ hồ mà làm kẻ hiền sĩ giang hồ đây đó trừ gian diệt bạo. Người võ sĩ của ta thường trở thành anh hùng giúp nước hơn là hiệp sĩ vị lý do dân tộc ta nhỏ, luôn bị nội thuộc.

Bây giờ xã hội thay đổi. Chiến lược xâm chiếm thị trường, mạnh hơn việc cướp đất trị nước người của các cường quốc. Tinh thần yêu dân tộc bị đánh tan hoang, dánh tan tác ra thành nhiều bè phái. đảng phái.. đối lập nhau, bực nhau, chia rẽ và hận thù. Ít khi nào chịu kết hợp dưới quyền lãnh đạo thật sự, một người lỗi lạc nào, hay một huyền thoại nào cả. Điều đáng buồn, và đáng lo là nạn chia rẽ cứ trầm trọng.

Quan niệm người võ sĩ ngày nay không cao xa như các bậc hiền triết cho lắm. Nhưng điều duy nhất là, biết dùng sức mình để chọi với kẻ địch, dù bất cứ kẻ địch nào đem thương khinh khi dân tộc ta.

Hãy ra tay đối địch với một người. Dám đương đầu bất cứ ở một nơi công cộng nào. Rồi sẽ nói đến chuyện xây dựng xã hội, bằng một tinh thần võ sĩ đạo, hay tinh thần kẻ sĩ anh Hùng của người Việt tự ngàn xưa đến nay.

Những căn bản để luyện tập võ thuật.

Môn võ chúng ta luyện tập đây là môn võ phát xuất từ một vị danh tướng đã nổi tiếng đời Lê Văn Duyệt. Môn võ của cụ Lê Văn Khôi, đã từng làm khiếp đảm xú thân phiến trong cuộc đấu với mãnh hổ. Môn võ này truyền lại cho nhiều vị danh sư, về sau càng được biến chế thêm quyền thức để trở thành một môn võ Cương Nhu quyền. Trong đó có môn Thiếu - Lâm - Tự Võ,

Đường, Võ Việt nam — (Nam Tông và Bắc Tông).

Chúng tôi sẽ lần lượt trình bày đến quý bạn đọc đầy đủ các phép để luyện tập và thực hành giao đấu.

Trước là căn bản võ thuật gồm có các phần.

I Cương Nhu Quyền luận

II Thủ Pháp

III Thân Pháp

IV Bộ Pháp

V Đấu Pháp

VI Phân Hư Thực.

VII ĐỊNH PHƯƠNG HUỐNG

Sau đó tiếp theo tập chiến lược võ thuật. Gồm có :

1— Mười bộ tấn :

Lập tấn

Trung bình tấn

Đỉnh tấn

Xà tấn

Tấn vươngng

Thoái bộ tấn

Châu mã tấn

Trào mã tấn

Hư bộ — Đỉnh bộ

Tọa bộ

2— Bảy độ tay diêm huyệt

1— Tay song chí — diêm lương nhân

2— Tay hầu thủ — diêm thá; dương

3— Tay long trảo — diêm nhưn trung — thất khâu

4— Tay thối sơn — diêm khai cón

5— Tay phượng đực đang sơn — diêm ky môn

6— Tay cương đao phạt mộc — diêm huyền cơ

7— Tay đao hải — diêm — đan điền

3— Bảy bộ chân :

1— Chân nội quyền

2— Chân bá huê trang

3— Chân câu liêm thương

4— Chân nghịch lân

5— Chân lạc mã

6— Chân tả mã bộ

7— Chân độc cước mã.

4— Bảy Bộ Tay Khóa.

1— Tay song cung bảo nguyệt

2— Tay Đồng Tử Bồng ngân Bình

3— Tay Thần Sơn Trảm mộc

4— Tay thiềm Thừ quá hải

5— Tay Lão mai độc thọ

6— Tay Linh ngũ vượt thủy

7— Tay Tiên cô giải tóa

5— Hai mươi thế Trung Đẳng

1— Thần cung xạ hứa điền

2— Tấn công

3— Tam xích trảm thanh xà

4— Lão mai độc thọ.

5— Hồ giáng long thăng

6— Lão tiều quá sơn

7— Song cung bảo nguyệt

8— Bình sa lạc nhận

- | | |
|-----------------------------|--------------------------------|
| 9- Âm dương tương khắc | 1- Thần cung xạ húa diên |
| 10- Hồi mã song chùy | 2- Thần đồng phá thiên môn |
| 11- Song chỉ cầm long | 3- Thiết bản dã hồng hải |
| 12- Đồng tử bông ngâu bình | 4- Sư tử giao đầu |
| 13- Thần sơn trảm mộc | 5- Tam xích kiếm trảm thanh xà |
| 14- Thần đồng phá thiên môn | 6- Bình sa lạc nhạn |
| 15- Sư tử giao đầu | 7- Song long xuất hải |
| 16- Thiên thư quá hải | 8- Hồi mã xong chùy |
| 17- Tiên cô giải tỏa | |
| 18- Giao long ngộ vũ | |
| 19- Ma vương trá tâu | |
| 20- Địa hà ná xà vĩ | |

Tấn công, phụ câu liêm thương

Thần đồng phá thiên môn

Lão mai độc thọ, khóa hậu bộ

Song long xuất hải.

6- Tám thế luyện thất tinh bát đầu-mai hoa-thung.

● *Vi lý-do kỹ thuật, bài Hồ-Xuân-Hương xin gác lại kỳ tới. Xin bạn đọc thông cảm.*

N.V.

CHUYỆN CÒ-TÍCH CAO-MIÊN
□□□□□□□□□□□□□□□□

12 cô thiếu-nữ

«Ruong néang Pi Ton Dop»

★★★ DAP-XNIÊNG kể

Vợ chồng một gã tiểu phu kia nghèo xơ nghèo xác, vì vợ chú tiểu phu để song sanh đến sáu lần ! sanh đôi sáu lần đều nuôi mạnh giỏi cả mười hai đứa con gái mới lạ ít thấy xưa nay.

Cảnh đã nghèo, thêm mười hai đứa con nữa, cái nghèo đó ra thế nào, ta cũng tưởng tượng dễ dàng.

Nuôi không nổi một lô con ngày càng lớn, chồng mời than thở với vợ :

— Trời sanh tất trời phải nuôi nay ta không còn cách nào giải quyết sắp con được nữa, vậy ta hãy đem chúng mà bỏ vào

rừng, còn hơn là thấy chúng nó chết đói trước mắt. Có lẽ lòng thành kính, cảnh khổ cùng của chúng ta cũng cảm động đến thánh thần, chúng nó cũng không đến nỗi nào.

Sau mấy hôm buồn rầu suy nghĩ, không còn có lối nào khác hơn. Vợ bèn nghe lời chồng, để anh này dắt mười hai đứa con gái bỏ vào rừng sâu.

Hôm đó, anh kêu 12 đứa con, bảo nó đi với anh vào rừng, hái hoa hái trái chơi, còn anh thì đốn củi về bán. Chúng nó mừng rỡ lắm, mau mau kéo theo cha, đứa nào cũng mang theo mình một túi cơm khô, khoai sắn

khô, mà má chúng nó đã sắp đặt sẵn, và nói rằng đem theo có đôi bụng thì có mà ăn.

Cho con vào rừng, chúng nó reo mừng, chạy đi kiếm hoa kiếm trái mà hái. Trong lúc chúng nó không để ý đến cha, cha nó lên rút lui êm về nhà với tấm lòng đau như cắt.

Sau khi ham thích chạy nhảy hái hoa hái trái đã đời, nhìn lại thì cha mình đâu mất. Chúng kêu réo tìm kiếm hồi lâu không được, chúng khóc, và đói, bèn lấy cơm, khoai khô ra ăn, rồi đi tìm cha nữa. Chẳng may, chúng đi lạc. Trời tối, chúng sợ ma quỷ và thú dữ, nên càng khóc kinh khủng. Nhưng sau cùng, chúng đành phải hái lá cây lót dưới đất làm chiếu, và phủ lên mình làm mền, nằm ôm nhau ngủ. Cứ sống như vậy mấy hôm thì chúng Bàn với nhau phải kiếm đường về nhà, vì lương khô đã hết.

Chúng đi loanh quanh mãi trong rừng, tìm đường về. May sao, chúng mò lần về được, nhờ cô gái út tên Neang Poa nhận được lối cũ mà cha nàng đã dẫn

đi qua đó hôm nọ. Chúng gặp lại cha mẹ, mừng quá, tíu-tít thuật lại chuyện «đi lạc» của mình. Cha mẹ chúng ôm các con, khóc như mưa.

Nhưng ác nghiệt thay, sự đời khổ vầy vô tội độ, anh tiều phu lại không sao chịu được cái cảnh chết đói của con mình diễn ra trước mắt, anh lại phải dắt chúng nó đem bỏ vào một cánh rừng rậm khác. Anh cũng nói gạt chúng như lần trước.

Nơi đây, có một con chần cái, gặp 12 đứa trẻ đương nằm ôm nhau dưới gốc cây, vừa đói, vừa lạnh, vừa sợ sệt, vì đã nhiều ngày, chúng không tìm ra đường trở về như cánh rừng trước đây.

Con chần cái này thấy đám trẻ

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG

ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

mên đem về, nuôi dưỡng ở một nơi cung điện của con chần cái Santhoméa mà nó định nuôi bợn con nít này cho béo mập, để làm thịt ăn cho ngon.

Khi 12 đứa bé được mập mập trắng trẻo hơn, thì bà chủ nhơn đức kia, tức con chần cái santhoméa truyền mở một bữa tiệc long trọng mà món ăn quý nhất là con gái lớn của chú tiều phu muốn ăn cho ngon miệng. Mụ chần bèn cùng đưa con gái mình, cỡi voi đi dạo, sau khi dẫn đồ gia trướng nấu nướng con thịt người đó.

Chẳng ngờ, có một con chuột trắng lên báo tin chẳng lành cho 12 cô gái khốn khổ đó hay trước, và nhân lúc vắng mặt mụ chần santhoméa, con chuột chỉ đường cho 12 cô đứa trẻ chạy trốn.

Khi về đến nhà, hay tin, thì mụ chần gầm thét vang rừng liền cho gia trướng tức đi tìm bắt 12 đứa ấy lại. Nhưng chỉ phí công vô ích mà thôi.

Sau đó chẳng bao lâu, mụ chần hay tin 12 đứa trẻ đã nếm

được người dất đến dâng cho nhà vua ở Angkor. Mụ chần bèn biến là một cô gái nhan sắc lộng lẫy, tìm cách vào được cung vua, dùng bùa mê thuốc lú, mê hoặc nhà vua.

Nhà vua mê muội cô gái (mụ chần) ấy, nên nghe lời cô sàm tấu, ông vua trở nên vô đạo, không còn biết thương xót 12 cô thiếu nữ đã sớm hôm châu chực phục vụ nhà vua từ lâu nay.

Một hôm, do lệnh nhà vua (con chần xúi giục) cả 12 cô đều bị đem giam dưới một giếng sâu, và bị mụ chần Santhoméa cho người móc cả đôi mắt của các thiếu nữ, trừ ra cô gái út Neang Pôu nhờ lanh lợi mà giữ được còn đôi mắt sáng suốt. Nhưng cô vẫn già đui mù như 11 người chị, vô phúc của cô.

Trước khi bị giam xuốnggiếng.

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM * NGON * NGỌT

12 cô đều có thai với nhà vua. Bà chằn Santhoméa, trở nên một bà phi yêu qui của nhà vua, bà truyền lệnh cho lính gát không được đem vật thực cho 12 tội nơn ăn uống trong lúc các cô này sanh sản.

Sự đói quá khiến cho người ta hay thú vật cũng thế, trở nên hung ác một cách dễ dàng. Mấy đứa trẻ mới sanh ra, lần lượt bị mẹ nó chia nhau xé ăn cả xương lẫn thịt. Chỉ có cô Néng Pou là giữ được cho con cô còn sống là nhờ cặp mắt sáng suốt của cô.

Thẩm thoát, thằng bé con của Néng Pou tên là Rot-thi-Sen đã trốn, nhờ khôn ngoan, nó vào ra chốn giam đó như thường, không ai hay biết. Ở ngoài thành, nó chỉ có con gà trống đẻ đá độ, mà luôn luôn độ nào cũng thắng. Nhờ đó mà nó kiếm đủ nuôi sống mẹ và mấy dì nó.

Một hôm mẹ chằn Santhoméa nhìn được mặt nó và dò biết các việc, bèn đòi nó đến truyền rằng :

— Ta có một việc cần sai mi, nếu thành công, mi sẽ được

trọng thưởng. Đây, hãy đem bức thư này đến nơi ấy... cho ta.

Mẹ chằn cho cậu bé mặc áo quần tốt và ban cho một con ngựa để cưỡi đi. Cậu bé ra đi. Sau một lúc mệt mỏi, cậu ta cột ngựa vào cội cây, và nằm ngủ dưới bóng mát.

Một đạo sĩ đi qua đó, thấy dưới cội ngựa có treo tòn ten một ống tre, bèn mở ống tre ra xem. Thấy trong đó đựng một phong thư của mẹ Santhoméa gửi cho con gái mình, tóm tắt rằng : «Tên đem thư này đến nơi thì con hãy giết ngay nó đi». Đạo sĩ xé ngay bức thư đó bỏ, thế vào một bức thư khác rằng :

«Hoàng-tử đến nơi thì con sánh duyên cùng ngài đi»

Cậu Rot-Thi-Sen vô tình chẳng hay ất giáp gì, chàng thung dung tìm đến con gái của mẹ chằn. Thư ấy trao đến tay cô thì nội ngày ấy, cậu Rot-Thi-Sen đã trở nên chồng của cô con gái bà Santhoméa.

Cô Kang-Rey—tức con gái bà

chằn—đắt tân lang đi xem các nơi danh lam, thắng cảnh trong địa phận mình và khoe với chàng các báu vật trong đền. Đi đến trước một cái kho mà nàng ngần ngại không muốn mở cửa. Nàng cho Rot-Thi-Sen hay rằng : «đây là phòng đựng những vật lạ mà cách đây ít lâu, mẹ nàng đã căn dặn chớ nên mở ra, bởi vì, nếu sự bí mật trong ấy mà bị khám phá thì cả nhà nguy mất.

Rot-Thi-Sen cũng không có ý gì muốn xem thấy những vật báu ấy làm gì. Chàng chỉ bảo nàng cho mình biết trong ấy để những gì là đủ.

Kang Rey bèn kể cho chàng nghe rằng trong ấy có ba vật lạ : một cái bình bằng bạc đựng mấy chục con mắt người, một cây thần côn, và một ve tiên được, có thể làm cho mắt dui sáng suốt lại như trước.

Rot-Thi-Sen nghe Kang Rey nói dứt lời chàng khóc ròng.

Kang Rey không hiểu chuyện chi, chỉ an ủi chàng. Rot-Thi-Sen gượng vui cho an lòng vợ.

PHỒ-THÔNG — 245

rồi thừa lúc nàng ngon giấc, chàng ăn cắp chìa khoá mở cửa kho, tóm thâu ba vật nọ, rồi lên ra, thót lên ngựa đi trong rừng rậm lúc ban đêm, để trở về thành vua.

Một ông đạo sĩ đón đường Rot Thi Sen, cho chàng một nhánh cây phép và dặn rằng : «Nếu vung cây thần còn một vòng thì có thể bay khỏi mặt đất, nếu muốn cho bọn Kang Rey không đuổi theo bắt lại, thì cứ quăng nhánh cây này xuống cãng đường».

Quả nhiên, Kang Rey dặt gia tướng đuổi theo. Khi nàng theo gần đến nơi Rot Thi Sen vung thần côn, con ngựa bỗng bay lên khỏi mặt đất. Kang Rey hết sức kêu gào khóc lóc; nhưng chàng cố gắng rạng chẳng để xiêu lòng, chàng bèn quăng nhánh cây phép ra, nhánh cây liền hóa thành một hòn núi to, che cản đường đi, rồi chàng hạ xuống đất, giục ngựa chạy mau.

Chạy về đến chỗ mẹ ở, bảo mẹ mau mau tiếp tay với chàng đem

117

11 dì mình đương bị giam dưới giếng lén, để chàng cứu cho sáng mắt lại. Chàng thuật các việc cho mẹ nghe, mẹ chàng mừng rỡ, tìm cách lén cứu các chị mình ra khỏi giếng sâu.

Sau khi đem được 11 người thiếu nữ bị mù lên khỏi miệng giếng, mẹ con chàng Rot-Thi-Sen đưa 11 nàng kia đến ở tạm trong một cái đền thờ thần cũ kỹ, bỏ hoang từ lâu :

Trong khi ấy thì mẹ chẵn, thứ phi của nhà vua hay được việc mẹ con Rot Thi Len đã đem 11 nàng mù lên ở hoang đó. Bà liền cho vua hay, và cùng đi với vua đến hoang, để chứng kiến cho quân lính của vua bắt tất cả 11 nàng mù và mẹ con Rot thi sen dâng giết chết, Bà chẵn nghĩ chuyện bức thư mình gởi cho con gái đã bại lộ, nên cậu Rot Thi Sen chưa bị con bà giết còn sống trở về, lại cứu được 11 nàng mù. Bà tức giận lắm, quyết giết hết cho dứt hậu hoạn, và ém nhem luôn câu chuyện bức thư giết người kia đi.

Vua, thứ phi chẵn, rằng rõ ra đi với một đội quân hộ vệ.

Khi đến ngôi đền hoang đồ nát đó, thì gặp ngay mẹ con Rot Thi Sen đương sửa soạn lấy hợp đựng 11 cặp trống mắt của 11 thiếu nữ mù, để lấp vào những hố mắt không trông cho 12 người đi.

Nhà vua nhìn thấy những thiếu nữ mà trước đây mình đã hầu hạ mình, nay sao trở nên mù lòa, thì động lòng thương cảm, bèn đến gần hỏi han.

Nàng út, tức mẹ của Rot Thi Sen đôi mắt không bị hại nên thay lời 11 chị mình mà tâu lên mọi việc cho nhà vua biết, lại chỉ cậu thiếu niên Rot Thi Sen mà bảo đó là con trai của

REGAST .T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

vua. Nhà vua đương sưng sốt chưa kịp có phản ứng nào thì bà chẵn thứ phi đã nắm tay nhà vua dẫn đi chỗ khác, và ra lệnh cho lính bắt cả bọn 13 người kia đem treo cổ ngay.

Rot-Thi-Sen nổi giận; dùng nhánh cây thần đánh bọn lính nhà vua, đưa nào đưa nấy văng ra xa và bỗng chốc chúng hoá thành những cục đá to tướng. Rồi cậu đến gần nhà vua, chỉ mặt thứ phi chẵn là bà Santhoméa bảo nhà vua biết đó là một con chẵn tinh hoá hình, âm ảnh mê hoặc nhà vua, xúi nhà vua làm điều tàn ác vô nhơn đạo. Bà Santhoméa đưa tay làm phép, đánh một chưởng cho Rot-thi-Sen nát thây. Nhưng Rot-Thi-Sen lẹ làng vung cây gậy lên, tức thì, chàng vọt bay mình lên không, tránh được đòn độc chưởng của Santhoméa. Bà này thất sắc, vội vàng níu nhà vua lôi chạy thoát thân.

Nhưng trên không, cậu Rot-Thi-Sen liền quăng nhánh cây xuống cản đường. Nhà vua và bà Santhoméa bị một vách đá cao ngất chặn lại, (do nhánh cây thần hoá ra) rồi chàng đưa cây gậy phép chỉ xuống đất,

chàng từ từ hạ xuống. Nhà vua bây giờ đã hiểu biết tất cả bí ẩn do thứ phi nguỵ tạo để hại mẹ con Rot-Thi-Sen và 11 thiếu nữ. Vua liền nổi giận, rút gươm chém thứ phi Santhoméa. Nàng liền đưa tay làm phép, một vết ánh sáng loé ra và xông thẳng đến nhà vua như một lưỡi kiếm để giết nhà vua. Nhưng lập tức, cậu Rot-Thi-Sen đưa cây gậy chỉ ngay vết sáng đó, vết sáng ma quái ấy liền tắt ngúm, Rồi thuận tay, chàng chia mũi gậy phép chỉ ngay bà Santhoméa. Một lưỡi kiếm sáng loà hiện ra, chém đứt đầu con chẵn tinh cái, lẳng long lóc xuống đất, máu vọt ra, và toàn thân hiện thành một con thường luồng đứt đầu, nằm trên vũng máu.

Nhà vua rùng mình sợ hãi, rồi tán tỉnh lại vọt chạy đến ôm Rot-Thi Sen vừa khóc vừa nói :
Con ! Con Hoàng-Tử tài ba hiếu

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY, HO, SUYỄN

thảo, đã cứu cha và cả giang san, dân tộc ! Nếu không có con trừ yêu giết quái, nó còn xúi xiểm, mê hoặc cha, khiến cha làm nhiều điều tội ác nữa, rồi cuộc, cha sẽ chết thảm nước sẽ mất, nhà sẽ tan, dân sẽ điêu linh khốn đốn, chết chóc cả !

Rồi vua đến lần lược đỡ nàng út, tức mẹ của Roi-Thi-Sen và 11 nàng mù dậy, trong lúc các nàng sợ hãi, úp xuống đất, run rẩy, và nói :

Các ái khanh hãy chờ dậy, cùng trăm trở về thành nội, Trăm sẽ tìm ngự ý chữa lại cho đôi mắt của các khanh. Cho khanh ra thân thể như thế này cũng vì trăm mê muội, bị yêu tinh đầu độc trí não tâm thần. Trăm đã ăn năn hối hận, các khanh hãy vui lòng bỏ qua cho t ăm những tội lỗi này. Từ đây, chúng ta hãy vui hưởng hạnh phúc.

Trong khi ấy thì Roi-Thi Sen đã giở hộp đựng trông mắt ra, và lấy nước phép trong cái ve mà chàng đã được con gái mù chần cho biết là nước ấy nhỏ vào mắt sẽ được sáng ra, mà làm cho 11 nàng kia đều lành

lặn sáng sửa tất cả mắt, lại như xưa.

Nhà vua càng khen ngợi và yêu qui Roi-Thi Sen hơn nữa. Vua nói :

— Với tài phép của Hoàng tử con ta, từ rày về sau, còn nước nào dám găm ghé xâm chiếm nước ta được. Về triều, ta sẽ tấn phong làm Đông cung thái tử, kiêm luôn chức Nguyên soái, thống lãnh ba quân.

Nói đến đây thì chợt thấy các quan văn võ lính tráng, xe ngựa, tàng lọng đi đến, vì triều thần thấy nhà vua đi lâu chưa về, nên hồ nghi có chuyện gì xảy ra chăng, bèn kéo đi tiếp giá và rước về.

□□□

PENI-V 200.000 đv
400.000 đv
500.000 đv

Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chính PENICILLINE-G.

GIƯƠNG CỔ NHÂN

● ÁI LAN

*Người xưa
đã thực thi*

«NGƯỜI CÀY CỎ RUỘNG»
như thế nào ?

- * Suốt đời đề lo cho nông dân có đất cày cấy
- * Người đã đóng góp cho tổ quốc quê hương tất cả cuộc sống của mình

CỤ TIỀN-HIÊN Phan-Công-An, người ở Huế. Nguyên cuối đời Lê, Tây-Sơn nổi lên chống vua Gia-Long, cụ Phan-Công-An theo phò Gia-Long, làm chức «Cận thị cai đội». Trong lúc vua Gia-Long bôn tẩu, cụ theo bên nhà vua. Đến khi vua Gia-Long thân phục Gia-Định thì cụ thăng chức «Khâm sai tiền chỉ chánh cai cơ».

Người đương thời gọi cụ là «cai cơ Thông» (dùng tên của phu nhân là Đặng thị Thông, mà xưng hô cho cụ vậy). Tuy buổi trung hưng, vua Thế-Tổ (Gia-Long) đã tức vị ở Gia-Định, nhưng cũng còn theo niên hiệu vua Lê, nên trong năm Cảnh-Hưng, cụ cáo lão về hưu, dựng nên thôn ấp.

Sau đó, cụ dâng sớ xin đức

Thế-Tô cho cụ đến Ba-Nuyền và Long-Hồ để khẩn đất làm ruộng. Cụ khai phá những rừng bụi hoang vu, trở thành ruộng đất tốt, rồi qui tụ dân các nơi đến ở làm ruộng, lập ra làng ấp thôn xóm đông đảo. Cụ lập chỗ này thành tựu đầu đó an bài rồi thì cụ lại đi nơi khác, khai hoang, qui dân lập ấp như thế mãi. Cụ tuy già nua, yếu đuối, nhưng lòng cụ vẫn hàng say vì nước vì dân không biết mỏi mệt.

Sau cụ đến Vĩnh-long, (trước gọi là Long Hồ) lập lên một làng gọi là Mỹ thanh trung, châu vi rộng lớn, đông giáp rạch Trà luộc, bắc tới rạch Bằng lãng, phía trước, tới sông Kiên thăng (tức sông Mãn-thít) phía sau tiếp với địa phận làng, Đông thành, tỉnh An giang. (Châu đốc) Trong làng chia ra sáu ấp: Mỹ thanh, Mỹ hưng, Mỹ phú, Mỹ-qui, Mỹ lợi, và Mỹ-an, rồi cụ chiêu dân đến ở đông đảo chuyên nghề làm ruộng.

Hồi trước, đất này bỏ hoang, rừng rú sầm uất cộp beo sinh sôi nảy nở rất nhiều, Khi cụ đến ruộng phá thành khoảnh, chia, làm hai hạng điền: ruộng ở gần thì gọi là sơn điền, ruộng ở xa thì gọi là thảo điền, rồi

cấp cho dân làm ruộng, ăn học lợi vĩnh viễn — cụ đã thực thi «người cấy có ruộng» bằng phương thức khai hoang rồi chia đều cho không trấu hữu hay chia cắt đất đã thành khoảnh — Cứ khai hoang, chia đều cho dân cấy rồi lập ty lập làng, tổ chức an ninh trật tự, do dân tự trị lấy mình, rồi cụ đề đó, đi nơi hoang vu khác, khai thác, qui dân, lập ấp v.v... cho nên dân chúng ai cũng theo về với cụ mà thành ra làng xóm trù mật.

Đến sau cụ mất nhằm tiếp thượng nguyên (rằm tháng giêng) không rõ năm nào, nhưng có nhiều truyền khẩu của người trước lưu lại rằng vào đầu thời Minh-Mạng, cụ hưởng thọ bao nhiêu cũng chưa ai biết chắc được, nhưng chắc chắn vào tuổi thượng thọ. Mộ cụ nằm về phía nam vòm rạch Cái-sơn làng Mỹ-thanh-trung. Vĩnh-long.

Cụ mất rồi, phu nhân ở một mình. Mỗi khi phu nhân chống gậy đi chơi trong xóm, hay đến nhà các quan tỉnh, phủ, huyện, thì dân chúng cũng như chảnh quyền sở tại, đều đón tiếp trọng hậu. Trong làng trong tỉnh có việc chi phải đến cửa quan, thì dân chúng nhờ phu nhân đến

biện hộ cho, đều được thành công tốt đẹp. Còn người trong làng có điều chi xích mích nhau mà giải quyết không được, thì đem nhau đến phu nhân phân xử cho, đều được thuận hoà cả bên. Tinh tình phu nhân cũng như cụ Tiên-Hiền, là ngay thẳng, nhưn đức, công bình thương nước yêu dân cho nên dân chúng cảm mến kính phục như cha mẹ.

Phu nhân mất khoảng giữa thời Minh-Mạng, không biết vào năm nào, mộ của phu nhân nằm ở phía tả bên con rạch Bằng-làng.

Làng xóm cảm vì công nghiệp lớn đối với dân tình, nên tôn cụ «Tiên Hiền Khai Khẩn» tức một vị ân nhân «khai canh» (mở sự canh tác khai khẩn) lập miếu thờ tại làng và phong tộ mồ mã của cụ và phu nhân rất kiên cố đẹp đẽ.

Cụ và phu nhân không có con, và cũng không có bà con họ hần chi cả, chỉ lấy nhân dân làm con, lấy đất nước làm tổ tiên cha mẹ. Một đời tận tụy với sự khai hoang, rồi gọi dân nghèo khổ, tá canh tá điền bị địa chủ bóc lột, không có một chỗ cắm dùi, từ các nơi qui tựu về, để

chia nhau sống trên đất mới và cùng hữu sản hoá với nhau cùng góp công góp của, động viên tinh thần và tình thương, đoàn kết, xây dựng tự lập tự trị, tự tổ chức đời sống tập thể, dựng nên làng ấp, đình chùa, chợ búa, sống với nhau trong an lạc sung túc, trong trật-tự an ninh với tất cả tấm lòng thương lo, đùm bọc lẫn nhau một cách chân thành, thiết thực.

Ông Thượng tôn Thị có làm bài sau đây nói về cụ Tiên-Hiền: Kinh nghe,

«Người tuy mất mà tiếng thơm còn để, cũng non sông muôn thuở lâu dài.

Việc đã xưa mà dấu tốt còn lưu, với tre lụa ngàn năm ghi tạc. Có công nghiệp với dân với nước, thì kính tôn làm thánh thần n.l r

Quan Tiên Hiền ta

Sanh đời Lê qui gần suy,
Giúp buổi Nguyễn triều đương thịnh.

Đã ghe phen đỡ vạc nâng thành, vùng Xiêm, Lạp nghe danh khiếp vía.

Cũng lắm lúc xông tên đột pháo, chốn sa trường ném mặt nằm gai.

Ơn bao thưởng phong công tử trước, giữa ba quân đông mặt vui mừng.

Bước truân, tùy trọn đạo làm

tôi, trên chín hệ dốc lòng quyển
câu.

Tuổi xanh lo trả nợ áo cơm
đẹp Bắc đánh Nam, mừng thấy
trời nghiêng chói sáng.

Tóc bạc toan về nơi rẫy bãi,
dầm mưa dãi nắng, vui theo
ruộng Thuần nông tranh.
ruộng Thuần nông trang.

Được chỉ ban vào xứ Nam-kỳ,
xin hưu dưỡng ở miền Đông-tác.
Quý dân võ đất khắp nơi, ăn
đọc theo sông Mãn thít.

Lập ấp phân ranh các chỗ,
chạy dài dài đến hạt Cẩn-thơ.
Ruộng cỏ bay thẳng cánh, lúa
đơm mượt mượt một phương
trời.

Nhà vây hợp ngay hàng, cây
phủ xanh-xanh ngày đậm đất.

Mở mang cả lớn cơm tiền,
nhờ có đức bà nội-trợ.

Thông thả rong chơi ngày
tháng, cầu cho vận nước trung
hưng.

Cây thì nhường bờ, đi thì
nhường bước, dạn dò nhau giữ
mực chẳng đơn sai.

Già được phần dưỡng, trẻ
được phần canh, chia chác đủ
mọi người không bỏ sót.

Đàn nhớ ơn đùm bọc chỗ che
vì chẳng khác cây đường Thiệu.
bà.

Đàn mến đức sữa-sang dạy
đỗ, sánh cũng như áo cổn Châu-
công.

Nghĩ cho kỹ từ đời ông
Nguyễn-thoại-Sơn (1) trở về
trước, ông Nguyễn tiền Hải (2)
trở về sau, thì thiệt chưa thấy
ông nào được như quan Tiền
Hiền ta vậy.

hoang ở Bắc, lập hai huyện
Kim Sơn và Tiền hải.

Tôi nay; đến thăm miếu cũ,
chạnh nhớ hiền xưa.

Đốt nén nhang trước án,
van xin chùng tác thần.

Trải tờ giấy trên bàn, lượm
lặt chép biên sự thật.

Nhìn nước non mà cảm nỗi
hung suy, đau tấm lòng rơi giọt
lệ.

Thấy ruộng đất mà nhớ công
khai sáng, xót con mắt, đổ mồ
hôi.

Hơn trăm năm huê lợi, bạc
biền tiền rừng, muôn họ
ấm no, cha trời, mẹ đất.

Kính làm bài tựa,

Nêu ở trình manh. (3)

Ngày rằm tháng bảy năm 1634

THƯỢNG-TÂM-THỊ

(1) Ông Nguyễn văn Thoại thời
Minh Mạng, đào sông tỉnh
An-Giang, sau vua dùng tên
húy của ông đặt tên sông
là Thoại-hà, tên núi là Thoại-
Sơn, hiện ở Long Xuyên có
bia đá chép hành trạng của
ông, và ông có làm bảo hộ ở
Nam-Vang.

(2) Ông Nguyễn công Trứ khai

(3) Là tấm bia đá.

BẠN ĐỌC GỬI VỀ TÒA SOẠN

● Nhớ Quê Hương... Lo Cho Đàn Em Trẻ...

Brannenburg : 27-3-1970.

Mỗi lần nhận được báo Phổ-Thông gửi sang là mỗi lần cảm
thấy gần gũi với Việt Nam, hết sức hân hoan thích-thú...

... Được biết tuần báo «Thăng Bờm» số 1 do ông chủ-
trương đã ra mắt độc-giả. Đó là dấu hiệu đáng mừng cho thiếu-nhi
Việt Nam và cho cả tương lai của xứ sở nữa. Chúng tôi nhiệt liệt
chào mừng và Kính chúc ông thành-công trong sứ mệnh hướng dẫn
và giáo dục Thiếu nhi Việt Nam..

Herrn Nguyễn-định-Quốc

Bei Familie Kellner

3501 Simmeshausen über KASSEL

Sohrestraße 7 (Deutschland)

Bắt đầu tháng 5-1970 xin gửi về địa chỉ mới : Goethe-Institut
Passau

839 Passau-Bischof-wolfgangstraße 22 Deutehland.

như đã nói trong thư trước vì tôi không còn ở Brannenburg nữa.

Trân trọng kính chào ông và chúc ông sức khỏe.

NGUYỄN-ĐỊNH-QUỐC

(Tây-Đức)

● Xây dựng

Đànăng ngày 12-2-70

Thưa ông ! từ lâu tôi là độc giả chân thành của tạp chí «Phổ-Thông», nhưng tôi chưa có lần nào chép thư để dung hòa hoặc bỏ khuyết tạp chí nói trên.

Vậy, hôm nay tôi mạo muội viết thư này gửi đến ông. Trước kính chúc ông và toàn thể nhân viên tòa soạn bước sang năm mới gặp hái được nhiều thắng lợi — Và sau đây xin ông cho tôi được nêu lên một vài ưu, khuyết điểm của tạp chí chúng ta :

I. ƯU — Về phần nội dung, bài vở đăng tải lựa này khá đầy đủ và đa phần tiến triển.

II, KHUYẾT — Hình thức. Bìa và hình ảnh không được đẹp mắt.

Nội dung. Nét chữ từ lâu lắm vẫn không được thay đổi.

Vậy kính xin ông có thể cho thay đổi những gì ở phần II, hầu được nhiều độc giả hơn và cũng đề làm tăng thêm phần tiến triển của nền văn học nước nhà.

Kính chào ông.

(Ký tên không rõ)

PHỔ-THÔNG — 245



● **Hành-Trình**, của nhóm Văn nghệ Hồn Hoang, Phan Thiết. Quay ronéo. Nguyễn văn Sáu KBC 39/3

● **Quý con**, Lưu Bằng, dịch, theo *La Petiti Fadette* của Georges Sand. Loại sách song-nghi-bạn đọc nên xay đề hiệu Văn-Chương ngoại-quốc.

Nhà X.B: Đoàn Hồng Bá, 42 Cao thắng, saigon

● **Phở xưa và từ đó**

Thơ của Yên-Giang
Song-Thơ xuất bản, Tây Ninh,

● **Lòng Bắc-ái** (*The Bear-Girl of Ayar-Patti*) của Richard Busher, trong cuốn «The Money-lender and other stories».

Văn-Hà Vũ-trung-Lập dịch — (Sách song nghi) Trí-Đức xuất bản-1970

Hè 70 — lớp HỌA Phổ-thông

KHÓA MỚI

4-5

● tại Trường KIẾN-THIỆT
223/4 Ph-đình-Phùng (Sg)

● Trường BÌNH DÂN HỌC HỘI
(ngang Tiểu học Ph-đình-Phùng)

G.S. HÒA-THANH hướng dẫn — Khóa 3 tháng
Đã HOẠT-ĐỘNG được 8 Khóa qua.

trị: **ỈA CHÁY - NHIỄM ĐỘC**
Ở RUỘT

KIỆT-LY CÓ ĐÂM MÀU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

PHONG-THU

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

*Hợp với
người lớn
trẻ em*

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

20bc/STT/27-6-67

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"

AIR



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

*Mức ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Uşa Đĩa.*

Brasseries et Glacières
de l'Indochine
6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél. 20.344

Nhà hàng Đại-La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn iều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giải và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dượt bay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » rên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BY. số 3—9-5-63)

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ
Công sử : gấp đôi